



Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
Vietnam Museum of Ethnology



Trung tâm nghiên cứu quốc tế
về Di sản Văn hóa Phi vật thể
ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương
International Research Centre
for Intangible Cultural Heritage
in the Asia-Pacific Region



Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
The Vietnam National Institute
of Educational Sciences

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

GIÁO DỤC VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG

HƯỚNG TỚI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC



Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
Vietnam Museum of Ethnology



Trung tâm nghiên cứu quốc tế
về Di sản Văn hóa Phi vật thể
ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương
International Research Centre
for Intangible Cultural Heritage
in the Asia-Pacific Region



Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
The Vietnam National Institute
of Educational Sciences

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
GIÁO DỤC VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG
HƯỚNG TỚI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

NHÓM BIÊN SOẠN TÀI LIỆU

Th.S. Phạm Thị Thủy Chung, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

Th.S. Bạch Ngọc Diệp, Viện KHGD Việt Nam

Th.S. Nguyễn Trọng Đức, Viện KHGD Việt Nam

TS. Vũ Phương Nga, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

TS. Vũ Hồng Nhi, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

TS. Lương Việt Thái, Viện KHGD Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân, Viện KHGD Việt Nam

Th.S. Bùi Thanh Xuân, Viện KHGD Việt Nam

MỤC LỤC

PHẦN MỘT - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÀ GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	11
1. Di sản văn hóa phi vật thể	11
1.1. Khái niệm di sản văn hóa phi vật thể	11
1.1.1. Di sản văn hóa phi vật thể là gì?	11
1.1.2. Các hình thức biểu hiện của di sản văn hóa phi vật thể	11
1.1.3. Các đặc trưng chung của di sản văn hóa phi vật thể	12
1.2. Giới thiệu tóm tắt về các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp	12
1.2.1. Nhã nhạc cung đình Huế	12
1.2.2. Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên	13
1.2.3. Dân ca Quan họ Bắc Ninh	13
1.2.4. Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc	13
1.2.5. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương	14
1.2.6. Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ	14
1.2.7. Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	14
1.2.8. Nghi lễ và trò chơi kéo co (Hồ sơ đa quốc gia)	15
1.2.9. Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt	15
1.2.10. Hát Xoan Phú Thọ	16
1.2.11. Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ	16
1.2.12. Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam	16
1.2.13. Ca trù	17
2. Giáo dục vì sự phát triển bền vững	17
2.1. Phát triển bền vững và Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc	17
2.1.1. Phát triển bền vững	17
2.1.2. Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc	18
2.1.3. Khía cạnh văn hóa trong phát triển bền vững	19
2.2. Giáo dục vì sự phát triển bền vững	20
2.3. Khái quát về giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam	20
2.3.1. Bối cảnh	20
2.3.2. Một số chính sách cơ bản về giáo dục vì sự phát triển bền vững của Việt Nam	20
2.3.3. Một số kết quả chính của Việt Nam về giáo dục vì sự phát triển bền vững	21
3. Mối quan hệ giữa giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam	22
3.1. Bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay	22
3.2. Tầm quan trọng và yêu cầu giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể vì sự phát triển bền vững trong giáo dục phổ thông của Việt Nam	23

3.3. Mối quan hệ giữa giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục vì sự phát triển bền vững	23
---	-----------

PHẦN HAI - HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH GIÁO DỤC VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG	25
---	-----------

1. Nguồn lực tham gia	25
------------------------------	-----------

1.1. Học sinh	25
1.2. Giáo viên	25
1.3. Cộng đồng chủ thể văn hóa	26
1.4. Các nhà khoa học, chuyên gia về di sản văn hóa phi vật thể và chuyên gia giáo dục	26
1.5. Các nhà quản lý văn hóa	26
1.6. Các nhà quản lý giáo dục	26
1.7. Truyền thông	27

2. Cách tiếp cận	27
-------------------------	-----------

2.1. Học sinh là trung tâm	27
2.2. Giáo viên hứng thú với di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục vì sự phát triển bền vững	27
2.3. Đa dạng hóa cách thức học tập	27
2.4. Kết hợp giữa các yếu tố của di sản văn hóa phi vật thể và các nguyên tắc của giáo dục vì sự phát triển bền vững cho việc học	28
2.5. Cách tiếp cận toàn nhà trường	29

3. Phương pháp thực hiện	29
---------------------------------	-----------

3.1. Phương pháp khai thác tư liệu	29
3.2. Nguồn tài liệu	29
3.3. Quy trình thực hiện	30

4. Tích hợp di sản văn hóa phi vật thể vào bài học trong nhà trường vì mục tiêu giáo dục vì sự phát triển bền vững	34
---	-----------

4.1. Khung tích hợp	34
4.2. Một số ví dụ minh họa về bài soạn tích hợp nội dung giáo dục di sản văn hóa phi vật thể	50

BÀI SOẠN NGỮ VĂN (1) - TRUYỀN THUYẾT THÁNH GIÓNG (Lớp 6)	50
BÀI SOẠN NGỮ VĂN (2)- LUYỆN NÓI: KỂ CHUYỆN (Lớp 6)	59
BÀI SOẠN MỸ THUẬT- VẼ TRANH ĐỀ TÀI LỄ HỘI (Lớp 6)	63
BÀI SOẠN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (1)- ĐỘ CAO VÀ ĐỘ TO CỦA ÂM (Lớp 7)	70
BÀI SOẠN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (2)- HOẠT ĐỘNG HỒ HẤP (Lớp 8)	79
BÀI SOẠN ĐỊA LÍ- TÂY NGUYÊN (Lớp 9)	86
BÀI SOẠN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG (Lớp 6)	93
PHỤ LỤC	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	119

LỜI CẢM ƠN

Tài liệu hướng dẫn “Giáo dục di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững” là kết quả hợp tác giữa Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Di sản Văn hóa Phi vật thể ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương (IRCI), Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (VME) và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (VNIES) trong khuôn khổ dự án “Nghiên cứu đa ngành về sự đóng góp của di sản văn hóa phi vật thể đối với phát triển bền vững: Tập trung vào giáo dục”.

Đây là dự án nghiên cứu thuộc hoạt động của UNESCO được Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản tài trợ. Bên cạnh nỗ lực của nhóm nghiên cứu và biên soạn, Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Di sản Văn hóa Phi vật thể ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (IRCI) đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn hai cơ quan phù hợp và đáng tin cậy là Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, cung cấp những hướng dẫn chi tiết và hỗ trợ về tài chính, kĩ thuật để thực hiện tài liệu.

Chúng tôi vô cùng biết ơn sự tư vấn và hỗ trợ nhiệt tình của Văn phòng UNESCO Hà Nội và Văn phòng UNESCO Bangkok trong quá trình biên soạn tài liệu. Nhiều chuyên gia, nhà nghiên cứu đã dành thời gian để đóng góp các ý kiến chuyên môn, tham gia các cuộc họp và cung cấp những phản hồi quan trọng cho các bản thảo của tài liệu. Lời cảm ơn đặc biệt xin được gửi tới GS. Wataru Iwamoto (IRCI) và GS. Masahisa Sato (Trường Đại học Tokyo, Nhật Bản) về những góp ý sâu sắc và tâm huyết để chúng tôi có thể hoàn thiện tài liệu. Chúng tôi cũng ghi nhận sự hỗ trợ và ý kiến đóng góp quý báu của các đồng nghiệp tại Cục Di sản văn hóa, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

Lời cảm ơn chân thành xin được gửi tới cán bộ quản lý và giáo viên của các trường THCS Yên Hòa, THCS Thực nghiệm khoa học giáo dục, THCS Ngô Sĩ Liên, THCS Lê Ngọc Hân, THCS Nghĩa Tân, THCS Lương Yên, THCS Tây Sơn đã chia sẻ kinh nghiệm về nội dung và cách thức thực hiện giáo dục di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông. Đặc biệt, xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu, giáo viên và học sinh trường THCS Yên Hòa và trường THCS Thực nghiệm khoa học giáo dục – nơi đã tham gia hoạt động thử nghiệm để đánh giá, kiểm chứng tính phù hợp, khả thi của tài liệu hướng dẫn.

Sự tham gia của các nghệ nhân Ca trù (phường Thái Hà), nghệ nhân kéo co ngòi (làng Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội) và nhân viên khu di tích đền Ngọc Sơn (Hoàn Kiếm, Hà Nội) đã bổ sung nguồn thông tin hữu ích cho việc xây dựng các bài giảng và tạo nên không khí sống động của các tiết học tích hợp DSVHPVT trong khuôn khổ dự án này. Xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc tới những đóng góp quý báu đó.

Xin trân trọng cảm ơn tất cả những bạn bè, đồng nghiệp đã làm việc nghiêm túc, cẩn trọng trong quá trình dịch thuật, biên tập, chế bản tài liệu.

Để hoàn thành Tài liệu hướng dẫn này, nhóm nghiên cứu và biên soạn còn nhận được sự hỗ trợ và tư vấn của rất nhiều cá nhân và tổ chức. Xin được bày tỏ lòng cảm kích tới tất cả những người đã đóng góp cho nỗ lực này.

Chúng tôi hy vọng tài liệu sẽ góp phần cung cấp kiến thức, kĩ năng, hình thành thái độ và phát triển những năng lực cần thiết cho giáo viên và học sinh trong quá trình triển khai giáo dục di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững trong chương trình giáo dục phổ thông mới.

Danh mục từ viết tắt

DSVH	Di sản văn hóa
DSVHPVT	Di sản văn hóa phi vật thể
GDVSPTBV	Giáo dục vì sự phát triển bền vững
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
KHTN	Khoa học tự nhiên
KHXH	Khoa học xã hội
LHQ	Liên hợp quốc
PTBV	Phát triển bền vững
SGK	Sách giáo khoa
THCS	Trung học cơ sở
UBND	Ủy ban nhân dân
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc

Giới thiệu

1. Mục tiêu

“Tài liệu hướng dẫn giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu PTBV” được xây dựng nhằm cung cấp cho các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục, cán bộ quản lý và giáo viên (GV) nhà trường một công cụ lý luận và thực hành trong việc giáo dục về các di sản văn hóa phi vật thể (DSVHPVT) của Việt Nam cho học sinh (HS), đóng góp vào việc thực hiện Các mục tiêu PTBV của Liên hợp quốc mà Việt Nam đã cam kết thực hiện.

2. Cấu trúc

Tài liệu được chia thành hai phần chính:

Phần I. Một số vấn đề chung về DSVHPVT và GDVSPTBV

Phần này giới thiệu những vấn đề lý luận khái quát về DSVHPVT và GDVSPTBV và mối quan hệ giữa hai lĩnh vực này, nhằm giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý và GV có được những hiểu biết cơ bản nhất làm nền tảng cho việc thực hành giáo dục DSVHPVT trong nhà trường. Trong phần này, tài liệu cũng cung cấp những thông tin cơ bản về 13 DSVHPVT của Việt Nam được UNESCO ghi danh là DSVHPVT đại diện của nhân loại và DSVHPVT cần bảo vệ khẩn cấp.

Phần II. Hướng dẫn thực hành giáo dục DSVHPVT vì sự PTBV trong trường phổ thông

Phần này bao gồm cách tiếp cận, quy trình thực hiện, khung tích hợp cho một số môn học cấp THCS và giáo án minh họa cách tích hợp giáo dục về DSVHPVT qua năm môn học và hoạt động giáo dục. Đây là những gợi ý giúp người thực hiện biết cách tích hợp nội dung giáo dục DSVHPVT vào môn học và các hoạt động giáo dục trên nguyên tắc vừa đảm bảo các mục tiêu của bài học, vừa tạo cơ hội cho HS khám phá, tìm hiểu thêm về những DSVHPVT của đất nước mình.

3. Phạm vi

- *Về giới hạn phạm vi cấp học:* Trong khuôn khổ hiện tại, phần hướng dẫn thực hành của tài liệu cung cấp những chỉ dẫn cụ thể cho việc tích hợp giáo dục DSVHPVT trong nhà trường ở cấp *THCS thông qua một khung tích hợp từ lớp 6 đến lớp 9 và một số ví dụ minh họa về giáo án giảng dạy các môn học/hoạt động giáo dục*. Tuy nhiên, đối với các nội dung cơ bản khác như một số vấn đề lý luận chung, cách tiếp cận, các bước thực hiện..., GV/nhà giáo dục có thể vận dụng cho bất kỳ cấp học, đối tượng người học nào tùy vào mục đích cụ thể. Đối với các giáo án minh họa, GV cũng có thể tham khảo cách thức tổ chức các hoạt động học tập để tự thiết kế những hoạt động tương tự cho HS các lớp học, cấp học khác tương ứng.

- *Về các môn học được minh họa:* Trong phạm vi hiện nay của Tài liệu, phương pháp thực hiện giáo dục DSVHPVT trong nhà trường được minh họa thông qua giáo án của *bốn môn học (Ngữ văn, Mỹ thuật, Địa lý, Khoa học tự nhiên (KHTN)) và một hoạt động giáo dục (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp)*. Những môn học/hoạt động này được lựa chọn minh họa vì có nhiều tiềm năng, cơ hội phù hợp để đưa nội dung giáo dục DSVHPVT vào một cách tự nhiên, hài hòa. Giáo án các môn học minh họa cũng thể hiện tính đa dạng của việc sử dụng DSVHPVT trong dạy và học ở các lĩnh vực KHTN, KHXH, nghệ thuật và hoạt động giáo dục. Các ví dụ còn cho thấy, nếu áp dụng cách tiếp cận và hướng dẫn như đề cập trong Tài liệu, giáo dục DSVHPVT có thể được đưa vào bất kỳ môn học hay hoạt động nào, tùy thuộc vào khả năng và sức sáng tạo của GV và HS.
- *Về các DSVHPVT được giới thiệu trong Tài liệu:* Tài liệu hiện cung cấp những gợi ý sử dụng 13 DSVHPVT của Việt Nam đã được UNESCO ghi danh là DSVHPVT đại diện của nhân loại và DSVHPVT cần được bảo vệ khẩn cấp để biên soạn bài giảng tích hợp DSVHPVT hướng tới sự PTBV. Việc làm này nhằm tập trung giới thiệu tới HS những DSVHPVT nổi bật nhất của đất nước đã được các chuyên gia quốc tế thẩm định về giá trị văn hóa.

Tuy vậy, điều này không có nghĩa là giảng dạy về DSVHPVT chỉ đóng khung trong phạm vi 13 di sản này. Bài giảng môn Ngữ văn có sử dụng truyền thuyết Hồ Gươm và di tích đền Ngọc Sơn là một ví dụ về việc sử dụng di sản văn hóa của địa phương vào bài học. Theo đó, khi vận dụng Tài liệu vào thực tiễn của trường mình, GV có thể tùy ý lựa chọn, thay đổi để giới thiệu những DSVHPVT tại địa phương mình. Điều này giúp HS thuận tiện hơn trong việc nhận diện các di sản, tăng thêm hiểu biết, lòng tự hào, trân trọng đối với những đặc trưng văn hóa nơi mình sinh sống. Đồng thời, cách làm này giúp huy động được sự tham gia của các nghệ nhân, nhà văn hóa tại địa bàn vào hoạt động nhà trường. Đối với những vùng điều kiện kinh tế khó khăn, HS và GV ít có cơ hội tiếp xúc với các nguồn thông tin chính thống về DSVHPVT của quốc gia, GV nên phối hợp với các cơ quan, tổ chức văn hóa và cá nhân tại địa phương để khai thác thêm thông tin về những DSVHPVT tại địa bàn nhằm giúp cho việc giáo dục về di sản trở nên gần gũi, thiết thực với HS.

4. Đối tượng sử dụng tài liệu

Các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục, GV, và cán bộ quản lý nhà trường có thể sử dụng tài liệu như một kênh thông tin tham khảo để tăng cường giáo dục về DSVHPVT nhằm nâng cao hiểu biết về truyền thống địa phương, truyền thống dân tộc, mở rộng kiến thức về văn hóa và GDVSPBV cho HS.

Đồng thời, trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông mới sẽ được áp dụng từ năm học 2020-2021, Tài liệu còn có thể được sử dụng như một nguồn tham khảo giúp cán bộ quản lý và GV thực hiện hiệu quả Nội dung giáo dục bắt buộc của địa phương trong Chương trình (đối với những địa phương có DSVHPVT được UNESCO ghi danh).

Hi vọng cuốn Tài liệu sẽ là nguồn thông tin hữu ích hỗ trợ các nhà giáo dục, nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý và GV trong quá trình giáo dục toàn diện đối với HS nói chung và đóng góp cho việc thực hiện các mục tiêu PTBV nói riêng, hướng tới mục đích chung cuối cùng là hình thành những công dân Việt Nam có hiểu biết, có trách nhiệm, có lòng tự hào, tự tôn về bản sắc dân tộc để tự tin hội nhập với thế giới

- Nhóm nghiên cứu -

PHẦN MỘT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÀ GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Di sản văn hóa phi vật thể

1.1. Khái niệm di sản văn hóa phi vật thể

1.1.1. Di sản văn hóa phi vật thể là gì?

Theo “Công ước Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể” được UNESCO thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2003 và Việt Nam cam kết thực hiện từ ngày 20 tháng 9 năm 2005, *DSVHPVT* được hiểu là “các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng – cũng như những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan – mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần DSVH của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, *DSVHPVT* được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường, với mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những *DSVHPVT* phù hợp với các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân, và về PTBV”.^[1]

Tại Điều 4, Mục 1, Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH, ngày 23 tháng 7 năm 2013, “Luật DSVH” do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành, *DSVHPVT* là “sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác”.

1.1.2. Các hình thức biểu hiện của di sản văn hóa phi vật thể^[2]

- Các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của *DSVHPVT*;
- Nghệ thuật trình diễn;

[1] http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Hanoi/pdf/Convention_2003.pdf, tr. 3.

[2] http://www.unesco.org/new/fileadmin/MULTIMEDIA/FIELD/Hanoi/pdf/Convention_2003.pdf, tr. 4.

- Tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội;
- Tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ;
- Nghề thủ công truyền thống.

1.1.3. Các đặc trưng chung của di sản văn hóa phi vật thể^[3]

- *Các yếu tố truyền thống và đương đại cùng tồn tại song song:* DSVHPVT không chỉ đại diện cho những truyền thống kế thừa từ quá khứ mà bao gồm cả những thực hành đương đại ở nông thôn và đô thị nơi mà các nhóm văn hóa đa dạng tham gia;
- *Tính toàn bộ:* Các biểu đạt của DSVHPVT, dù đến từ vùng quê lân cận, từ một thành phố ở bên kia trái đất, hay được tiếp nhận bởi các tộc người di cư và định cư ở một vùng đất khác, đều có đặc tính chung là được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, được phát triển để thích ứng với môi trường, góp phần tạo cho mỗi người ý thức về bản sắc và sự kế tục, kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai. DSVHPVT không chỉ thuộc riêng về một nền văn hóa mà góp phần gắn kết xã hội, khuyến khích ý thức về bản sắc và trách nhiệm, qua đó cá nhân cảm thấy mình là một phần của một hoặc nhiều cộng đồng khác nhau, và của toàn xã hội;
- *Tính đại diện:* DSVHPVT không chỉ được coi là một sản phẩm văn hóa vì tính độc quyền hoặc giá trị đặc biệt của nó. Nó phát triển trên nền tảng của chính di sản trong các cộng đồng và phụ thuộc vào những người có kiến thức về truyền thống, kỹ năng và phong tục được truyền lại cho phần còn lại của cộng đồng, từ thế hệ này sang thế hệ khác, hoặc cho các cộng đồng khác;
- *Tính dựa vào cộng đồng:* DSVHPVT chỉ có thể được coi là di sản khi được thừa nhận bởi chính cộng đồng, nhóm người hoặc các cá nhân – những người đã sáng tạo, duy trì và trao truyền di sản đó.

1.2. Giới thiệu tóm tắt về các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp

Cho đến nay, Việt Nam đã có 13 DSVHPVT được UNESCO ghi danh là DSVHPVT đại diện của nhân loại và DSVHPVT cần được bảo vệ khẩn cấp. Để làm rõ quá trình giáo dục về DSVHPVT trong trường học hướng tới mục tiêu PTBV, Tài liệu sẽ sử dụng thông tin về 13 di sản đó trong các ví dụ minh họa xuyên suốt, bởi những di sản này:

- Có lượng thông tin, tài liệu phong phú làm cơ sở để GV, HS tra cứu, tham khảo trong quá trình tìm hiểu và ứng dụng trong giảng dạy và học tập. Đây là lý do quan trọng bởi việc xây dựng bài giảng kết hợp giữa kiến thức và kỹ năng môn học với giáo dục về DSVHPVT cần có quá trình tìm hiểu về di sản trên thực địa. Trong khuôn khổ Tài liệu này, ngoài 3 bài giảng thực nghiệm tại trường THCS Yên Hòa và trường THCS Thực nghiệm khoa học giáo dục, các tác giả không có điều kiện tiến hành nghiên cứu thực địa về tất cả các di sản để xây dựng các bài giảng minh họa còn lại. Do đó, các tư liệu nghiên cứu về 13 di sản này chủ yếu được thu thập trong hồ sơ của UNESCO và Cục Di sản văn hóa, được coi là đảm bảo tính khoa học, đủ điều kiện làm cơ sở cho việc biên soạn bài giảng tích hợp DSVHPVT hướng đến mục tiêu PTBV;
- Dễ thu hút HS, giúp HS hứng thú, chủ động, tích cực trong học tập;
- Là những ví dụ cụ thể mang tính tiêu biểu, tạo điều kiện để tài liệu có thể dễ dàng được tiếp cận không chỉ ở phạm vi quốc gia mà còn trên toàn cầu;

1.2.1. Nhã nhạc cung đình Huế

Địa bàn thực hành: Cung đình Huế xưa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Nội dung tóm tắt: Nhã nhạc là một loại hình âm nhạc chính thống trong cung đình thời phong kiến với quy mô tổ chức chặt chẽ. Dân nhạc dựa trên thang ngũ âm với sự đa dạng của các loại nhạc cụ: trống, phách, sáo, đàn huyền tử, đàn hồ cầm, đàn song vân, đàn tỳ bà, tam âm với các ca công và vũ công tạo nên một sân khấu thiêng liêng và mang tính bác học khó có dân nhạc nào sánh nổi.

Nhã nhạc được trình diễn trong các dịp triều hội, tế lễ hoặc các sự kiện trọng đại như lễ đăng quan của nhà

[3] <https://ich.unesco.org/en/what-is-intangible-heritage-00003>

vua, tiếp đón sứ thần... tạo nên sự trang trọng cho các nghi lễ.

Theo sử sách, Nhã nhạc ra đời vào triều Lý (1010 - 1225) và hoạt động một cách quy củ vào thời Lê (1427 - 1788). Đến thời nhà Nguyễn, Nhã nhạc cung đình Huế phát triển rực rỡ và đạt đến độ hoàn chỉnh nhất.

Giá trị cơ bản: Loại hình âm nhạc này rất phong phú về nội dung và tinh thần, được xem như một phương tiện liên lạc, hình thức thể hiện sự tôn kính đến các vị thần linh và bậc đế vương, trở thành một biểu tượng cho vương quyền về sự trường tồn, hưng thịnh của triều đại. Nhã nhạc còn phục vụ như một phương tiện cho việc truyền đạt những ý nghĩa mang tính triết lý và những khía cạnh về vũ trụ của người Việt Nam.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 07/11/2003, Danh mục Di sản kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể đại diện của nhân loại.

1.2.2. Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên

Địa bàn thực hành: Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên trải rộng trên địa bàn 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Chủ nhân của loại hình văn hóa đặc sắc này là cư dân của 17 dân tộc ít người ở Tây Nguyên.

Nội dung tóm tắt: Cồng chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân Tây Nguyên như một phần không thể thiếu trong các nghi lễ vòng đời mỗi con người và các sự kiện quan trọng của cộng đồng.

Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên bao gồm các bộ phận cấu thành: cồng, chiêng, các bản nhạc tấu bằng cồng chiêng, những người chơi cồng chiêng, các lễ hội có sử dụng cồng chiêng, những địa điểm tổ chức các lễ hội đó. Cồng, chiêng có thể dùng đơn lẻ hoặc theo dàn, mỗi dàn thường có từ 2 đến 12 chiếc, đường kính dao động từ 25 đến 120 cm. Tùy theo từng nhóm dân tộc, cồng, chiêng được đánh bằng dùi hoặc bằng tay. Từng thành viên trong dàn nhạc nhớ rõ từng tiết tấu của từng bài chiêng trong mỗi nghi lễ và kết hợp hài hòa với các nhạc công khác cùng chơi.

Giá trị cơ bản: Cồng, chiêng là vật thiêng gắn với đời sống tâm linh của người dân Tây Nguyên: diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, lao động và sinh hoạt hàng ngày; là cầu nối giữa con người, thần linh và thế giới siêu nhiên; chứa đựng bên trong mỗi chiếc chiêng, chiếc cồng là một vị thần. Cách chơi cồng, chiêng cũng như lễ hội của mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có nét đặc sắc riêng. Do vậy, không gian văn hóa cồng chiêng góp phần khẳng định bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc ở Tây Nguyên.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 25/11/2005, Danh mục Di sản kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể đại diện của nhân loại.

1.2.3. Dân ca Quan họ Bắc Ninh

Địa bàn thực hành: Dân ca Quan họ có nguồn gốc từ vùng Kinh Bắc, thực hành chủ yếu ở tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang ngày nay.

Nội dung tóm tắt: Dân ca Quan họ là một hình thức hát giao duyên, tồn tại trong môi trường văn hóa với những tập quán xã hội đặc thù vùng Kinh Bắc. Các liền anh mặc trang phục truyền thống khăn xếp, áo the; các liền chị duyên dáng trong bộ áo mớ ba, mớ bảy, đầu đội nón quai thao. Họ cùng nhau hát đối những câu ca mộc mạc, đằm thắm, cách hát theo lối truyền thống không cần nhạc đệm. Hệ thống làn điệu và lời ca của Dân ca Quan họ vô cùng phong phú và bài bản, phản ánh các trạng thái tình cảm của người quan họ ở các cấp độ xa, gần, nông, sâu khác nhau. Những làn điệu Dân ca Quan họ được lưu truyền từ đời này sang đời khác và đã phát triển đến đỉnh cao vào khoảng giữa thế kỷ XVIII.

Giá trị cơ bản: Giá trị của Dân ca Quan họ cổ truyền không chỉ ở những giai điệu đặc sắc, lời ca tinh tế, giàu triết lý, mà còn ở phong cách, trang phục lịch sự, trang nhã và những lễ hội, tập quán đặc trưng kèm theo nó. Đặc biệt, việc thường xuyên thực hành dân ca Quan họ trong các hoạt động văn hóa-xã hội của cộng đồng đã tạo nên bản sắc địa phương và không gian văn hóa đặc thù của vùng Kinh Bắc.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 30/9/2009, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.4. Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc

Địa bàn thực hành: Hội Gióng có ở nhiều nơi thuộc vùng châu thổ Bắc Bộ, song có 2 hội Gióng tiêu biểu ở Hà Nội: hội Gióng ở đền Phù Đổng (xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm) và hội Gióng ở đền Sóc (xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn).

Nội dung tóm tắt: Hội Gióng ở đền Phù Đổng – nơi Thánh Gióng sinh ra – diễn ra từ ngày mùng 7 đến mùng 9 tháng 4 Âm lịch. Hội Gióng ở đền Sóc – nơi Thánh cưỡi ngựa về trời – diễn ra từ ngày mùng 6 đến mùng 8 tháng Giêng Âm lịch. Các nghi lễ và hoạt động trong hội Gióng mô phỏng một cách sinh động diễn biến các trận đấu của thánh Gióng và nhân dân Văn Lang chống giặc Ân và sự tích sau khi dẹp tan quân giặc, Ngài về núi Sóc rồi cưỡi ngựa bay lên trời, hóa thành một vị thánh bất tử bảo hộ mùa màng, hòa bình cho đất nước, thịnh vượng cho muôn dân. Lễ hội được tổ chức theo lễ nghi được quy định chặt chẽ, chuẩn bị công phu. Đây là một trong những lễ hội lớn nhất vùng châu thổ Bắc Bộ, không chỉ có sự tham gia đông đảo của dân làng quanh khu vực hai đền mà còn của nhân dân cả nước.

Giá trị cơ bản: Hội Gióng là lễ hội truyền thống tưởng nhớ và ca ngợi chiến công của người anh hùng Thánh Gióng, một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 16/11/2010, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.5. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương

Địa bàn thực hành: Chủ yếu tại Khu di tích lịch sử đền Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Nội dung tóm tắt: Theo truyền thuyết, Hùng Vương là con của Cha Lạc Long Quân – (giống Rồng) và Mẹ Âu Cơ (giống Tiên), đã có công dựng lên Nhà nước Văn Lang cổ đại, thuộc vùng đất Phú Thọ ngày nay. Đối với cộng đồng các làng xung quanh đền Hùng, Hùng Vương còn là thần tổ gắn với nghề nông, dạy dân cày ruộng, cấy lúa, ban linh khí cho đất đai, nhà cửa, cây trồng, vật nuôi sinh sôi nảy nở, mùa màng bội thu. Với niềm tin thành kính này, trải qua hàng nghìn năm, từ thế hệ này sang thế hệ khác, người Việt nơi đây và nhân dân trên khắp mọi miền đất nước cùng đông đảo người Việt Nam ở nước ngoài đã sáng tạo, thực hành, vun đắp và lưu truyền Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương để thể hiện sự biết ơn với vị thủy tổ, mong Ngài phù hộ cho quốc thái dân an, vật thịnh, mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu. Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương được thực hiện vào ngày 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm tại Khu Di tích lịch sử đền Hùng và cũng được tổ chức trên khắp mọi miền đất nước (Theo thống kê, trên cả nước hiện có 1.417 di tích thờ cúng Hùng Vương và các nhân vật thời Vua Hùng).

Giá trị cơ bản: Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là biểu trưng của lòng tôn kính, sự biết ơn, tri ân công đức các vua Hùng.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 06/12/2012, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.6. Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ

Địa bàn thực hành: Tại 21 tỉnh ở miền Nam Việt Nam, bao gồm An Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Long An, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh và Vĩnh Long; tập trung nhiều nhất ở Bạc Liêu, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh và Tiền Giang.

Nội dung tóm tắt: Loại hình sinh hoạt văn hóa này gắn kết cộng đồng thông qua thực hành và sáng tạo nghệ thuật trên cơ sở nhạc Lễ, nhạc Cung đình triều Nguyễn và âm nhạc dân gian miền Trung, miền Nam, nên vừa có tính bình dân, vừa mang tính bác học. Đặc trưng của nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ là sự sáng tạo không ngừng nhờ tính ngẫu hứng và sự biến hóa theo cảm xúc của người thực hành trên cơ sở 20 bài gốc (bài Tổ) và 72 bản nhạc cổ. Nhạc cụ tham gia trình diễn bao gồm: đàn kìm, đàn tranh, đàn tỳ bà, đàn bầu, đàn cò, sáo, tiêu, song loan và hai nhạc cụ của phương Tây (vĩ cầm và đàn ghi-ta đã được cải tiến: vĩ cầm được lên dây quãng 4 còn đàn ghi-ta được khoét phím lõm để tăng sự nhấn nhá trong điệu đàn).

Giá trị cơ bản: Những người thực hành Đờn ca tài tử Nam Bộ luôn tôn trọng, quý mến, học hỏi nhau về tài nghệ, văn hóa ứng xử, đạo đức..., góp phần gắn kết cộng đồng, xã hội, cùng hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ. Thông qua việc thực hành Đờn ca tài tử Nam Bộ, cộng đồng còn góp phần giới thiệu, bảo tồn và phát huy các tập quán xã hội khác liên quan, như: lễ hội, văn hóa truyền khẩu, nghề thủ công...

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 05/12/2013, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.7. Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh

Địa bàn thực hành: Tập trung ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh thuộc Bắc Trung bộ Việt Nam.

Nội dung tóm tắt: Ví, Giặm (còn gọi là Dặm) là hai lối hát dân ca không nhạc đệm được thực hành trong lao

động và đời sống thường nhật của người Việt: lúc ru con, khi làm ruộng, chèo thuyền, lúc dệt vải, xay lúa. Ví, Giặm có đặc tính địa phương về thang điệu, điệu thức, tiết tấu, giai điệu và giọng hát. Các kỹ năng hát đúng tiết tấu, cao độ, trường độ, luyến láy chủ yếu được trao truyền giữa các thế hệ bằng truyền khẩu, trực tiếp từ các nghệ nhân, đảm bảo thể hiện được giọng hát, ngữ điệu của phương ngữ Nghệ Tĩnh. Ca từ của Dân ca Ví, Giặm có nội dung đa dạng, miêu tả cuộc sống, phản ánh tập quán xã hội, lịch sử, tình yêu quê hương, đất nước, con người, tình yêu đôi lứa.

Giá trị cơ bản: Dân ca Ví, Giặm gắn bó mật thiết với đời sống người dân và mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Về giá trị nghệ thuật, dân ca Ví, Giặm là loại hình độc đáo, phản ánh bản sắc văn hóa của địa phương, thể hiện tài năng, cốt cách của con người xứ Nghệ. Nhiều bài hát giàu tính giáo dục: kính trọng cha mẹ, chung thủy, nghĩa tình, trung thực, góp phần gìn giữ các tập tục, truyền thống tốt đẹp trong ứng xử xã hội ở làng, xã.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 27/11/2014, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.8. Nghi lễ và trò chơi kéo co (Hồ sơ đa quốc gia)

Địa bàn thực hành: Các quốc gia Việt Nam, Hàn Quốc, Campuchia và Philippines. Tại Việt Nam, nghi lễ và trò chơi kéo co tập trung ở vùng trung du, đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung bộ, với trung tâm là các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, thành phố Hà Nội và khu vực miền núi phía Bắc.

Nội dung tóm tắt: Nghi lễ và trò chơi kéo co được thực hành rộng rãi trong văn hóa trồng lúa ở nhiều nước Đông Á với ý nghĩa cầu mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu hay những tiên đoán liên quan đến sự thành công hay thất bại của việc trồng cấy. Kéo co phổ biến trong sinh hoạt của người Việt, bên cạnh đó cũng được thực hành thường xuyên trong văn hóa người Tày, Thái và Giáy (Lào Cai) – vốn là những cư dân trồng lúa sớm trong lịch sử.

Ngày nay, kéo co được biết đến rộng rãi là một trò chơi cạnh tranh, nhưng bản chất là một phần của nghi thức cầu nguyện cho thu hoạch dồi dào và thúc đẩy sự thịnh vượng của cộng đồng thông qua sự hài hòa và đoàn kết giữa các thành viên. Nhìn chung, nghi lễ và trò chơi kéo co được thực hiện bởi hai đội, trong một không gian mở tại trung tâm làng. Một đường thẳng được vẽ ở giữa khu vực cạnh tranh. Mỗi đội nắm giữ dây thừng có dải lụa buộc ở giữa. Với sự điều khiển của trọng tài, hai đội bắt đầu kéo sợi dây theo nhịp, đội nào kéo được phần buộc dải lụa về phía mình là đội thắng cuộc.

Giá trị cơ bản: Ở Việt Nam, nghi lễ và trò chơi kéo co thường được tổ chức trong dịp lễ hội mùa xuân, đánh dấu sự khởi đầu của một chu kỳ nông nghiệp và bày tỏ mong muốn cho cây trồng bội thu. Đây là di sản mang dấu ấn đậm nét của nghi thức nông nghiệp, tượng trưng cho sức mạnh của các lực lượng tự nhiên tác động đến mùa màng canh tác của con người.^[4]

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 02/12/2015, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.9. Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt

Địa bàn thực hành: Phân bố ở nhiều địa phương như Hà Nội, Thanh Hoá, Lạng Sơn, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang, Hòa Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên – Huế và Thành phố Hồ Chí Minh...

Nội dung tóm tắt: Tín ngưỡng Thờ Mẫu Tam phủ là một hình thức thờ cúng người Mẹ hóa thân ở các miền trời, sông nước, rừng núi, được hình thành trên nền tảng của tín ngưỡng thờ Nữ thần. Người dân thờ cúng Thánh Mẫu Liễu Hạnh cùng với các vị Thánh Mẫu cai quản miền trời, rừng, nước, những nhân vật lịch sử hoặc huyền thoại có công với nước, với dân. Thông qua các yếu tố văn hóa dân gian như trang phục, âm nhạc, hát chầu văn, múa, diễn xướng dân gian trong lên đồng và lễ hội, người Việt thể hiện quan niệm của mình về lịch sử, di sản văn hóa, vai trò của giới và bản sắc tộc người.

Nghi lễ chính, trung tâm của Thực hành Tín ngưỡng Thờ Mẫu Tam phủ, là Nghi lễ Lên đồng – được hiểu là một hình thức diễn xướng dân gian, thể hiện đức tin về sự giáng/nhập của các vị thần trong điện thần của Tín ngưỡng Thờ Mẫu Tam phủ. Các giá đồng bao gồm hát văn, trang phục, múa thiêng được kết hợp một cách hài hòa, thể hiện sự giáng đồng của các vị thánh mang tính tâm linh và biểu tượng. Những người thực hành tin rằng, bằng hình thức diễn xướng này, họ có thể giao tiếp được với các đấng thần linh để gửi gắm, biểu đạt

[4] Phạm Thị Thủy Chung (2017), “Rituals of Cầu mùa (Praying for a Fertile Crop) in Vietnam: Similarity in Concept and Diversity in Practice”, SPAFA Journal (Open Access), Vol 1, No1.

những mong muốn, khát vọng của mình thông qua các thầy đồng – người đóng vai trò trung gian giữa con người và thần linh.

Giá trị cơ bản: Di sản này đề cao những điểm tương đồng văn hóa giữa các cộng đồng và các nhóm người tham gia vào việc thờ Mẫu. Việc thực hành di sản này tại các nhóm dân tộc khác nhau ở Việt Nam sẽ tăng cường đối thoại và thúc đẩy tôn trọng đa dạng văn hóa, góp phần tạo ra sợi dây tinh thần liên kết các cộng đồng thực hành, giúp sáng tạo, làm giàu vốn văn hóa thông qua các yếu tố nghệ thuật như trang phục, vũ đạo và âm nhạc.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 01/12/2016, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.10. Hát Xoan Phú Thọ

Địa bàn thực hành: Tập trung chủ yếu ở tỉnh Phú Thọ và một phần tỉnh Vĩnh Phúc.

Nội dung tóm tắt: Là di sản thuộc loại hình nghệ thuật trình diễn bao gồm hát, múa, gõ trống và phách, hát Xoan gắn liền với việc thờ cúng thần linh, thành hoàng và các vua Hùng, một tín ngưỡng bắt nguồn từ việc thực hành thờ cúng tổ tiên của người Việt. Những người lưu giữ và thực hành hình thành nên bốn phường Xoan, trong đó, trùm nam và nữ đóng vai trò quan trọng nhất. Họ giữ gìn các bài hát, lựa chọn đề tử, truyền dạy phong cách hát, các tiết mục và tổ chức thực hành. Họ cũng tích cực giới thiệu và giảng dạy hát Xoan tại các phường Xoan và trong các câu lạc bộ. Nghệ thuật trình diễn của Hát Xoan rất đơn giản, mộc mạc với sự kết hợp hài hòa giữa âm nhạc, thơ, vè và giọng điệu mang đậm dấu ấn thổ ngữ của địa phương vùng trung du Phú Thọ (dân ca).

Giá trị cơ bản: Hình thức và nội dung Hát Xoan gắn với thiên nhiên, con người, đời sống sản xuất của tỉnh Phú Thọ và phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt. Qua bài hát và điệu nhảy, người dân bày tỏ lòng biết ơn đến tổ tiên, các vị vua Hùng và cầu mong hạnh phúc, thịnh vượng, thời tiết thuận lợi và mùa màng bội thu.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Hát Xoan Phú Thọ được UNESCO ghi danh vào Danh mục DSVHPVT cần bảo vệ khẩn cấp năm 2011. Ngày 08/12/2017, Hát Xoan Phú Thọ được đưa ra khỏi Danh mục DSVHPVT cần bảo vệ khẩn cấp và ghi danh vào Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.11. Nghệ thuật Bài chòi Trung bộ

Địa bàn thực hành: Tập trung chủ yếu ở khu vực Trung bộ, gồm các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Đà Nẵng.

Nội dung tóm tắt: Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ (Việt Nam) là một loại hình nghệ thuật đa dạng, kết hợp giữa âm nhạc, thơ ca, diễn xuất, hội họa và văn học. Bài chòi có hai hình thức chính: “Chơi Bài chòi” và “Trình diễn Bài chòi”. Chơi Bài chòi liên quan đến trò chơi thẻ bài trong chòi tre vào Tết Nguyên đán. Trong các buổi trình diễn của Bài chòi, anh chị Hiệu biểu diễn trên chiếu cói hoặc di chuyển từ nơi này đến nơi khác. Bài chòi cũng được chơi trong những dịp riêng tư của các gia đình. Hầu hết các nghệ nhân đều được học kỹ năng, kỹ thuật hô, hát Bài chòi trong gia đình, chủ yếu thông qua phương pháp truyền miệng. Tuy nhiên, một số nghệ nhân Bài chòi ngày nay cũng truyền dạy kiến thức và kỹ năng trong các hội, các câu lạc bộ và trường học.

Giá trị cơ bản: Bài chòi là hình thức nghệ thuật diễn xướng có tính sáng tạo, ngẫu hứng, vừa là trò chơi dân gian – hình thức giải trí của cộng đồng khá vui nhộn và giàu tính trí tuệ. Bài chòi chuyển tải nội dung giáo dục về lòng nhân ái, tình yêu quê hương đất nước, phê phán thói hư tật xấu, hướng con người đến những giá trị, chuẩn mực đạo đức cao đẹp. Bài chòi trở thành môi trường thực hành và sáng tạo nghệ thuật cũng như bảo tồn các giá trị văn hóa vùng miền.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 07/12/2017, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.12. Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam

Địa bàn thực hành: Tập trung chủ yếu ở các tỉnh vùng Đông Bắc và Tây Bắc: Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Quảng Ninh và Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai.

Nội dung tóm tắt: Then là một nghi lễ văn hóa truyền thống mang tính chất tín ngưỡng của người Tày, Nùng Thái ở Việt Nam, diễn tả hành trình do Thầy Then (Ông Then, Bà Then) điều khiển đoàn âm binh đi từ Mường Đất lên Mường Trời để dâng lễ vật để cầu an, chữa bệnh, cầu mùa, chúc mừng năm mới... Then được thực hiện tại nhà gia chủ, ở ngoài trời hoặc trước bàn thờ Then tại nhà Thầy Then. Trong buổi lễ, thầy Then mặc lễ phục, vừa hát tiếng dân tộc mình vừa gảy tính tẩu, xóc chum xóc nhạc, phất quạt; có buổi lễ còn có tốp nữ

múa phụ họa. Then luôn được trao truyền bằng truyền khẩu khi thực hành, thể hiện sự kế tục giữa các thế hệ. Thầy Then đóng vai trò chính trong chuyển giao các kỹ năng và bí quyết liên quan.

Giá trị cơ bản: Then phản ánh các quan niệm về con người, thế giới tự nhiên và vũ trụ, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của các tộc người thực hành. Then còn có ý nghĩa trong giáo dục đạo đức, lối sống nhân đạo và bảo vệ các phong tục và truyền thống văn hóa ở mỗi tộc người.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 13/12/2019, Danh mục DSVHPVT đại diện của nhân loại.

1.2.13. Ca trù

Địa bàn thực hành: Chủ yếu ở đồng bằng Bắc bộ: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

Nội dung tóm tắt: Ca trù còn được gọi là hát ả đào, hát cửa đình, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà trò, hát nhà tơ và hát ca công. Đây là loại hình diễn xướng dùng nhiều thể văn chương như phú, truyện, ngâm nhưng phổ biến nhất là hát nói và hát kể.

Hát ca trù diễn ra trong 5 không gian chính: đình làng, đền thờ thần, nhà thờ tổ nghề, dinh thự và ca quán thính phòng. Tham gia biểu diễn ca trù có ít nhất 3 người: đào nương, kép nam đệm đàn đáy cho người hát và quan viên điểm trống chầu. Đào nương hát theo lối nói và gõ phách lấy nhịp. Khi hát, đào nương không cần mở to miệng, không đẩy mạnh hơi từ buồng phổi mà ém hơi trong cổ, ậm ự mà lời ca vẫn rõ ràng, tròn vành rõ chữ.

Giá trị cơ bản: Ca trù là sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa thi ca và âm nhạc, gắn liền với lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, tư tưởng, triết lý sống của người Việt. Ca trù là từng là loại ca trong cung đình được giới quý tộc và trí thức yêu thích. Lời lẽ, ca từ của Ca trù mang tính uyên bác, ít lời mà nhiều nghĩa, giàu chất thơ, mang nhiều cảm xúc. Kỹ thuật hát Ca trù rất tinh tế, công phu, đòi hỏi phải nắn nót, chau chuốt từng chữ.

Thời gian được UNESCO ghi danh: Ngày 01/10/2009, Danh mục DSVHPVT của nhân loại cần được bảo vệ khẩn cấp

2. Giáo dục vì sự phát triển bền vững

2.1. Phát triển bền vững và Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc

2.1.1. Phát triển bền vững

Vận động và phát triển là mục tiêu cuối cùng của bất kỳ xã hội hay nền kinh tế nào. Tuy nhiên, những thập niên gần đây đã cho thấy sự dịch chuyển và đổi mới mạnh mẽ trong nhận thức cũng như hành động của các quốc gia về tính chất của sự phát triển đó, với trọng tâm hướng đến ‘sự PTBV’, thay thế cho sự phát triển nhanh, mạnh, nhưng không tính đến những hệ quả trước mắt và lâu dài đối với mọi mặt của đời sống, xã hội và môi trường.

Quan niệm về PTBV được hình thành thông qua việc thừa nhận một thực tế rằng sự phát triển trong suốt cả quá trình dài trước đây thường gây ra những tác hại đối với tự nhiên cũng như với các DSVH của nhân loại, dẫn đến giảm thiểu khả năng của các thế hệ tương lai trong việc đáp ứng nhu cầu của chính họ. Trong bản báo cáo mang tính bước ngoặt “Tương lai chung của chúng ta” của Ủy ban thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) năm 1987, khái niệm PTBV được định nghĩa là “sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau” (WCED, 1987). Mục tiêu cuối cùng của PTBV là cải thiện chất lượng cuộc sống của tất cả công dân trong một quốc gia và toàn thế giới – trong khi vẫn đảm bảo sự toàn vẹn của các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của tất cả mọi người và các sinh vật khác.

Ba trụ cột của PTBV được xác định là: *Thứ nhất*, bền vững về mặt kinh tế, phát triển và duy trì nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng tốt song phải an toàn, chất lượng; *Thứ hai*, bền vững về mặt văn hóa - xã hội, đảm bảo công bằng xã hội và phát triển con người; *Thứ ba*, bền vững về sinh thái môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng môi trường sống.

Yếu tố con người được xem như một biến số mang tính cốt lõi trong PTBV (UNESCO, 2015). PTBV chỉ có thể đạt được thông qua mối quan hệ có trách nhiệm và hòa hợp giữa con người với nhau và giữa con người với môi trường.

2.1.2. Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc



(Nguồn: Viện chiến lược, chính sách và tài nguyên môi trường, <http://isponre.gov.vn/home/dien-dan/1350-muc-tieu-phat-trien-ben-vung-sdgs-va-dinh-huong-bao-ve-moi-truong-viet-nam-giai-doan-2016-2020>)

Chương trình nghị sự về PTBV đến năm 2030 của LHQ đề ra 17 mục tiêu chung về PTBV để các quốc gia định hướng cho việc lập kế hoạch, chương trình hành động của mình nhằm thực hiện các mục tiêu đó. 17 mục tiêu đó bao gồm:

- Mục tiêu 1. Xóa nghèo dưới mọi hình thức ở mọi nơi.
- Mục tiêu 2. Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, phát triển nông nghiệp bền vững.
- Mục tiêu 3. Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.
- Mục tiêu 4. Đảm bảo giáo dục chất lượng, công bằng, toàn diện, thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 5. Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.
- Mục tiêu 6. Đảm bảo sự sẵn có và quản lý bền vững nguồn nước và cải thiện các điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 7. Đảm bảo việc tiếp cận năng lượng với giá cả hợp lý, tin cậy, bền vững và hiện đại cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 8. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, rộng mở và bền vững, việc làm đầy đủ và năng suất và công việc tốt cho tất cả mọi người.
- Mục tiêu 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, đẩy mạnh công nghiệp hóa rộng mở và bền vững, khuyến khích đổi mới.
- Mục tiêu 10. Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia.
- Mục tiêu 11. Xây dựng các đô thị và các khu dân cư mở cửa cho tất cả mọi người, an toàn, vững chắc và bền vững.
- Mục tiêu 12. Đảm bảo các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững.
- Mục tiêu 13. Có biện pháp khẩn cấp để chống lại biến đổi khí hậu và các tác động của nó.

- Mục tiêu 14. Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển cho PTBV.
- Mục tiêu 15. Bảo vệ, tái tạo và khuyến khích sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn, quản lý tài nguyên rừng bền vững, chống sa mạc hóa, chống xói mòn đất và mất đa dạng sinh học.
- Mục tiêu 16. Thúc đẩy xã hội hòa bình và rộng mở cho PTBV, mang công bằng đến với tất cả mọi người và xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm và rộng mở ở tất cả các cấp.
- Mục tiêu 17. Đẩy mạnh cách thức thực hiện và đem lại sức sống mới cho quan hệ đối tác toàn cầu để PTBV.

Dưới mỗi mục tiêu chung là các chỉ tiêu cụ thể cho việc thực hiện. Mục tiêu PTBV thứ 4 “Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện, và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho mọi người” bao gồm 8 chỉ tiêu cụ thể, đề cập đến các lĩnh vực, khía cạnh khác nhau của nền giáo dục, trong đó chỉ tiêu số 4.7 về PTBV được diễn đạt như sau:

“4.7. Đến năm 2030 đảm bảo tất cả người học nhận được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy sự PTBV thông qua giáo dục về sự PTBV, lối sống bền vững, nhân quyền, bình đẳng giới; thúc đẩy một nền văn hóa hòa bình, không bạo lực, toàn cầu; coi trọng sự đa dạng văn hóa và sự đóng góp của văn hóa vào PTBV”

Như vậy, PTBV là một trong những trọng tâm của mục tiêu PTBV thứ 4 về giáo dục, trong đó nêu bật tầm quan trọng của việc phải trang bị cho người học những kiến thức, kĩ năng cần cho sự PTBV của bản thân, cộng đồng cũng như xã hội. Đồng thời, mục tiêu này nhấn mạnh đến ý nghĩa của sự đa dạng văn hóa và những đóng góp quan trọng của văn hóa – bao gồm văn hóa phi vật thể – đối với PTBV.

2.1.3. Khía cạnh văn hóa trong phát triển bền vững

Là một trong ba trụ cột (kinh tế, văn hóa-xã hội, môi trường) của PTBV, văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện PTBV, đồng thời đóng góp vào sự gắn kết, thúc đẩy mối quan hệ tương hỗ với các lĩnh vực kinh tế và môi trường.

Theo tài liệu “Lăng kính GDVSPTBV – Công cụ rà soát chính sách và thực tiễn của UNESCO” (2010), khía cạnh văn hóa trong PTBV bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Khía cạnh văn hóa trong phát triển bền vững				
Văn hóa và thay đổi văn hóa	Đa dạng văn hóa	Di sản văn hóa	Các ngành văn hóa	Kiến thức bản địa
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tự hào dân tộc và văn hóa ▪ Đoàn kết dân tộc và tôn giáo ▪ Tăng cường bản sắc/ngôn ngữ của các nhóm thiểu số văn hóa ▪ Làm phong phú bởi tính đa dạng ▪ Phát triển văn hóa ▪ Thay đổi văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tôn trọng người khác ▪ Tôn trọng sự đa dạng ▪ Hòa bình và phi bạo lực ▪ Khoan dung và hiểu biết ▪ Đối thoại cởi mở 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Bảo vệ sự đa dạng văn hóa ▪ Lịch sử địa phương và quốc gia ▪ Văn hóa truyền miệng ▪ Danh sách di sản thế giới ▪ Di tích khảo cổ 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Du lịch văn hóa ▪ Nghệ thuật ▪ Kịch ▪ Múa rối 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Kiến thức bản địa về hệ động thực vật, sử dụng nước, các thực hành ▪ Nông nghiệp bền vững... ▪ Tôn trọng tín ngưỡng về tự nhiên và xã hội

(Nguồn: Lăng kính GDVSPTBV – Việt Nam, UNESCO, 2010)

Có thể thấy, DSVH là một trong những trọng tâm của khía cạnh văn hóa trong PTBV. Đồng thời, DSVH còn có mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại với những nội dung khác của khía cạnh văn hóa trong PTBV, như lòng tự hào dân tộc, bản sắc của các dân tộc thiểu số, phát triển văn hóa, tôn trọng sự đa dạng, du lịch văn hóa,

kiến thức và các thực hành bản địa... Vì vậy, bảo vệ, phát triển và tôn vinh các DSVH – bao gồm DSVH vật thể và phi vật thể – vừa là một trong những con đường đạt được PTBV về mặt văn hóa, vừa đóng góp vào quá trình thúc đẩy sự phát triển toàn diện các khía cạnh khác liên quan đến kinh tế, xã hội và môi trường của PTBV.

2.2. Giáo dục vì sự phát triển bền vững

GDVSPTBV là giáo dục hướng đến tạo sự chuyển biến xã hội đương thời nhằm đạt tới xã hội bền vững hơn trong tương lai. Để thực hiện được điều này, GDVSPTBV định hướng lại các chương trình giáo dục hiện hành theo hướng chú trọng tính bền vững – bao gồm quá trình tư duy lại những gì được dạy và cách dạy chúng như thế nào. GDVSPTBV bao gồm việc hình thành các giá trị, kĩ năng, thái độ và hành vi để giúp người học có khả năng suy xét, dự đoán, tư duy phản biện, và xử lí các vấn đề liên quan đến tính bền vững của tự nhiên, môi trường, con người và xã hội (UNESCO, 2015).

PTBV không phải là một khái niệm bất biến mà là quá trình phát triển và liên tục hoàn thiện vì tương lai của con người và mọi sinh vật trên trái đất. Vì vậy, GDVSPTBV cũng là một con đường học tập thường xuyên, liên tục, học tập suốt đời để sẵn sàng đón nhận những thay đổi và tư duy mới. Quá trình này góp phần tạo nên những công dân tích cực và hiểu biết, những cộng đồng phát triển hài hòa cả về kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường – đích đến cuối cùng của GDVSPTBV.

2.3. Khái quát về giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam

2.3.1. Bối cảnh

GDVSPTBV được Liên hiệp quốc và các quốc gia thành viên cam kết thực hiện dưới sự điều phối chung của UNESCO từ giai đoạn 2005-2014 (Thập kỷ GDVSPTBV) trong khuôn khổ Chương trình Nghị sự 21. Thập kỷ GDVSPTBV được tiếp nối bằng Chương trình Hành động Toàn cầu (GAP), đóng góp vào việc thực hiện 17 Mục tiêu PTBV, đặc biệt là Mục tiêu 4.7 thông qua hai định hướng cơ bản: 1) Định hướng lại giáo dục để mọi người có cơ hội được trang bị các giá trị, kỹ năng và kiến thức cho phép họ đóng góp hiệu quả cho sự PTBV; 2) Tăng cường giáo dục và học tập trong tất cả các chương trình nghị sự, chương trình hành động thúc đẩy PTBV^[5]. UNESCO đã thiết lập một mạng lưới các đối tác nhằm định hướng và thúc đẩy việc thực hiện Chương trình Hành động Toàn cầu về GDVSPTBV. Mạng lưới này bao gồm 90 nước tham gia, trải rộng trên khắp thế giới cho thấy khả năng mở rộng và đổi mới GDVSPTBV^[6]. Việt Nam cũng là một thành viên trong nhóm “Thúc đẩy chính sách” của Mạng lưới đối tác toàn cầu trên.

GDVSPTBV được coi là yếu tố then chốt của một nền giáo dục có chất lượng, tạo tiền đề cho PTBV tại từng quốc gia và trên phạm vi toàn thế giới. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước đã xác định GDVSPTBV là một trong những giải pháp quan trọng để thực hiện PTBV. Tinh thần này được thể hiện một cách thống nhất trong nhiều chính sách, chiến lược, kế hoạch của Đảng, Nhà nước và của các bộ, ngành, địa phương trong hơn hai thập kỷ qua, phản ánh nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại giữa 3 trụ cột của PTBV là kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường, cũng như vai trò quan trọng của giáo dục trong việc đảm bảo các mục tiêu PTBV của đất nước. Bộ Giáo dục và Đào tạo được Chính phủ phân công là đầu mối thực hiện việc đưa các mục tiêu và nội dung GDVSPTBV vào các chương trình giáo dục và đào tạo, đặc biệt là trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm 2020.

Thực hiện vai trò đầu mối của mình trong GDVSPTBV, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng và ban hành nhiều chính sách từ cấp Bộ đến địa phương nhằm chỉ đạo và triển khai các nội dung có liên quan đến GDVSPTBV vào thực tiễn giáo dục. Đồng thời, những chính sách này đều có sự tham chiếu đến các chủ trương, chính sách lớn của quốc gia về PTBV.

2.3.2. Một số chính sách cơ bản về giáo dục vì sự phát triển bền vững của Việt Nam

Các mục tiêu và nội dung GDVSPTBV đã được thể hiện cụ thể trong các chính sách quốc gia liên quan đến ba trụ cột của PTBV: kinh tế, văn hóa-xã hội và môi trường, trong đó có hệ thống chính sách từ cấp trung ương (Quốc hội, Chính phủ) đến các chính sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chính sách liên ngành.

[5] <https://en.unesco.org/gap>

[6] <http://en.unesco.org/gap/partner-networks/members>

Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (theo Quyết định 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ) nêu rõ quan điểm con người là trung tâm của PTBV, phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của PTBV. Đề cập đến lĩnh vực giáo dục, Chiến lược nhấn mạnh sự cần thiết phải cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước, của các vùng miền và địa phương; đổi mới cơ bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tăng cường tính thực tiễn, kĩ năng thực hành, năng lực tự học... Những yêu cầu này cho thấy vai trò, tác động to lớn của giáo dục trong quá trình PTBV và tăng trưởng chung của cả nền kinh tế và xã hội của quốc gia.

Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12 tháng 4 năm 2016 về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016 – 2020 đã nhấn mạnh đến các khía cạnh PTBV trong nhiều lĩnh vực khác nhau như PTBV về văn hóa, xã hội, y tế trên cơ sở gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo tồn, phát huy các di sản và giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Trên cơ sở 17 mục tiêu chung trong Chương trình nghị sự 2030 VSPTBV của Liên hợp quốc, ngày 10 tháng 05 năm 2015, Thủ tướng chính phủ đã phê chuẩn *Quyết định số 622/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 VSPTBV*. Quyết định 622/QĐ-TTg xác định “con người là trung tâm của sự phát triển bền vững” và nhấn mạnh “một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất là cải thiện hệ thống giáo dục và tăng cường nhận thức về PTBV cho mọi người dân, mọi cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức và các cơ quan của Nhà nước ở tất cả các cấp”.

Với vai trò đầu mối trong các hoạt động triển khai GDVSPTBV, ngành giáo dục đã ban hành những văn bản quan trọng, cung cấp định hướng, nội dung, và công cụ thực hiện GDVSPTBV trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo như Kế hoạch hành động quốc gia GDVSPTBV Việt Nam giai đoạn 2010-2014, Quyết định 2161/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2017 ban hành kế hoạch thực hiện Mục tiêu PTBV lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030...

2.3.3. Một số kết quả chính của Việt Nam về giáo dục vì sự phát triển bền vững

- Các chính sách GDVSPTBV bao quát khá toàn diện các lĩnh vực văn hoá – xã hội, kinh tế, môi trường, tập trung vào các vấn đề cốt lõi của PTBV như tiếp cận giáo dục có chất lượng và công bằng, bình đẳng giới, bảo đảm quyền cơ bản của con người, quyền phát triển bình đẳng của các nhóm dân tộc, ứng phó biến đổi khí hậu và phòng tránh rủi ro thiên tai, tiếp cận tài chính và kinh tế, kinh doanh để đảm bảo chất lượng cuộc sống; góp phần nâng cao năng lực giáo dục và truyền thông cũng như trách nhiệm giải trình của các bên liên quan, đặc biệt các cán bộ lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, chính quyền địa phương, những người thực thi chính sách... trong việc giáo dục và nâng cao nhận thức cho cộng đồng và trẻ về các vấn đề PTBV.
- Các chính sách GDVSPTBV trong các lĩnh vực đã đưa ra được các quy định và cách thức thể chế hoá việc dạy và học đối với các nội dung liên quan đến PTBV như bình đẳng giới, bảo tồn sự đa dạng văn hoá và ngôn ngữ của các nhóm dân tộc thiểu số, giáo dục tài chính, kinh doanh, giáo dục di sản văn hóa, giáo dục bảo vệ môi trường,... trong các chương trình giáo dục từ mầm non đến phổ thông cũng như tích hợp trong các chương trình đào tạo GV ở các trường sư phạm nhằm tăng cường năng lực của đội ngũ những người triển khai chính sách và chương trình giáo dục cho HS mầm non và phổ thông về các vấn đề này.
- Nhiều văn bản chính sách cấp trung ương đã quy định cụ thể trách nhiệm của các bên liên quan trong việc triển khai các nội dung và đặc biệt nhấn mạnh vai trò phối kết hợp giữa các bên liên quan. Qua đó, các chính sách một mặt thúc đẩy trách nhiệm của các bên liên quan trong các hoạt động GDVSPTBV; mặt khác nâng cao năng lực cho các đối tượng này để thực hiện vai trò là người dẫn dắt và thúc đẩy sự thay đổi trong xã hội.
- Nhiều chính sách của ngành giáo dục là những văn bản quan trọng hướng dẫn cho các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông thực hiện lồng ghép các nội dung GDVSPTBV trong các nội dung dạy học theo môn học/cấp học. Trên thực tế, các nội dung của GDVSPTBV đã và đang được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc tích hợp vào nhiều môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường.
- Định hướng và các chính sách về GDVSPTBV ngày càng được thể hiện rõ nét và hiện thực hóa thông qua

nhiều chương trình, dự án, hoạt động giáo dục gần đây ở cả cấp quốc gia và địa phương như: *Rà soát chính sách và thực tiễn của Việt Nam thông qua Lăng kính GDVSPTBV (2010)*, *Rà soát chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam - sử dụng Lăng kính GDVSPTBV (2010)*, *xây dựng Bộ công cụ đánh giá an toàn trường học, phòng chống biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai cho các nhà trường Việt Nam (2015)*, triển khai dự án *Đa dạng sinh học và PTBV tại các trường học ở thành phố Huế (2015)*, xây dựng “Tài liệu vận động chính sách GDVSPTBV trong giáo dục mầm non và phổ thông của Việt Nam” (2017), ...

3. Mối quan hệ giữa giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam

3.1. Bối cảnh đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay

Những thập kỉ đầu của thế kỉ XXI ghi dấu bước phát triển của đất nước trong công cuộc đổi mới ở mọi mặt của đời sống xã hội. Đồng thời, trên thế giới cũng diễn ra những đổi thay về nhiều mặt. Đặc biệt, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và nền kinh tế tri thức phát triển mạnh đem lại cơ hội phát triển vượt bậc nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển. Mặt khác, biến đổi khí hậu, tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái và những biến động về chính trị, xã hội cũng đặt ra những thách thức có tính toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã xác định một trong những con đường đảm bảo PTBV đất nước là cần không ngừng đổi mới giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hoá vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội. Đổi mới giáo dục, do đó, đã trở thành nhu cầu cấp thiết và xu thế mang tính toàn cầu.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI) đã thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TU về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết khẳng định đổi mới giáo dục không chỉ là quốc sách hàng đầu, là “chìa khóa” mở ra con đường đưa đất nước tiến lên phía trước, mà còn là “mệnh lệnh” của cuộc sống. Tiếp đó, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Mục tiêu đổi mới được Nghị quyết 88/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hoà đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS.”

Ngày 27/3/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt *Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*. Theo đó, chương trình giáo dục phổ thông mới được xây dựng hướng tới mục tiêu: 1) Phát triển phẩm chất và năng lực của người học; 2) Tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp HS phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, trở thành người học tích cực, tự tin, biết vận dụng các phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh các tri thức và kĩ năng nền tảng, có ý thức lựa chọn nghề nghiệp và học tập suốt đời; 3) HS có những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hoá, cần cù, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước trong thời đại toàn cầu hoá và cách mạng công nghiệp mới. Sản phẩm của một nền giáo dục mới sẽ là những con người đáp ứng được những tiêu chí của một công dân toàn cầu, đồng thời vẫn giữ được những giá trị truyền thống của con người Việt Nam.

Chương trình giáo dục phổ thông mới (chương trình tổng thể và chương trình các môn học và hoạt động giáo dục) bảo đảm: 1) Phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; 2) Chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; 3) Tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên; 4) Thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi HS, các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó.

Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo quy định thống nhất những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với HS toàn quốc. Đồng thời, Chương trình cũng trao quyền chủ động và

trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương và cơ sở giáo dục. Điều này góp phần kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội. Quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông đồng thời là quá trình phát triển chương trình, nhằm bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện Chương trình phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn giáo dục của đất nước, địa phương và mỗi nhà trường.

Bối cảnh đổi mới giáo dục và những định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông mới cho phép có thể cập nhật những nội dung giáo dục mới có tính toàn cầu. Một trong những nội dung đó là việc thực hiện các mục tiêu GDVSPBV của LHQ cũng như việc thực hiện mục tiêu GDVSPBV thể hiện trong các chính sách và kế hoạch hành động của Việt Nam trong giai đoạn tới.

3.2. Tầm quan trọng và yêu cầu giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể vì sự phát triển bền vững trong giáo dục phổ thông của Việt Nam

Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc *Sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên* đã quy định cụ thể về việc lồng ghép nội dung dạy học di sản văn hóa vào các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông (nội khóa hoặc ngoại khóa), bao gồm những nội dung: 1) Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học các nội dung liên quan đến di sản và hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, khai thác các nội dung khác của di sản văn hóa thông qua tư liệu, hiện vật; 2) Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp: dạy học trên lớp hoặc tổ chức các hoạt động ngoại khóa tại nhà trường; dạy học tại nơi có di sản văn hóa; tổ chức tham quan - trải nghiệm di sản văn hóa; dạy học thông qua các phương tiện truyền thông, đa phương tiện... Hướng dẫn này được thực hiện bởi ngành giáo dục và đào tạo, ngành văn hoá, thể thao và du lịch. Trong đó, ngành giáo dục có trách nhiệm bồi dưỡng, tập huấn cho các GV về cách thức dạy học thí điểm các nội dung DSVH từng cấp.

Ngành văn hóa, thể thao và du lịch xây dựng tài liệu giới thiệu về văn hóa địa phương để các nhà trường tham khảo sử dụng trong quá trình tổ chức dạy học tích hợp với DSVH; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở trong việc phối hợp sử dụng DSVH trong dạy học ở trường phổ thông; hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ trong việc đưa trò chơi dân gian, hát dân ca, giới thiệu di sản, di tích lịch sử, văn hóa tại địa phương vào trường phổ thông.

Hiện nay, công tác bảo vệ và phát huy giá trị DSVHPVT còn nhiều bất cập. Nguy cơ thất truyền, mai một của nhiều loại hình DSVHPVT và sự xuống cấp của các di tích lịch sử vẫn đang ở mức báo động. Trong khi cuộc sống xã hội ngày càng sôi động, không gian dành cho các loại hình văn hóa truyền thống ngày càng thu hẹp hoặc bị thay đổi. Số đông giới trẻ hiện nay không hiểu hết giá trị của các DSVH mà có xu hướng ưa chuộng những hình thức nghệ thuật mới, hiện đại, ít quan tâm tìm hiểu cái hay, cái đẹp của nghệ thuật dân tộc. Vì vậy, vai trò quan trọng của giáo dục DSVHPVT cho học sinh chính là góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tinh thần dân tộc. Bên cạnh đó, giáo dục DSVHPVT còn góp phần xây dựng môi trường văn hóa ở trường học. Đặc biệt, giáo dục DSVHPVT là một trong những con đường quan trọng góp phần phát triển nhân cách cho HS. Đây cũng là một biểu hiện quan trọng của việc hướng đến mục tiêu GDVSPBV.

3.3. Mối quan hệ giữa giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục vì sự phát triển bền vững

DSVHPVT là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác, bao gồm: tiếng nói, chữ viết, lối sống, lễ hội, bí quyết nghề truyền thống, văn hoá ẩm thực, trang phục truyền thống... Việc tìm hiểu về DSVHPVT trong nhà trường không chỉ góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tinh thần dân tộc mà chính là góp phần thực hiện một trong những nội dung quan trọng của mục tiêu thứ 4 về PTBV (mục tiêu 4.7 - tập trung vào lĩnh vực văn hóa), đồng thời liên quan đến một số lĩnh vực khác của PTBV (môi trường, xã hội, kinh tế,...)

DSVHPVT đem lại những ví dụ sống động về nội dung và phương pháp giáo dục. Các cộng đồng không ngừng tìm cách hệ thống hóa và chuyển giao đến các thế hệ tương lai những hiểu biết, kỹ năng sống và những phẩm chất năng lực, đặc biệt có liên quan đến môi trường tự nhiên và xã hội. Đến nay, ngay ở những nơi có hệ thống

giáo dục chính quy, những tri thức và phương pháp truyền dạy truyền thống vẫn được sử dụng có hiệu quả. Các tri thức và kỹ năng này liên quan đến nhiều ngành nghề và lĩnh vực: từ vũ trụ học và vật lý cho đến sức khỏe và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; từ vòng đời người cho đến giải quyết các xung đột và căng thẳng; từ hiểu biết về bản ngã và địa vị trong xã hội cho đến việc tạo lập ký ức chung; từ kiến trúc cho đến khoa học vật liệu. Một nền giáo dục chất lượng dành cho mọi người không tách rời các thể hệ trẻ khỏi nguồn tài nguyên giàu có này mà được kết nối vững chắc với bản sắc văn hóa của họ. Do vậy, một nền giáo dục chất lượng phải thừa nhận sự giàu có mà DSVHPVT mang lại và thúc đẩy những tiềm năng giáo dục bằng cách một mặt, tích hợp di sản vào các chương trình giáo dục về mọi lĩnh vực liên quan, mặt khác, tìm cách thúc đẩy tiềm năng của các mô hình truyền dạy DSVHPVT truyền thống vào hệ thống giáo dục.

Việc sử dụng DSVHPVT trong giảng dạy ở trường phổ thông nhằm thực hiện các mục tiêu: hình thành và nâng cao ý thức tôn trọng, giữ gìn, phát huy những giá trị DSVH; rèn luyện tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong đổi mới phương pháp học tập, rèn luyện; góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, tài năng của HS. Xuất phát từ những mục tiêu đó, một trong những nhiệm vụ giáo dục DSVHPVT cho HS phổ thông chính là giúp HS hiểu biết một số đặc điểm cơ bản của DSVHPVT; giáo dục thái độ trân trọng, bảo vệ giá trị DSVHPVT cũng như giá trị lịch sử của đất nước, của nhân loại; giáo dục hành vi tích cực trong bảo tồn DSVHPVT. Các hình thức giáo dục DSVHPVT ở trường phổ thông bao gồm: tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho HS thông qua các hoạt động ngoại khóa, trong đó lồng ghép nội dung giáo dục bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT; tổ chức học tập thực tế tại các địa điểm văn hóa; tham quan học tập ở bảo tàng; trình diễn văn nghệ... Ngoài hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa, phương thức tổ chức giáo dục DSVHPVT còn được thực hiện lồng ghép vào các môn học: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Âm nhạc, Mỹ thuật... tạo cảm hứng cho HS tìm hiểu về văn hóa của dân tộc Việt Nam, giúp HS hiểu biết, thêm yêu các môn học, đồng thời, giúp GV có thêm tư liệu để bổ sung vào các bài giảng, tích cực đổi mới phương pháp dạy học. Bên cạnh đó, việc thực hiện các nội dung giáo dục DSVHPVT trong nhà trường sẽ giúp HS có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa nói chung và giá trị của văn hóa phi vật thể nói riêng như một phần quan trọng của mục tiêu PTBV. Các nội dung này cần được tích hợp, lồng ghép một cách hợp lý trong quá trình triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

Như vậy, việc giáo dục DSVHPVT trong nhà trường cũng chính là thực hiện một trong những mục tiêu về PTBV (4.7) tuy nhiên không chỉ ở khía cạnh văn hóa mà qua đó còn giúp HS hình thành các kỹ năng sống, thúc đẩy các mối quan hệ xã hội, giữ gìn môi trường sống và nâng cao chất lượng cuộc sống. Hiện nay các chính sách về GD-VSPTBV, trong đó có những chính sách liên quan đến giáo dục DSVHPVT đã được ban hành, điều quan trọng là GV cần được trang bị những kiến thức, kỹ năng cụ thể để thực hiện có hiệu quả nội dung giáo dục này trong trường phổ thông. Để việc giáo dục DSVHPVT vì sự PTBV được thực hiện thống nhất và phù hợp, rất cần có những hướng dẫn cụ thể về cách thức triển khai trong từng cấp học, môn học và hoạt động.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH GIÁO DỤC VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Nguồn lực tham gia

Giáo dục DSVHPVT là một quá trình hoạt động đòi hỏi tính khoa học, liên kết, chủ động và linh hoạt cao của các nguồn lực tham gia.

1.1. Học sinh

Việc sử dụng DSVH trong dạy học và các hoạt động giáo dục gắn liền với mục tiêu giáo dục toàn diện HS về đức, trí, thể, mỹ và việc đổi mới phương pháp cũng như đa dạng hóa các hình thức dạy học. Trong đó, HS là chủ thể, đóng vai trò trung tâm, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong quá trình khám phá và sử dụng DSVHPVT trong giờ học và các hoạt động giáo dục. Chương trình giáo dục, trải nghiệm cần được thiết kế phù hợp với lứa tuổi, điều kiện tiếp cận và cần tạo ra sự hấp dẫn, lôi cuốn HS quan tâm tìm hiểu, khám phá.

1.2. Giáo viên

Giáo dục DSVHPVT vì sự PTBV là một thách thức đối với GV bởi ngoài kiến thức sâu về môn học mà GV phụ trách và chuyên môn sư phạm, GV còn cần trau dồi thêm những hiểu biết về DSVHPVT và PTBV. Bên cạnh đó, GV cũng cần cân đối giữa việc sử dụng DSVHPVT trong dạy học với việc lồng ghép nhiều nội dung khác (an toàn giao thông, bình đẳng giới, bảo vệ môi trường...) vào bài học theo chủ trương chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để xây dựng một bài giảng tích hợp DSVHPVT vì sự PTBV còn đòi hỏi GV đầu tư về mặt thời gian cũng như đổi mới phương pháp giảng dạy.

Tuy nhiên, đây cũng là một cơ hội đối với GV. Sử dụng DSVHPVT vào dạy học kích thích sự linh hoạt và sáng tạo của GV trong việc tạo ra những giờ học sinh động, hấp dẫn, mang lại nhiều trải nghiệm thú vị và tăng sự gắn kết giữa lý thuyết với thực tiễn, giữa GV với HS. GV trở thành cầu nối, trực tiếp hiện thực hóa chủ trương giáo dục của Nhà nước về việc đào tạo ra những công dân có hiểu biết về tri thức khoa học, có niềm yêu thích DSVH của dân tộc, đồng thời có những kỹ năng cần thiết để hòa nhập vào xã hội hiện đại vì mục tiêu PTBV.

Sự phối hợp tốt giữa GV với các nguồn lực khác sẽ giúp nâng cao chất lượng các bài học tích hợp DSVHPVT vì sự PTBV.

1.3. Cộng đồng chủ thể văn hóa

Trong quá khứ, cộng đồng chủ thể văn hóa được hình thành và gắn kết chủ yếu dựa trên quan hệ huyết thống, cội nguồn dòng giống, nơi cư trú. Trải qua quá trình biến đổi văn hóa, ngày nay, lợi ích và mối quan tâm chung trở thành yếu tố quyết định sự bền chặt của cộng đồng.

Cộng đồng chủ thể sáng tạo các giá trị văn hóa phi vật thể, chủ sở hữu DSVHPVT và người nắm giữ, thực hành/trình diễn, truyền dạy tri thức về DSVHPVT đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin, thực hành/trình diễn, truyền dạy tri thức về DSVHPVT (bao gồm truyền thuyết, truyện cổ, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nghệ thuật, tri thức chữa bệnh, bí quyết nghề v.v...). Cộng đồng chủ thể văn hóa nắm giữ vai trò chủ động, vừa là chủ nhân vừa là người thụ hưởng DSVHPVT. Do đó, việc cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, có nguồn gốc về DSVHPVT mà mình sáng tạo ra, sở hữu và thực hành thể hiện trách nhiệm tự thân của cộng đồng chủ thể văn hóa trong việc bảo vệ DSVHPVT nói riêng và bản sắc của cộng đồng mình nói chung. Ngoài ra, nếu điều kiện cho phép, chủ thể văn hóa cũng có thể tham gia trực tiếp vào tiết học trên lớp. Điều này mang đến cho HS cơ hội tiếp cận với chủ thể văn hóa, tiếp nhận thông tin trực tiếp, khiến giờ học trở nên sinh động, có tính tương tác cao, tăng cường hứng thú học tập và khả năng tiếp thu những kiến thức, giá trị và kỹ năng cần truyền đạt.

Cần lưu ý rằng, DSVHPVT không phải thứ gì cao xa mà nó là sản phẩm văn hóa của cộng đồng, mang tính truyền thống, đang sống và được cộng đồng công nhận, không chỉ vì nó là tài sản của họ mà còn vì nó quan trọng đối với bản sắc của họ. Do đó, đối với những DSVHPVT được thực hành ngay tại địa bàn xung quanh trường học hay nơi cư trú của HS, cộng đồng chủ thể văn hóa có thể không phải ai xa lạ mà chính là ông bà, cha mẹ, họ hàng, láng giềng của HS và ngay bản thân HS. Sự trao đổi giữa HS và những chủ thể văn hóa vốn gần gũi với HS trong quá trình chuẩn bị cho bài học sẽ tạo nên những thảo luận hữu ích trong cộng đồng, thúc đẩy lòng tự hào và nâng cao nhận thức về bảo tồn DSVHPVT của chính họ hướng đến mục tiêu PTBV.

1.4. Các nhà khoa học, chuyên gia về di sản văn hóa phi vật thể và chuyên gia giáo dục

Các nhà khoa học, chuyên gia về DSVHPVT và chuyên gia giáo dục có vai trò quan trọng trong quá trình phối hợp thiết kế chương trình giáo dục di sản, cung cấp công cụ, hướng dẫn, tư vấn cho GV và HS xây dựng bài học về DSVHPVT sao cho hiệu quả, hấp dẫn. Trong quá trình phối hợp đó, các chuyên gia về DSVHPVT đóng vai trò như cầu nối giữa nhà trường, ngành giáo dục với cộng đồng chủ thể văn hóa, tư vấn cho GV lựa chọn những DSVHPVT phù hợp để kết nối với nội dung bài học và mục tiêu PTBV. Các chuyên gia giáo dục dựa trên các phương pháp chuyên môn và thực tiễn hoạt động giáo dục tìm ra những lựa chọn hiệu quả hơn cho GV – những người thiết kế bài học – và những nhà quản lý, lãnh đạo trong việc đưa DSVHPVT vào thực tiễn giáo dục.

Để thực hiện chương trình giáo dục DSVHPVT, không thể thiếu sự phối hợp, liên kết tham gia giữa các chuyên gia về DSVHPVT với các chuyên gia giáo dục. Sự phối hợp, liên kết tham gia này sẽ đạt được hiệu quả tối ưu nếu mỗi bên phát huy được tối đa năng lực chuyên môn, sự tâm huyết và trách nhiệm của mình, đồng thời đảm bảo sự tôn trọng cần thiết đối với vai trò của từng lĩnh vực chuyên môn.

1.5. Các nhà quản lý văn hóa

Hoạt động của các nhà khoa học, chuyên gia về DSVHPVT, chuyên gia giáo dục và sự tham gia của GV, HS vào quá trình giáo dục DSVHPVT hướng tới các mục tiêu PTBV cần được sự ủng hộ về chủ trương, quan điểm và sự hỗ trợ về nhân lực, vật lực của ngành văn hóa. Các nhà quản lý văn hóa ở các cấp không chỉ là những người sát sao với di sản mà còn đóng vai trò quan trọng trong hoạch định chính sách quản lý DSVH. Do vậy, họ là những người tạo điều kiện cho quá trình giáo dục DSVHPVT được thực hiện một cách thuận lợi, đạt hiệu quả cao, đảm bảo các tiêu chí của PTBV.

1.6. Các nhà quản lý giáo dục

Từ chủ trương và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng DSVHPVT trong dạy và học ở trường phổ thông, các cán bộ quản lý giáo dục cần nhận thức rõ về vai trò, ý nghĩa của chủ trương này đối với việc hình thành các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của HS. Thông qua đó, các nhà quản lý giáo dục có vai trò quan trọng trong việc tổ chức các chương trình tập huấn, sắp xếp nhân lực, vật lực, thời gian phù hợp để GV có thể chủ động, tích cực tham gia chương trình giáo dục di sản, phát huy tối đa năng lực của GV.

1.7. Truyền thông

Truyền thông (hiểu theo nghĩa truyền thông đại chúng, hay còn gọi là báo chí) có vai trò thúc đẩy chia sẻ thông tin về nhiều mặt, trong đó có DSVHPVT và việc bảo tồn, phát huy, giáo dục DSVHPVT vì sự PTBV.

Truyền thông tham gia vào giáo dục di sản thông qua việc tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu đặc trưng các DSVH của dân tộc. Theo cách này, truyền thông trở thành cầu nối giữa các cá nhân trong cộng đồng hay giữa các cộng đồng, cung cấp hiểu biết đầy đủ, đúng đắn về đặc trưng của DSVHPVT tại các địa phương ở trong và ngoài nước. Từ đó, truyền thông giúp nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy giá trị DSVHPVT. Việc các GV khai thác một số tài liệu truyền thông có nguồn gốc đáng tin cậy cho việc xây dựng bài giảng tích hợp với DSVHPVT hướng tới sự PTBV cũng là cách truyền thông tham gia vào quá trình giáo dục di sản. Điều này cũng đồng nghĩa với việc GV cần chủ động sử dụng các nguồn thông tin chính thống để tránh những thông tin chưa chính xác do nhận định chủ quan hoặc hiểu biết phiến diện của cá nhân nhà báo, làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học trong giáo dục di sản.

2. Cách tiếp cận

2.1. Học sinh là trung tâm

Cách tiếp cận lấy HS làm trung tâm chuyển vai trò quan trọng của quá trình dạy và học từ GV sang HS. Điều này có nghĩa HS đóng vai trò chủ động trong quá trình tìm hiểu kiến thức, thực hành kỹ năng và tiếp nhận các giá trị. Việc chuẩn bị cho một bài học cần có sự tham gia của HS ngay từ đầu, vừa tạo sự hứng thú cho HS, vừa là sự chia sẻ trách nhiệm giữa GV và HS. Khi đó, GV thay vì trước kia là người truyền đạt kiến thức với cách tiếp cận một chiều từ trên xuống nay sẽ trở thành người hướng dẫn gợi mở cho HS, cùng HS khám phá tri thức và tiếp nhận những kỹ năng và giá trị mới. Cách tiếp cận lấy HS làm trung tâm cũng đề cao vốn hiểu biết của HS, đòi hỏi HS phải vận dụng những tri thức đã biết, trí tưởng tượng, sức sáng tạo để đóng góp vào bài học, tăng sự trao đổi, thảo luận trong suốt thời gian diễn ra bài học. Cách tiếp cận này cũng mở rộng mạng lưới các cá nhân tham gia vào quá trình tìm hiểu về DSVH và thảo luận đa văn hóa. Đó là khi HS hỏi ông, bà, cha, mẹ của mình về những kinh nghiệm, hiểu biết của thế hệ đi trước về DSVH mà HS cần tìm hiểu. Sự giao lưu giữa các thế hệ là cách trao truyền và lưu giữ DSVH một cách tự nhiên và hiệu quả, từ đó góp phần nâng cao nhận thức về những kỹ năng và giá trị cần có thông qua tri thức bài học, các đặc trưng của DSVH hướng tới sự PTBV.

Cần chú ý rằng, lấy HS làm trung tâm đồng nghĩa với việc cần có sự quan tâm và tôn trọng nhất định đối với những đóng góp của HS trong quá trình dạy và học.

2.2. Giáo viên hứng thú với di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục vì sự phát triển bền vững

GĐVSPTBV thông qua tích hợp DSVHPVT vào bài học trong trường phổ thông chỉ có thể được hiện thực hóa khi GV ý thức được tầm quan trọng của định hướng giáo dục này. Ý thức này sẽ giúp GV hiểu rằng bảo tồn và phát huy DSVHPVT là một trong những yếu tố quan trọng để duy trì văn hóa – nền tảng thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội. Từ đó, GV chủ động tìm hiểu về DSVHPVT, có sự hứng thú với việc tích hợp DSVHPVT vào bài học và luôn có tinh thần học hỏi thêm nhiều cách dạy và học tiên tiến mang lại hiệu quả trong từng tiết học. Sự hứng thú mà GV có được sẽ tạo nên những giờ học đầy cảm hứng và cảm xúc, điều sẽ đem lại hiệu quả khi GV gợi mở và hướng dẫn HS tìm kiếm tri thức, trau dồi kỹ năng và tiếp nhận những giá trị cần thiết cho sự phát triển của cá nhân nói riêng và xã hội nói chung. Nói cách khác, trước khi đóng vai trò hướng dẫn gợi mở cho HS, GV cần được khuyến khích để tiếp cận với phương pháp giáo dục thông qua DSVHPVT hướng tới sự PTBV một cách cởi mở và tích cực. Điều này khiến cho các bài học tích hợp DSVHPVT không phải là những nhiệm vụ bắt buộc được thực hiện một cách khô khan mà thực sự mang lại lợi ích cho cả GV và HS vì mục tiêu PTBV.

2.3. Đa dạng hóa cách thức học tập

Con người tiếp nhận kiến thức theo nhiều cách khác nhau. Các nghiên cứu đã đưa ra nhiều mô hình về phong cách học khác nhau của con người. Năm 1979, Walter Burke và đồng nghiệp đã đưa mô hình VAK (Visual learning – Auditory learning – Kinesthetic learning) bao gồm học bằng hình ảnh, học bằng thính giác và học bằng hành động. Học bằng hình ảnh là cách tiếp cận kiến thức thông qua ảnh, hình khối, nghệ thuật điêu khắc hay tranh vẽ. Học bằng thính giác là cách tiếp nhận kiến thức thông qua hoạt động nghe, nhịp điệu, âm thanh, bài hát. Học bằng hành động là cách tiếp nhận kiến thức thông qua cử chỉ, tư thế, sự chuyển động của cơ thể và

thao tác bằng tay trên hiện vật. Đến năm 1987, nhận thấy có những người chỉ có thể tiếp nhận kiến thức thông qua việc đọc và/hoặc viết, Neil Flemming đã phát triển mô hình VAK bằng cách bổ sung thêm chữ R (Reading/Writing) tạo thành mô hình VARK^[7].

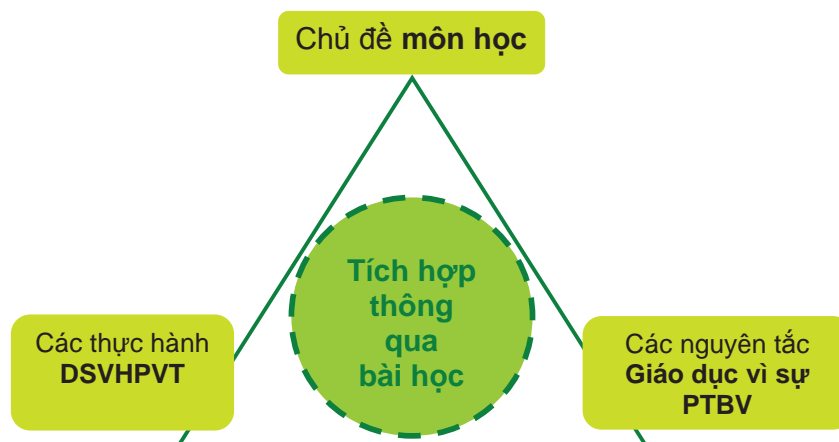
Trên cơ sở nhận thức được các cách tiếp nhận kiến thức khác nhau của con người, GDVSPTBV thông qua việc tích hợp DSVHPVT vào bài học trong trường phổ thông cần đa dạng hóa cách thức học tập. Việc dựng các đoạn video ngắn giới thiệu về di sản hoặc một/một vài đặc trưng của di sản sẽ là cách học bằng hình ảnh hay bằng thính giác. Việc tìm hiểu những hình ảnh, ý nghĩa trong lời ca của những làn điệu dân ca là cách học thông qua việc đọc hoặc chuẩn bị các nội dung thuyết trình là cách học thông qua hoạt động đọc và viết. Việc tổ chức diễn kịch, trải nghiệm chơi nhạc cụ, múa, chơi trò chơi... là những cách học bằng hành động.

Để huy động sự chủ động và sáng tạo của HS, việc học theo định hướng hoạt động là cách học đáp ứng các phong cách học khác nhau. Học thông qua dự án, học tại địa điểm di sản là những ví dụ. Cách học này sẽ khơi dậy cảm hứng của HS trong tiếp nhận kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho việc hình thành người công dân toàn cầu trong quá trình PTBV.

2.4. Kết hợp giữa các yếu tố của di sản văn hóa phi vật thể và các nguyên tắc của giáo dục vì sự phát triển bền vững cho việc học

Để việc tích hợp DSVHPVT vào việc học hướng tới sự PTBV không trở thành gánh nặng với chương trình học, với GV và cả HS, quá trình dạy và học này sẽ:

- Phát triển các phương pháp để làm phong phú thêm việc dạy và học chương trình chính thức;
- Không tập trung dạy về nội dung của DSVH mà chú trọng đến cách thức con người thực hành di sản đó như thế nào; sử dụng DSVH như một công cụ để truyền dạy kiến thức bài học cũng như tri thức, thái độ và kỹ năng về PTBV cho người học;
- Phân tích chương trình học để xác định “cửa ngõ” cho việc chuyển tải tri thức, thái độ và kỹ năng về PTBV thông qua DSVH đến người học: không dập khuôn, máy móc bắt buộc phải chuyển tải vào một thời điểm nhất định với một dung lượng cố định; luôn gợi mở để quá trình tự học, tự nâng cao nhận thức tiếp tục được diễn ra sau khi giờ học kết thúc.



[8]

[7] Vũ Phương Nga (2015), “Vai trò của tư liệu nghe-nhìn trong bảo tàng”, Tạp chí Bảo tàng & Nhân học, tr. 147-162.

[8] Masahisa Sato (2018), “SDG 4.7 and Quality Education – Effective Linkages between ICH & ESD” (presentation on expert meet-ing for “Multi-disciplinary on Intangible Cultural Heritage’s Contribution to Sustainable Development: Focusing on Education”, Hanoi.

2.5. Cách tiếp cận toàn nhà trường

Để hiện thực hóa GDVSPTBV thông qua tích hợp DSVHPVT vào bài học, không thể chỉ tập trung vào việc dạy và học đơn thuần, bởi nếu vậy người học sẽ khó thấy được bối cảnh rộng lớn của sự cần thiết phải hướng tới PTBV trong nhận thức và hành động. Mục tiêu của GDVSPTBV là thay đổi bản thân dẫn đến thay đổi xã hội. Quá trình thứ hai không nhất thiết phải là sự tiếp nối của quá trình thứ nhất mà có thể song hành. Do đó, cần thiết phải tạo ra môi trường giáo dục hướng đến sự PTBV ở tất cả các cấp độ để làm nền tảng cho việc dạy và học vì sự PTBV.

Chẳng hạn, có thể xây dựng lớp học, trường học thành các cơ sở xanh (trồng cây xanh, sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy...) và tạo ra môi trường tiếp xúc bình đẳng giữa người học với nhau, trao đổi cởi mở giữa GV và người học... để người học được thực hành chính những điều họ vừa tiếp nhận được, phát triển nhận thức và có thái độ hợp lý đối với quá trình hướng tới sự PTBV. Việc tạo ra mô hình tiếp cận ở mọi cấp độ sẽ lan tỏa kết quả giáo dục, từ đó hướng tới sự chuyển biến của những môi trường sống của người học (chẳng hạn như gia đình, khu phố...)^[9] Với cách tiếp cận này, không chỉ GV và người học mà toàn bộ những cá nhân trong cơ cấu tổ chức của trường học cũng cần ý thức và hành động hướng đến sự PTBV để tạo được hiệu quả tổng thể đối với việc dạy và học.

3. Phương pháp thực hiện

3.1. Phương pháp khai thác tư liệu

Để sử dụng DSVHPVT minh họa cho bài học nhằm chuyển tải kiến thức khoa học và kiến thức về PTBV, GV có thể áp dụng nhiều phương pháp khác nhau trong khai thác thông tin phục vụ cho bài giảng.

- Tra cứu tài liệu thứ cấp: GV cần đọc các tài liệu đã xuất bản hoặc đăng tải trên mạng internet liên quan đến DSVH, PTBV để nắm được nội dung của DSVH cũng như những kiến thức cốt lõi về PTBV;
- Quan sát tham dự: Tham quan các địa điểm của DSVHPVT, tham dự các buổi thực hành văn hóa phi vật thể để có thông tin trực tiếp cũng như cảm nhận về di sản;
- Điều tra hồi cố: Hỏi chuyện các nghệ nhân nắm giữ di sản về quá trình hình thành và phát triển của di sản để có được hiểu biết về lịch sử của di sản, qua đó hiểu được vai trò quan trọng của nguồn lực con người trong việc duy trì di sản;
- Phương pháp câu chuyện cuộc đời và lịch sử truyền miệng: Hỏi chuyện các nghệ nhân nắm giữ di sản về các cột mốc trong cuộc đời nghệ nhân gắn bó với di sản, thông qua đó có thể hiểu về thói quen văn hóa trong thực hành di sản, các bí quyết để tạo ra nét đặc sắc của di sản...;
- Phương pháp chuyên gia: Phỏng vấn các chuyên gia, học giả, nhà nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan (di sản, văn hóa, dân tộc học..., PTBV, tri thức địa phương...) để có cái nhìn khái quát về di sản và những hiểu biết sâu hơn về PTBV thông qua bảo tồn DSVH nói chung, DSVHPVT nói riêng;
- Lập bảng hỏi: Liệt kê những câu hỏi để định hướng việc khai thác thông tin; Phân nhóm các câu hỏi theo chủ đề (ví dụ: lịch sử di sản, đặc trưng di sản, giá trị di sản, cách thực hành, yêu cầu đối với người thực hành...). Lập bảng hỏi tốt sẽ giúp không bỏ sót thông tin và tận dụng được thời gian tiếp xúc với chuyên gia và nghệ nhân nắm giữ di sản;
- Thu thập tư liệu nghe-nhìn: Chụp ảnh, quay phim, ghi âm để lưu lại các tư liệu thu thập được giúp phản ánh chân thực và trực quan sinh động về di sản.

3.2. Nguồn tài liệu

- Liên quan đến di sản văn hóa:
 - Danh mục các DSVHPVT ở Việt Nam được UNESCO ghi danh là DSVHPVT đại diện của nhân loại và DSVHPVT cần được bảo vệ khẩn cấp; Danh mục công nhận DSVHPVT quốc gia của Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch; Danh mục kiểm kê DSVHPVT địa phương do Phòng Văn hóa thông tin quận/huyện và Sở Văn hóa Thông tin và Du lịch tỉnh/thành phố thực hiện;

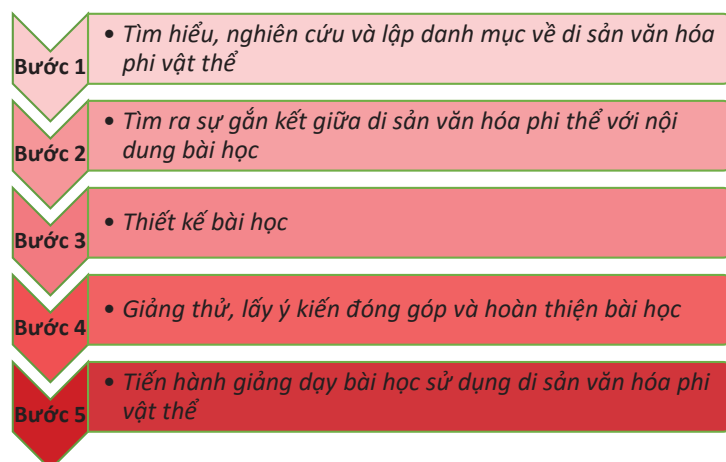
[9] UNESCO (2017), Education for Sustainable Development Goals – Learning Objectives, pp. 53-54.

- Sách nghiên cứu, sưu tầm; bài viết khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành (Văn hóa dân gian, Dân tộc học, Bảo tàng & Nhân học, Di sản, Tôn giáo...); luận án, luận văn, khóa luận về các lĩnh vực liên quan;
 - Tư liệu nghe-nhìn: Phim tư liệu, ảnh chụp về hình thức và các thực hành DSVHPVT; băng ghi âm nội dung phỏng vấn các chuyên gia, nhà nghiên cứu văn hóa, nhà quản lý văn hóa, nghệ nhân nắm giữ DSVH;
 - Mạng internet: Trang thông tin điện tử của UNESCO, Cục Di sản (Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch) và các trang thông tin điện tử khác có nội dung liên quan (với lưu ý rằng, các thông tin trên mạng internet cần được kiểm chứng trên cơ sở đối chiếu với các tài liệu được công bố chính thức (đã xuất bản) hoặc được đăng tải trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức chính thức).
- Liên quan đến PTBV:
 - Các văn bản của Chính phủ về PTBV và các mục tiêu của PTBV, Chiến lược PTBV do Chính phủ đề ra, Kế hoạch hành động quốc gia vì mục tiêu PTBV...;
 - Các kiến thức cơ bản về PTBV được cung cấp bởi LHQ;
 - Các tài liệu nghiên cứu về PTBV: sách, tạp chí, luận án, luận văn, khóa luận... (đặc biệt là những nghiên cứu liên quan đến tri thức địa phương và những ứng dụng của chúng trong đời sống người dân, vai trò của chúng đối với sinh kế trong bối cảnh toàn cầu hóa hướng đến mục tiêu PTBV).
 - Liên quan đến biên soạn bài giảng tích hợp DSVH và kiến thức về PTBV:
 - Các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới giáo dục, giáo dục tích hợp DSVHPVT, GDVSPTBV;
 - Kế hoạch triển khai việc xây dựng nội dung bài giảng tích hợp DSVHPVT của Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục địa phương;
 - Các tài liệu hướng dẫn xây dựng bài học tích hợp DSVHPVT vì mục tiêu PTBV do UNESCO, Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch ban hành;
 - Các video tiết học mẫu tích hợp DSVHPVT vào bài học trong trường phổ thông đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Quy trình thực hiện

Nội dung này được phát triển từ kinh nghiệm khi thực hiện đề án Đưa di sản văn hóa phi vật thể của Hà Nội vào bài giảng cấp THCS (2004 – 2005) do Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp thực hiện cùng UBND Thành phố Hà Nội, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, Cục Di sản văn hóa[6] và tài liệu “Các bước xây dựng Kế hoạch dạy học có sử dụng Di sản văn hóa phi vật thể” (2014) do UNESCO, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bảo tàng Dân tộc Việt Nam thực hiện.

GV giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong việc đưa DSVHPVT vào bài học. Quy trình thực hiện của GV có thể chia ra nhiều bước khác nhau, tùy theo môn học, bài học và mức độ gắn kết của mỗi người. Tuy nhiên, để thực hiện thành công, GV cần tiến hành các bước không thể bỏ qua, bao gồm:



Bước 1: Tìm hiểu, nghiên cứu và lập danh mục về DSVHPVT

Giáo viên cần:

- Hiểu rõ thế nào là DSVHPVT và những đặc trưng của chúng, đặc biệt là những di sản mà GV sẽ lựa chọn để đưa vào bài học;
- Sử dụng các phương pháp tìm kiếm thông tin (trình bày ở mục 3.1.) để tìm hiểu, nắm bắt thông tin về các loại hình DSVHPVT ở Việt Nam và ở địa phương thông qua các nguồn tài liệu (trình bày ở mục 3.2.);
- Lập danh mục giới thiệu tóm tắt về DSVHPVT của địa phương hoặc nhóm dân tộc
- Mục đích: Để thuận tiện cho việc tra cứu và sử dụng về sau;
- Danh mục nên bao gồm các nội dung: tên di sản; địa điểm của di sản; quá trình hình thành của di sản; đặc điểm của di sản; cộng đồng sáng tạo và nuôi dưỡng di sản; các giá trị của di sản; việc thực hành di sản trong tình hình thực tế hiện nay.

Việc lập danh mục này cần:

- Được thực hiện với sự trợ giúp của cán bộ văn hóa, nhà nghiên cứu - quản lý văn hóa của địa phương để có thể kiểm tra tính chính xác của thông tin, hình ảnh về DSVHPVT nêu trong danh mục hoặc đối chiếu với các nguồn thông tin chính thống;^[10]
- Được thảo luận và chia sẻ trong tổ bộ môn nhằm hỗ trợ công tác giảng dạy của các GV và đảm bảo HS giữa các lớp được cung cấp kiến thức một cách công bằng.

Việc lập danh mục DSVH (vật thể và phi vật thể) nếu được thực hiện một cách đầy đủ trong phạm vi một địa phương sẽ hỗ trợ tốt cho quá trình tìm kiếm thông tin về DSVH tích hợp vào bài giảng trong trường học của GV.

Bước 2: Tìm ra sự gắn kết giữa di sản văn hóa phi thể và những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến phát triển bền vững với nội dung bài học

GV cần:

- Nắm chắc khung chương trình và nội dung kiến thức cần chuyển tải qua mỗi bài học;
- Có kiến thức nhất định về PTBV;
- Nghiên cứu nội dung các bài học trong chương trình sách giáo khoa, dựa vào danh mục DSVHPVT đã có, tìm ra sự gắn kết giữa kiến thức khoa học cần truyền đạt đến HS và những đặc trưng của DSVHPVT;
- Lập khung tích hợp liên kết giữa *kiến thức môn học – đặc trưng và/hoặc giá trị của di sản – giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV* (tham khảo mục 4.1.)

Lưu ý: Một bài học có thể được minh họa thông qua nhiều di sản khác nhau và chuyển tải những kiến thức về PTBV khác nhau để tránh sự nhàm chán và làm phong phú thêm giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV.

- Căn cứ điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, điều kiện giảng dạy của GV, lựa chọn những DSVHPVT phù hợp để tiến hành thiết kế bài học chi tiết gắn kết với DSVHPVT đó và những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV.
 - Thảo luận trong tổ bộ môn để chia sẻ và thống nhất kế hoạch giảng dạy.:

Bước 3: Thiết kế bài học

GV cần:

- Đảm bảo mục tiêu: tích hợp DSVHPVT vào bài học, vừa truyền đạt kiến thức môn học vừa chuyển tải những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV;
- Nghiên cứu tư liệu thứ cấp liên quan đến DSVHPVT đã lựa chọn, xác định các thông tin, hình ảnh cần bổ sung để xây dựng nội dung bài học;
- Xác định hình thức bổ sung thông tin, hình ảnh:

[10] Vũ Hồng Nhi (2017), “Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa dân gian ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam”, Tạp chí Nguồn sáng dân gian, số 4, tr. 97 – 104.

- Nghiên cứu thực địa: giúp thu thập thông tin trực tiếp, chi tiết;
- Tìm gặp các chuyên gia, nhà nghiên cứu am hiểu về di sản để phỏng vấn: thu thập thông tin về di sản, xin thông tin về các xuất bản phẩm cập nhật về di sản;
- Tham khảo thêm các tài liệu thứ cấp mới cập nhật về di sản.

Lưu ý: Có thể thực hiện toàn bộ các phương án bổ sung tư liệu trên nếu điều kiện cho phép. Trong trường hợp không thể thực hiện được, GV chủ động lựa chọn phương án thích hợp.

- Xây dựng kế hoạch bài học chi tiết trên cơ sở khung tích hợp đã lập ra ở bước 2.

Bài học tích hợp này cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chuyển tải đúng và đủ kiến thức môn học theo nội dung chương trình quy định;
- Cân đối giữa thời lượng dành cho kiến thức môn học, hiểu biết về DSVHPVT và những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV; đảm bảo thời gian tiết học theo quy định;
- Xác định những nội dung cần chuẩn bị trước đối với cả GV và HS để bài học đạt hiệu quả cao;
- Lấy HS làm trung tâm, tạo điều kiện để HS chủ động khám phá kiến thức môn học, DSVHPVT và PTBV thông qua phương pháp học tập tích cực.

Gợi ý một số hoạt động tương tác trong bài học:

- Thuyết trình: cá nhân hoặc nhóm thực hiện;
- Đóng kịch: làm việc nhóm, phân vai và nhập vai;
- Làm mô hình từ vật liệu sẵn có, để tìm và thuyết trình: cá nhân hoặc nhóm thực hiện;
- Chụp ảnh theo chủ đề và tạo dựng trưng bày tại lớp: làm việc nhóm;
- Ghi hình, ghi âm phỏng vấn để dựng thành phim giới thiệu về di sản văn hóa: GV/nhà trường thực hiện, nhóm HS thực hiện;
- Mời chuyên gia, nhà nghiên cứu, nghệ nhân nắm giữ di sản tới tham gia vào bài học;
- Chơi trò chơi liên quan đến nội dung di sản: làm việc nhóm;
- Tham quan thực địa (đối với tiết học ngoại khóa)

Lưu ý: Tổ chức tham quan thực địa: GV hướng dẫn HS cách thức thu thập tài liệu để tạo ra các hoạt động tương tác trên lớp, những việc cần làm trước, trong và sau khi tham quan thực địa.

Việc giảng dạy sẽ đạt hiệu quả hơn nếu GV có điều kiện đi nghiên cứu, tìm hiểu về di sản trong thực tế.

- Các chuyến đi thực địa không nên quá dài; nên thực hiện 2 đợt, mỗi đợt 1–2 ngày.
- Trước khi đi, GV cần: tham khảo các tài liệu thứ cấp sẵn có để có hình dung nhất định về di sản; chuẩn bị bảng hỏi phỏng vấn; chuẩn bị trang thiết bị cho việc thu thập tư liệu trên thực địa trên cơ sở điều kiện của nhà trường và cá nhân GV (sổ ghi chép, bút, máy ảnh, máy ghi âm, máy quay phim...);
- Trong khi đi: áp dụng các phương pháp thu thập thông tin tại thực địa (xem mục 3.1.)
- Đợt 1: Thu thập thông tin tại nơi có di sản thông qua cách thức phỏng vấn, ghi âm, chụp ảnh, quay phim...; kiểm chứng tính phù hợp của di sản với nội dung bài học; chốt hình thức tổ chức dạy học trên lớp hoặc tại di sản (bài học tại thực địa); tìm kiếm hiện vật, chất liệu làm tài liệu bổ trợ trong bài học; xem xét khả năng mời người nắm giữ, thực hành di sản tại địa phương tham gia vào hoạt động dạy học.
- Sau khi đi: Chỉnh sửa kế hoạch bài học trên cơ sở các tư liệu thu thập được;
- Đợt 2: Bổ sung tư liệu còn thiếu sau khi điều chỉnh kế hoạch bài học; chuẩn bị hiện vật, phương tiện, đồ dùng phục vụ cho bài học.

Bước 4: Giảng thử, lấy ý kiến đóng góp và hoàn thiện bài học

Nếu điều kiện cho phép, GV nên tổ chức giảng thử lấy ý kiến đóng góp của Ban giám hiệu nhà trường, cán bộ phụ trách chuyên môn của phòng Giáo dục - Đào tạo, đồng nghiệp trong tổ bộ môn nhằm kiểm định và hoàn thiện các mặt sau:

- Sự phù hợp giữa nội dung bài học với DSVHPVT;
- Sự logic giữa kiến thức về PTBV với giá trị DSVHPVT và kiến thức môn học;
- Tính khả thi trong phương pháp và mức độ gắn kết DSVH với bài học
- Tính hợp lý về thời lượng bài học, thời lượng dành cho từng loại kiến thức.

Để đáp ứng được các yêu cầu trong phân phối chương trình của môn học, dựa vào những ý kiến đánh giá sau giảng thử, GV có thể:

- Lược bớt hoặc thay thế các hoạt động cho phù hợp;
- Điều chỉnh về mặt thời gian cho từng hoạt động;
- Nếu cần, GV tiếp tục bổ sung thêm tư liệu, phương tiện cho bài học.

Bước 5: Tiến hành giảng dạy bài học sử dụng di sản văn hóa phi vật thể

- Đưa bài học đã thiết kế hoàn thiện vào kế hoạch giảng dạy của bộ môn theo đúng lịch học tập của nhà trường trong năm học.
- Trong quá trình giảng dạy, GV tiếp tục có sự đánh giá, đưa ra những đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho bài học với Ban Giám hiệu, tổ bộ môn để có được bài học tối ưu.
- Để bài học đạt hiệu quả cao, GV cần chuẩn bị chu đáo, đầy đủ mọi điều kiện để việc tổ chức dạy học diễn ra an toàn, đúng kế hoạch và hiệu quả trên lớp hoặc tại di sản theo kế hoạch và thiết kế bài học đã xây dựng.
- Nếu bài học diễn ra tại địa điểm có DSVH, GV nên có những yêu cầu cụ thể để HS tìm hiểu và thực hiện *trước, trong* và *sau* khi học bài.
- Sử dụng phiếu thu hoạch sau mỗi bài học để đánh giá kết quả và nắm bắt yêu cầu của HS sẽ giúp GV thực hiện bài học ngày càng tốt hơn.

Phiếu thu hoạch cần có những mục sau:

- Những kiến thức khoa học HS nắm được từ bài học;
- Những hiểu biết về DSVH được tích hợp trong bài học mà HS tiếp thu được;
- Những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV mà HS lĩnh hội được từ bài học;
- Cảm nhận của HS về bài học; Điều gì HS mong muốn được biết thêm về DSVH;
- Những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV mà HS tiếp thu được có ý nghĩa thế nào đối với cuộc sống của HS.

4. Tích hợp di sản văn hóa phi vật thể vào bài học trong nhà trường vì mục tiêu phát triển bền vững

4.1. Khung tích hợp

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
1	Âm nhạc	6	Sơ lược về dân ca Việt Nam	Bước đầu làm quen với dân ca Việt Nam và biết được loại hình dân ca đóng vai trò quan trọng trong đời sống của cư dân Nghệ An và Hà Tĩnh.	Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	Ví là lối hát tự do, không tiết tấu từng khuôn nhịp; Giặm là thể hát nói bằng thơ có tiết tấu rõ ràng; Dân ca Ví, Giặm được hát trong hầu hết các hoạt động đời thường của cư dân như ru con, dệt vải, trồng lúa. Ví thuộc thể ngâm vịnh bằng phương pháp phổ thơ dân tộc, âm vực không quá một quãng 8; Giặm là cách hát xen kẽ nhau của nhóm hay vài người, hát theo thể thơ ngũ ngôn, giàu tính tự sự.	- Nhận biết được làn điệu Ví, Giặm và vai trò của dân ca và DSVH trong đời sống; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc. - Hiểu được đặc trưng của hát dân ca Ví, Giặm, giá trị âm nhạc của dân ca; - Hình thành ý thức bảo vệ, phổ biến các giá trị âm nhạc truyền thống.
	Âm nhạc	7	Sơ lược về dân ca Việt Nam	Nhận thức được sự đa dạng của dân ca Việt Nam và mối liên hệ giữa âm nhạc với văn hoá, lịch sử, xã hội cùng các loại hình nghệ thuật khác.	Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	Ví thuộc thể ngâm vịnh bằng phương pháp phổ thơ dân tộc, âm vực không quá một quãng 8; Giặm là cách hát xen kẽ nhau của nhóm hay vài người, hát theo thể thơ ngũ ngôn, giàu tính tự sự.	- Sinh hoạt cộng đồng, có tính giải trí, tạo nên sự cố kết cộng đồng; - Những câu hát có nội dung giáo dục về tình yêu quê hương, đất nước, gia đình, tổ tiên; - Nhân vật trong lời ca được thể hiện bình đẳng; - Là nơi DSVH được bảo lưu, tiếp nối và sáng tạo.
	Âm nhạc	6 7 8 9	Thường thức âm nhạc - Âm nhạc và đời sống	- Cảm nhận một số làn điệu dân ca và bài bản âm nhạc dân tộc. - Phân biệt được tính chất của một số làn điệu và bài bản âm nhạc. - Kể được tên một số bài dân ca phổ biến, nêu vài nét về DSVH đã học; - Nêu được vai trò của dân ca và DSVH trong đời sống.	Nghệ thuật hát Bài chòi Trung Bộ	Nghệ thuật hát Bài chòi gồm hàng trăm câu thơ, vè, hàng nghìn câu ca dao; Lối trình diễn ngẫu hứng, ứng biến.	- Hiểu biết về văn hóa ứng xử, tinh thần học hỏi; - Kỹ năng phối hợp chơi nhạc
	Âm nhạc	6 7 8 9	Thường thức âm nhạc - Âm nhạc và	- Cảm nhận một số làn điệu dân ca và bài bản âm nhạc dân tộc; - Phân biệt được tính chất của một số	Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	Lối trình diễn ngẫu hứng; Kỹ thuật hát đòi hỏi nhiều kỹ thuật điều luyện: ngâm, ngân, luyến láy; Khán giả có thể cùng tham gia thực hành, bình luận và	

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
				làn điệu và bài bản âm nhạc. - Kể được tên một số bài dân ca phổ biến, nêu vài nét về DSVH đã học; - Nêu được vai trò của dân ca và DSVH trong đời sống.		sáng tạo lời mới; - Các kỹ năng chơi nhạc cụ trong đàn ca tài tử: rao, rung, nhấn, khảy, búng, phi, vê, láy, day, chớp, chụp...; Người học cần bắt đầu từ chơi độc chiếc, tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu, lục tấu với các nhạc cụ khác nhau kết hợp các điệu (hơi): Bắc, Hạ (nhạc), Xuân, Ai, Oán,... để diễn tả tâm trạng, tình cảm vui, buồn.	cụ (sự phối hợp để cùng nhau thực hiện một công việc hướng tới một mục đích chung); - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc.
	Âm nhạc	6 7 8 9	Thường thức âm nhạc - Tìm hiểu nhạc cụ	- Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ; - Nêu được một số đặc điểm về hình dáng, chất liệu, âm sắc đặc trưng và hình thức trình diễn nhạc cụ; - Nhận biết vai trò của nhạc cụ trong biểu diễn âm nhạc.	Ca trù	Nhạc cụ của Ca trù gồm: đàn Đáy, trống chầu và phách. Đàn Đáy tạo ra âm trầm, phách giữ nhịp kết hợp với thanh cao của giọng hát ca nương tạo ra sự hòa quyện âm thanh tuyệt vời. Trống chầu trước kia dành cho quan viên gõ để thưởng cho ca nương. Ngày nay, trống chầu được bao gồm luôn trong phần trình diễn Ca trù.	- Kỹ năng phối hợp trong trình diễn nhạc cụ (phối hợp để thực hiện một công việc và đạt được một kết quả chung); - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc.
	Âm nhạc	6 7 8 9	Tìm hiểu và trải nghiệm dân ca	- Kể được tên một số bài dân ca Quan họ phổ biến; - Nắm được đặc điểm tiết tấu, giai điệu và phong cách trình diễn của dân ca Quan họ; - Cảm nhận được sắc thái tình cảm trong âm điệu và lời ca.	Dân ca Quan họ Bắc Ninh	- Hệ thống làn điệu và lời ca của dân ca Quan họ đặc sắc và phong phú, phản ánh các trạng thái tình cảm của người Quan họ; - Dân ca Quan họ luôn được thực hành trong các hoạt động văn hóa, xã hội của cộng đồng được cộng đồng lưu giữ, trao truyền qua nhiều thế hệ, trở thành bản sắc của địa phương và lan tỏa trở thành không gian văn hóa đặc thù.	- Trải nghiệm và khám phá nghệ thuật dân ca giúp HS có đời sống tinh thần phong phú, nâng cao thị hiếu thẩm mỹ; - Mở rộng hiểu biết về âm nhạc trong mối tương quan với các yếu tố lịch sử, văn hoá và xã hội giúp HS biết trân trọng và có ý thức giữ gìn, bảo vệ, phổ biến các giá trị âm nhạc truyền thống.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
					Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	<ul style="list-style-type: none"> Hát Ví thường theo thể thức tự do vì vậy người hát Ví có thể co giãn một cách ngẫu hứng, tính biểu cảm tùy thuộc vào môi trường, thời gian, tâm tình của người hát; Giặm là thể hát nói bằng thể thơ ngũ ngôn hay 5 chữ giàu tính tự sự như kể lễ, khuyên răn, giải bày...; Nội dung lời hát Ví, Giặm chứa đựng giá trị văn hóa liên quan đến đời sống và văn hóa nông nghiệp. 	
2	Giáo dục công dân	7	Bảo tồn di sản văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm về DSVH và một số loại hình DSVH ở Việt Nam; Giải thích được vì sao các DSVH cần được bảo tồn; Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với bảo vệ DSVH. 	<p>Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines</p> <p>Nghi lễ và trò chơi kéo co chứa đựng giá trị văn hóa liên quan đến đời sống và sản xuất nông nghiệp của các cộng đồng cư dân đã sáng tạo và nuôi dưỡng DSVH này.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tôn trọng sự khác biệt văn hóa giữa các dân tộc; Trân trọng, tự hào về các DSVH; Có ý thức gìn giữ các giá trị quý báu của DSVH cho thế hệ sau. 	
	Giáo dục công dân	7	Tự hào về truyền thống quê hương	<ul style="list-style-type: none"> Liệt kê được một số biểu hiện của truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của quê hương. Hiểu được giá trị, ý nghĩa của truyền thống tốt đẹp của quê hương; Thể hiện được lòng tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương. 	<p>Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc</p>	<ul style="list-style-type: none"> Hình tượng Thánh Gióng thể hiện khát vọng chiến thắng lớn lao của dân tộc, thông qua đó, HS hiểu được truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, từ đó thể hiện được lòng tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Hội Gióng là một hiện tượng văn hóa được bảo lưu, trao truyền khá liên tục và toàn vẹn qua nhiều thế hệ. 	<ul style="list-style-type: none"> Trách nhiệm công dân đối với an ninh quốc gia; Trách nhiệm công dân về đạo lí truyền thống.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YẾU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Giáo dục công dân	8	Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới; - Thực hiện được sự tôn trọng, học hỏi, tiếp thu những tinh hoa, kinh nghiệm của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới bằng việc làm phù hợp với lứa tuổi của mình. 	Nghi lễ và trò chơi Kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines	<ul style="list-style-type: none"> - Nghi lễ trò chơi Kéo co mang đậm dấu ấn nghi thức nông nghiệp, tượng trưng cho sức mạnh của lực lượng tự nhiên tác động đến sự no ấm của đời sống con người; - Là trò chơi cạnh tranh, thể hiện sức bền bỉ, dẻo dai của con người; - Lễ hội được tổ chức đầu xuân để đánh dấu khởi đầu của một chu kỳ nông nghiệp, mong muốn cầu may mưa thuận gió hòa, no ấm.^[11] 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng sự khác biệt văn hóa giữa các dân tộc; - Trân trọng, tự hào và có ý thức gìn giữ các giá trị quý báu của DSVH cho muôn đời sau.
	Giáo dục công dân	9	Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các loại hình cộng đồng; - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng; - Tích tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, cộng đồng địa phương tổ chức. 	Nghi lễ và trò chơi Kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines	<p>Các cộng đồng thực hiện nghi lễ và trò chơi kéo co với ý nghĩa cầu cho mùa màng bội thu, tăng cường sự hòa hợp, thống nhất trong các cộng đồng, trường học ở các cấp, nhiều khu vực và không phân biệt sự khác nhau về kinh tế - xã hội.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sự gắn bó, tinh thần đoàn kết và hình thành sức mạnh cộng đồng thể vượt nhưng khó khăn, thách thức trong cuộc sống; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Tôn trọng sự khác biệt văn hóa; - Có ý thức giữ gìn các di sản văn hóa.
3	Hoạt động trải nghiệm	6	Hoạt động xây dựng cộng đồng -	Tham gia chơi kéo co theo kiểu Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines và:	Nghi lễ và trò chơi Kéo co ở Việt Nam,	Nghi lễ và trò chơi Kéo co được thực hành rộng rãi trong văn hóa trồng lúa ở Đông Á và Đông Nam Á, với mong ước cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu hay những tiên đoán liên quan đến	<p>Đây là hồ sơ di sản đa quốc gia đầu tiên mà Việt Nam tham gia đệ trình và được UNESCO ghi danh. Việc ghi danh DSVHPVT đa quốc gia thể hiện sự quan</p>

[11] Phạm Thị Thủy Chung, “Một số đặc điểm trò chơi truyền thống ở Đông Nam Á – Ảnh xạ từ đặc trưng văn hóa bản địa”, Tạp chí Bảo tàng và Nhân học, số 3/2014.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
			hữu nghị và hợp tác	<p>- Thể hiện thái độ tôn trọng và giữ gìn truyền thống, chia sẻ và tôn trọng sự khác biệt giữa các cá nhân, giữa các nền văn hoá..</p>	Campuchia, Hàn Quốc, Philippines	<p>sự thành công hay thất bại của nỗ lực trồng cấy. Tùy vào mỗi quốc gia thành viên, nghi lễ và trò chơi kéo co được tổ chức ở cấp độ toàn quốc hoặc tại các vùng nhất định trong từng nước.</p>	<p>tâm và đánh giá cao của UNESCO đối với cách tiếp cận mới của các quốc gia về di sản có chung đặc trưng cũng như sự chung tay bảo vệ di sản của các quốc gia thành viên để trình hồ sơ đa quốc gia.</p>
	Hoạt động trải nghiệm	6	<p>- Hoạt động xây dựng cộng đồng;</p>	<p>Tham dự một buổi biểu diễn đơn ca tài tử và:</p> <p>- Phân tích được ý nghĩa của hợp tác quốc tế và thể hiện được tinh thần hoà bình hữu nghị với các dân tộc anh em: thể hiện sự tôn trọng các nghệ nhân biểu diễn;</p> <p>- Xử lí được một số tình huống nảy sinh trong quan hệ bạn bè khi hoạt động cùng nhau: biết cách phối hợp với các bạn khi thử chơi nhạc cụ hoặc hát các tác phẩm đơn ca tài tử.</p>	<p>Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ</p>	<p>Là loại hình nghệ thuật trình diễn phổ biến ở miền Nam Việt Nam, ra đời vào cuối thế kỷ XIX, từ nhu cầu của cộng đồng, phản ánh suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của những người dân mở đất phương Nam - vùng miệt vườn, sông nước, với lối sống cần cù, phóng khoáng, cởi mở, bình dị mà nghĩa hiệp, can trường. Đến nay, Đờn ca tài tử Nam Bộ vẫn được thực hành ở nhiều nơi: trong lễ hội, ngày giỗ, cưới, sinh nhật, họp mặt... Khán giả có thể cùng tham gia thực hành, bình luận và sáng tạo lời mới.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tính cổ kết cộng đồng thể hiện ở sự tập hợp người chơi, người xem cùng thưởng thức những giá trị tốt đẹp của DSVH của cha ông; - Tính sáng tạo trên nền tảng di sản truyền thống để làm giàu thêm đời sống tinh thần của con người; - Hiểu biết về cách ứng xử trong đời sống thông qua lời hát; - Nâng cao chất lượng đời sống tinh thần nhờ tính giải trí cao.
	Hoạt động trải nghiệm	6 7 8 9	<p>Hoạt động xây dựng cộng đồng</p> <p>- Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên</p>	<p>Tham quan khu đền thờ Hùng Vương:</p> <p>- Thể hiện được sự hứng thú với những điều khác lạ từ thế giới xung quanh trong khi đi tham quan, khi trải nghiệm ngoài trời...;</p> <p>- Thể hiện được hành vi văn hoá ứng xử nơi công cộng khi tham gia các hoạt động tham quan, dã ngoại...</p>	<p>Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương</p>	<p>Theo truyền thuyết, Hùng Vương có công dựng nên Nhà nước Văn Lang tại đất Phú Thọ ngày nay. Khu di tích lịch sử đền Hùng được dựng trên núi Nghĩa Lĩnh, giữa đất Phong Châu, ngày nay là xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Lễ hội đền Hùng còn gọi là Giỗ tổ Hùng Vương là một lễ hội lớn mang tầm vóc quốc gia ở Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tinh thần gắn kết cộng đồng, đoàn kết, thống nhất, xây dựng khối các cộng đồng và cả dân tộc hòa bình, thịnh vượng; - Ý thức bảo vệ di tích nhằm gìn giữ các giá trị quý báu của DSVH cho thế hệ sau.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YẾU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Hoạt động trải nghiệm	6 7 8 9	- Hoạt động xây dựng cộng đồng; - Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	Tham quan khu đền thờ Thánh Gióng (đền Phù Đổng hoặc đền Sóc): - Thể hiện được sự hứng thú với những điều mới lạ từ thế giới xung quanh trong khi đi tham quan, khi trải nghiệm ngoài trời...; - Thể hiện được hành vi văn hoá ứng xử nơi công cộng khi tham gia các hoạt động tham quan, dã ngoại...	Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc	Theo truyền thuyết, cậu bé Gióng sinh ra một cách kỳ lạ ở làng Phù Đổng, lên 3 vẫn chưa biết nói, biết cưỡi, bỗng lớn nhanh như thổi, rồi xung phong ra trận cứu nước, cứu dân khi nghe Vua Hùng kêu gọi tìm người tài giỏi đánh giặc Ân từ phương Bắc. Hội Gióng được tổ chức ở đền Phù Đổng (xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội) và đền Sóc (xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội).	- Lòng biết ơn sự hi sinh của những thế hệ đi trước; - Trách nhiệm công dân đối với an ninh quốc gia; - Tinh thần cố kết, tương trợ cộng đồng (thông qua việc người dân đóng góp lương thực cho Gióng đánh giặc); - Tôn trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Ý thức bảo vệ di tích nhằm gìn giữ các giá trị quý báu của DSVH cho các thế hệ sau.
4	Khoa học tự nhiên	6	Lực	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo; - Lấy được ví dụ về tác dụng làm thay đổi hướng chuyển động của lực; - Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật. Nếu được một số đặc điểm và ví dụ về lực ma sát trượt, lực ma sát nghỉ.	Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam, Campuchia - Hàn Quốc, Philippines	Các cộng đồng thực hiện nghi lễ và trò chơi kéo co với ý nghĩa cầu cho mùa màng bội thu. Kéo co là trò chơi thể hiện sức bền bỉ, dẻo dai của con người cũng như sự hợp tác. Khi chơi, lực kéo được tạo ra từ phía 2 đội; lực ma sát xuất hiện giữa chân của người chơi với nền đất và giữa tay của người chơi với dây thừng; lực căng của dây thừng.	- Giá trị về sự hợp tác trong làm việc nhóm; - Kỹ năng phối hợp làm việc nhóm để đạt được một mục tiêu chung; - Tôn trọng và tự hào về di sản văn hóa của dân tộc.
	Khoa học tự nhiên	7	Âm thanh	Hiểu được rằng sóng âm được tạo ra bởi vật dao động và truyền trong môi trường do dao động của các phần tử môi trường (Âm thanh chỉ có được khi có lực tác động vào vật phát ra âm)	Không gian văn hóa Công Chiêng Tây Nguyên	Không gian văn hóa Công Chiêng Tây Nguyên bao gồm: công chiêng, các bản nhạc tấu bằng công chiêng, những người chơi công chiêng, các lễ hội có sử dụng công chiêng (Lễ mừng lúa mới,	- Tiếp nối, trao truyền di sản văn hóa của cha ông, xây đắp cuộc sống tinh thần chất lượng; - Trân trọng và tự hào về loại

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
						<p>các lễ hội đó (nhà dài, nhà rông, nhà gươl, rẫy, bến nước, nhà mồ, các khu rừng cạnh các buôn làng Tây Nguyên,...) v.v...</p> <p>Khi chơi, người chơi dùng gùi gõ vào mặt chiêng (tác động lực), chiêng mới phát ra âm thanh.</p> <p>Lễ cúng Bến nước...), những địa điểm tổ chức</p>	<p>hình âm nhạc độc đáo của dân tộc.</p>
	Khoa học tự nhiên	7	Độ cao và độ to của âm	<ul style="list-style-type: none"> - Âm thanh phát ra phụ thuộc dao động của nguồn âm. Tần số dao động càng lớn, âm phát ra càng cao; - Âm phát ra càng to khi biên độ dao động của nguồn âm càng lớn; - Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm. 	Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên	<p>Một số đặc điểm về cồng chiêng Tây Nguyên: kích thước, hình dáng và chất liệu làm cồng chiêng) và âm thanh do chúng phát ra;</p> <p>Một số cách đánh cồng chiêng;</p> <p>Việc chỉnh chiêng để đảm bảo chất lượng âm thanh do cồng chiêng phát ra.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng và tự hào về loại hình âm nhạc độc đáo của dân tộc; - Giá trị của sự phối hợp làm việc nhóm (các cá nhân cùng tạo nên tác phẩm âm nhạc); - Giá trị của sự cố kết cộng đồng; - Ý thức giữ gìn di sản văn hóa của dân tộc.
	Khoa học tự nhiên	7	Âm thanh - Độ cao của âm	Hiểu được độ cao của âm liên quan đến tần số của âm. Từ đàn đáy, học sinh hiểu được dây đàn càng dài, độ cao của âm càng trầm, dây đàn càng ngắn, độ cao của âm càng cao.	Ca trù	<p>Đàn đáy là một trong 3 nhạc cụ chính của nghệ thuật Ca trù (bên cạnh trống chầu và phách). Đàn đáy tạo ra âm trầm kết hợp với thanh cao của giọng hát ca nương tạo ra sự hòa quyện âm thanh tuyệt vời.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng và tự hào về loại hình âm nhạc độc đáo của dân tộc; - Ý thức giữ gìn di sản văn hóa của dân tộc.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Khoa học tự nhiên	8	Hoạt động hô hấp	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến hô hấp sâu - Biết được những lợi ích của thở sâu đối với sức khỏe và thực hành thở sâu đúng cách - Biết mối liên hệ giữa hô hấp và kỹ thuật lấy hơi và nhả chữ bằng hơi bụng trong ca trù - Có ý thức rèn luyện và bảo vệ sức khỏe của hệ hô hấp nói riêng và bản thân nói chung 	Ca trù	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc trưng của ca trù - Kỹ thuật lấy hơi và duy trì hơi thở trong quá trình hát ca trù 	<ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng và tự hào về loại hình âm nhạc độc đáo của dân tộc; - Ý thức giữ gìn và phát huy di sản văn hóa của dân tộc.
	Khoa học tự nhiên	8	Hệ vận động ở người	Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hóa học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương; Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác; Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp	Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo co là trò chơi thể hiện sức bền bỉ, dẻo dai của con người cũng như sự hợp tác; - Tham gia kéo co đòi hỏi sức khỏe và đặc biệt là hệ cơ xương tốt, nếu không chú ý có thể dẫn đến một số hiện tượng căng cơ, co cơ, chuột rút... 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức và kỹ năng phối hợp khi làm việc nhóm; - Trân trọng và tự hào về di sản văn hóa của dân tộc.
	Lịch sử	6	Việt Nam từ thế kỷ VII trước CN đến năm 938 (Văn Lang - Âu Lạc)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định thời gian và vị trí của nước Văn Lang (vị trí chính trị, vị trí địa lý); - Trình bày được một số nét chính về tổ chức nhà nước, đời sống vật chất, tinh thần, xã hội. 	Nghi lễ và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương	<p>Theo truyền thuyết, Hùng Vương có công dựng nên Nhà nước Văn Lang tại đất Phú Thọ ngày nay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị về sự bình đẳng; - Tinh thần cố kết cộng đồng, đoàn kết, thống nhất, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vì hòa bình, thịnh vượng; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Lịch sử	6	Việt Nam từ thế kỷ VII trước CN đến năm 938 (Văn Lang - Âu Lạc)	<ul style="list-style-type: none"> Xác định thời gian và vị trí của nước Văn Lang (vị trí chính trị, vị trí địa lý); Trình bày được một số nét chính về tổ chức nhà nước, đời sống vật chất, tinh thần, xã hội 	Hội Giông ở đền Phù Đổng và đền Sóc	<ul style="list-style-type: none"> Bối cảnh xã hội trong truyền thuyết Thánh Giông; Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của người Việt Nam (phụ nữ, trẻ em cũng tham gia bảo vệ tổ quốc). 	<ul style="list-style-type: none"> Sức mạnh của cộng đồng (thể hiện qua việc người dân đóng góp lương thực cho Gióng để đánh đuổi giặc); Sự cố kết cộng đồng, tinh thần đấu tranh vì hòa bình và công lý; Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Lịch sử	9	Phong trào đấu tranh ở Việt Nam (1930 -1939)	Phân tích được một số nét chính của sự phát triển văn hoá, xã hội Việt Nam từ năm 1918 đến 1939.	Ca trù	Ca trù thịnh hành vào thế kỷ XV, từng là loại ca trong cung đình, được giới quý tộc và trí thức yêu thích. Trải qua nhiều thăng trầm, tới đầu thế kỷ XX, do chiến tranh và nhận thức không đúng đắn, ca trù bị mai một và được hát nhiều trong các kỹ viện, do vậy còn gọi nôm na là Hát cô đầu, Hát ả đào, Hát nhà trò.	<ul style="list-style-type: none"> DSVH nếu được phát huy sẽ góp phần mang lại lợi ích (kể cả về kinh tế) cho con người; Tinh thần hi sinh vì nghệ thuật để duy trì sự tồn tại của một loại hình DSVH; Trân trọng và tự hào về loại hình âm nhạc độc đáo của dân tộc.
	Lịch sử	9	Phong trào đấu tranh ở Việt Nam (1930 -1939)	Phân tích được một số nét chính của sự phát triển văn hoá, xã hội Việt Nam từ năm 1918 đến 1939.	Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	Là loại hình nghệ thuật trình diễn phổ biến ở miền Nam Việt Nam, ra đời vào cuối thế kỷ XIX, từ nhu cầu của cộng đồng, phản ánh suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của những người dân mở đất phương Nam - vùng miệt vườn, sông nước, với lối sống cần cù, phóng khoáng, cởi mở, bình dị mà nghĩa hiệp, can trường.	<ul style="list-style-type: none"> Tinh thần yêu quê hương, đất nước, tinh thần lạc quan; Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YẾU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Lịch sử	9	Phong trào đấu tranh ở Việt Nam (1930 -1939)	Phân tích được một số nét chính của sự phát triển văn hoá, xã hội Việt Nam từ năm 1918 đến 1939.	Nhã nhạc cung đình Huế	Nhã nhạc xuất hiện ở VN vào thế kỷ XV, đến thời kỳ nhà Nguyễn phát triển rực rỡ và đạt đến trình độ uyên bác. Đầu thế kỷ XX, chính quyền phong kiến sụp đổ và nhiều thập kỷ chiến tranh sau đó đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn của Nhã nhạc. Bối cảnh và chức năng xã hội truyền thống của Nhã nhạc cũng đã bị mất đi.	- Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Lịch sử	9	CHỦ ĐỀ CHUNG - Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long	Trình bày được những nét đặc sắc về văn hóa ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.	- Dân ca Quan họ Bắc Ninh - Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	- Dân ca Quan họ là một hình thức hát giao duyên, tồn tại trong môi trường văn hóa với những tập quán xã hội đặc thù của người Việt ở vùng châu thổ sông Hồng và sông Cầu. Quan họ có nguồn gốc từ xứ Kinh Bắc, tập trung chủ yếu ở tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang ngày nay; - Đờn ca tài tử là loại hình nghệ thuật trình diễn phổ biến ở miền Nam Việt Nam, ra đời vào cuối thế kỷ XIX, từ nhu cầu của cộng đồng, phản ánh suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của những người dân mở đất phương Nam - vùng miệt vườn, sông nước, với lối sống cần cù, phóng khoáng, cởi mở, bình dị mà nghĩa hiệp, can trường - một trong những đặc trưng văn hóa của khu vực đồng bằng Sông Cửu Long.	- Tình yêu thiên nhiên, đất nước; - Bảo vệ môi trường địa-văn hóa là bảo vệ tiềm năng phát triển kinh tế, xã hội và con người; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Địa lý	9	CHỦ ĐỀ CHUNG - Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long (phần Văn minh các dòng sông)	Trình bày được những nét đặc sắc về văn hóa ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.	- Dân ca Quan họ Bắc Ninh - Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ	- Dân ca Quan họ là một hình thức hát giao duyên, tồn tại trong môi trường văn hóa với những tập quán xã hội đặc thù của người Việt ở vùng châu thổ sông Hồng và sông Cầu. Quan họ có nguồn gốc từ xứ Kinh Bắc, tập trung chủ yếu ở tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang ngày nay; - Đờn ca tài tử là loại hình nghệ thuật trình diễn phổ biến ở miền Nam Việt Nam, ra đời vào cuối thế kỷ XIX, từ nhu cầu của cộng đồng, phản ánh suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của những người dân mở đất phương Nam - vùng miệt vườn, sông nước, với lối sống cần cù, phóng khoáng, cởi mở, bình dị mà nghĩa hiệp, can trường - một trong những đặc trưng văn hóa của khu vực đồng bằng Sông Cửu Long.	- Tình yêu thiên nhiên, đất nước; - Bảo vệ môi trường địa-văn hóa là bảo vệ tiềm năng phát triển kinh tế, xã hội và con người; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Địa lý	9	Vùng Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích đặc điểm văn hóa các dân tộc Tây Nguyên; - Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. 	<p>Không gian văn hóa Chăm Tây Nguyên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không gian văn hóa Chăm Tây Nguyên trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Chủ nhân của DSVH quý giá và đặc sắc này là 17 dân tộc thiểu số thuộc nhóm ngôn ngữ Nam Á (Austro-Asian) và Nam đảo (Austronesian) sống trên khu vực cao nguyên trung bộ của Việt Nam như: Ê-đê, Giarai, Ba-na, Mạ...; - Bao đời nay, công chiêm gắn với Tây Nguyên như một phần không thể thiếu trong suốt vòng đời mỗi con người và trong hầu như tất cả các sự kiện quan trọng của cộng đồng: từ lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh, lễ cưới xin, lễ tiễn đưa người chết, lễ đâm trâu trong ngày bỏ mả, v.v. cho đến lễ cúng máng nước, mừng lúa mới, lễ đóng cửa kho, lễ mừng Nhà Rông mới v.v... 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự hiếu khách, tinh cố kết cộng đồng, chung sống hòa bình giữa các dân tộc; - Là không gian nuôi dưỡng các giá trị DSVH của cha ông; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Mĩ thuật	6	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ tranh đề tài phong cảnh quê hương. - Vẽ tranh đề tài Lễ hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng nét đẹp của DSVH nghệ thuật vào thực hành nghệ thuật; - Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm tranh vẽ lễ hội; - Phân tích được nội dung, hình ảnh, màu sắc... của tác phẩm mỹ thuật. <p>(Lưu ý: GV nên chọn một di sản để HS tập trung nắm được đặc trưng của di sản cũng như những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV. Việc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương - Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nghi lễ thờ cúng, rước kiệu... thể hiện lòng thành kính của người Việt với những vị Thần/Vua có công khai phá và bảo vệ đất nước; - Sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng - sợi dây gắn kết tinh thần cộng đồng, làng xã với nhau; - Tín ngưỡng thờ cúng, rước, lễ hội, thể hiện sự đoàn kết của cộng đồng và mong ước có cuộc sống yên bình, no ấm, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được nét đặc trưng riêng của lễ hội thông qua các hoạt động nghi lễ; - Hiểu được ý nghĩa của một số lễ hội lớn; - Thực hiện các hoạt động trong lễ hội cũng như phổ biến ý nghĩa lễ hội trong cộng đồng; - Nét đẹp văn hóa trong các nghi lễ (thờ, cúng, dâng, rước...) truyền thống cổ; Giá trị

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YẾU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
				đưa cùng lúc nhiều di sản vào một bài học có thể khiến bài học bị dàn trải, HS dễ nhầm lẫn hoặc không có đủ thời gian để ghi nhớ những gì học được)	- Hội Gióng ở Đền Phù Đổng và Đền Sóc.	thu của người dân.	<ul style="list-style-type: none"> - tinh thần trong hoạt động tín ngưỡng lành mạnh; - Tinh thần đoàn kết khắc phục khó khăn của cộng đồng dân cư để có cuộc sống ấm no, yên bình.
Mĩ thuật	7	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ tranh đề tài phong cảnh. - Vẽ tranh đề tài Lễ hội. - Vẽ trang trí cơ bản và trang trí ứng dụng/ tạo dáng và trang trí sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô phỏng lại được “mẫu” (đối tượng nghệ thuật) đúng trình tự và phương pháp; - Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, hoa văn, họa tiết... vào sáng tạo sản phẩm; - Vận dụng được nét đẹp của nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo; - Biết chọn lọc nét đẹp của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế; - Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, họa tiết vào thiết kế sản phẩm. - Phân tích được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm. 	Không gian văn hóa Công Chiêng Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Loại hình âm nhạc đặc sắc của các dân tộc ở Tây Nguyên; - Hình thức hòa tấu công chiêng khác nhau trong các lễ hội; - Âm thanh công chiêng thể hiện niềm vui, nỗi buồn của con người Tây Nguyên. - Là đời sống tinh thần không thể thiếu được của người dân Tây Nguyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa của công chiêng đối với đời sống tinh thần của đồng bào Tây Nguyên; - Phân biệt được các bản nhạc tấu công chiêng, công chiêng Tây Nguyên với một số bản nhạc và nhạc cụ của dân tộc khác; - Phong cách nghệ thuật điêu luyện của người chơi công Chiêng; - Kỹ năng chế tác công chiêng của người Tây Nguyên; - Công chiêng gắn bó chặt chẽ với thế giới tinh thần, thể giới tâm linh của người dân Tây Nguyên. 	
Mĩ thuật	8	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ tranh cổ động - Trang trí bìa sách. - Sáng tác biểu trưng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập được tư liệu, tài liệu... cho việc thực hiện sản phẩm; - Phân biệt được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong tác phẩm mỹ thuật; - Vận dụng được yếu tố và nguyên lý tạo 	Không gian văn hóa Công Chiêng Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ, dàn công chiêng có kích thước và độ lớn khác nhau; - Âm thanh công chiêng truyền tải thông điệp gắn bó mật thiết với các sự kiện quan trọng của cộng đồng; - Cách chơi công chiêng của từng nhóm dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hình dáng công chiêng Tây Nguyên và phân biệt được hình dáng công chiêng Tây Nguyên với một số nhạc cụ của dân tộc khác; - Âm thanh công chiêng gắn 	

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
			<p>hình của mỹ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; - Xác định được hình ảnh làm trọng tâm cho bài; - Biết vận dụng yếu tố, nguyên lý tạo hình của mỹ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm; - Nhận định được đời sống văn hoá - xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật; - Hiểu được vai trò của mỹ thuật trong đời sống văn hoá - xã hội. 	<p>hình của mỹ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; - Xác định được hình ảnh làm trọng tâm cho bài; - Biết vận dụng yếu tố, nguyên lý tạo hình của mỹ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm; - Nhận định được đời sống văn hoá - xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật; - Hiểu được vai trò của mỹ thuật trong đời sống văn hoá - xã hội. 	<p>Không gian văn hóa Công Chiêng Tây Nguyên</p>	<p>liền với các sự kiện quan trọng trong đời sống của người Tây Nguyên (lễ thổi tai, lễ cưới xin, lễ đâm trâu trong ngày bỏ mã, lễ mừng lúa mới, lễ mừng Nhà Rông...);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình tượng nhạc cụ công chiêng và phong cách trình tấu của đồng bào Tây Nguyên trong lễ hội công chiêng. 	<p>Phát triển cảm xúc, trí tưởng tượng, khả năng nhận thức, tư duy sáng tạo về những giá trị thẩm mỹ cơ bản trong đời sống và xã hội; giá trị thẩm mỹ của các di sản văn hoá phi vật thể của Việt Nam và thế giới;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc.
	Mỹ thuật	8	<p>Tìm hiểu nghệ thuật tạo hình trên trang phục dân tộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng; - Nhận biết và hiểu được tính biểu trưng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; - Phân tích được giá trị thẩm mỹ, công năng, tiện ích của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo. 	<p>Dân ca Quan họ Bắc Ninh</p>	<p>Nghệ nhân Quan họ sử dụng phong cách, trang phục lịch sự, trang nhã với màu sắc, thiết kế gắn liền với những lễ hội, tập quán cổ truyền của người Việt ở vùng châu thổ Bắc Bộ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển cảm xúc, trí tưởng tượng, khả năng nhận thức, tư duy sáng tạo về những giá trị thẩm mỹ cơ bản trong đời sống và xã hội; giá trị thẩm mỹ của các di sản văn hoá phi vật thể của Việt Nam và thế giới; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YẾU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Mĩ thuật	9	<ul style="list-style-type: none"> Vẽ tranh đề tài Lễ hội. Vẽ tranh đề tài Thể dục thể thao. 	<p>Vận dụng được hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”; Thể hiện được ý tưởng bố cục sản phẩm; Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh; Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò của người xem (khán giả, công chúng) trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm; Hiểu được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật; Sử dụng hình ảnh làm thông điệp để giới thiệu, truyền thông sản phẩm/ tác phẩm mỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghệ lễ trò chơi Kéo co. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghệ lễ trò chơi Kéo co mang đậm dấu ấn nghi thức nông nghiệp, tượng trưng cho sức mạnh của lực lượng tự nhiên tác động đến sự no ấm của đời sống con người; Là trò chơi cạnh tranh, thể hiện sức bền bỉ, dẻo dai của con người; Lễ hội được tổ chức đầu xuân để đánh dấu khởi đầu của một chu kì nông nghiệp, mong muốn cầu may mưa thuận gió hòa, no ấm. 	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu được ý nghĩa của nghi lễ trò chơi Kéo co; Hiểu được tinh cộng đồng trong trò chơi Kéo co; Nhận biết được cách thực hiện trò chơi và những quy định của trò chơi kéo co; Tinh thần đoàn kết tạo nên sức mạnh cộng đồng vượt qua khó khăn trong cuộc sống; Mong ước của người dân thông qua nghi lễ trò chơi Kéo co; Tính cạnh tranh lành mạnh; sự nhất quán, thống nhất khi thực trò chơi Kéo co.
	Ngữ văn	6	<ul style="list-style-type: none"> Đọc hiểu: Văn bản văn học 	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết, cổ tích; Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc 	<p>Theo truyền thuyết, có một cậu bé được mẹ sinh ra một cách kỳ lạ ở làng Phù Đổng. Lên 3 vẫn chưa biết nói, biết cười, suốt ngày chỉ nằm trong thúng treo trên gióng tre nên được đặt tên là Gióng. Vậy mà khi nghe thấy lời kêu gọi của Vua Hùng tìm người tài giỏi đánh giặc Ân từ phương Bắc, Gióng bỗng lớn nhanh như thổi, rồi xung phong ra trận cứu nước, cứu dân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Sự cố kết cộng đồng, đấu tranh vì hòa bình và công lý; Trân trọng và tự hào về di sản văn hóa của dân tộc; Ý thức giữ gìn di sản văn hóa của dân tộc.

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YẾU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
	Ngữ văn	6	Đọc hiểu: Văn bản văn học	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát; Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét đặc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. 	Dân ca Quan họ Bắc Ninh	Lục bát là thể thơ được sử dụng phổ biến trong lời ca Quan họ. Nhiều lời ca Quan họ trùng khớp với các câu ca dao, tục ngữ trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam; Bên cạnh đó, cũng có những lời ca vận dụng một phần ca dao.	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao khả năng cảm thụ văn học thông qua lời ca Quan họ; Cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước; Tình yêu con người, ân - nghĩa được đề cao qua lời ca Quan Họ; Trân trọng và tự hào về di sản văn hóa của dân tộc; Ý thức giữ gìn di sản văn hóa của dân tộc.
	Ngữ văn	6	Kiến thức tiếng Việt	Sự phong phú của ngôn ngữ văn chương: Nghĩa của một yếu tố Hán Việt và nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt.	Dân ca Quan họ Bắc Ninh	Lời ca Quan họ sử dụng nhiều từ Hán Việt. Đặc biệt, từ Hán Việt góp phần nâng cao tính tinh tế, cô đọng, hàm súc trong lời ca Quan họ: tương phùng, tương ngộ, sở cầu như ý, sở nguyện tòng tâm, sơn thủy hữu tình, tình thâm, phù thế nhân sinh...	<ul style="list-style-type: none"> Hiểu và vận dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc phù hợp với mục đích biểu đạt; Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Ngữ văn	6	Nói và nghe	Kể được một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích một cách sinh động. Biết sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để tăng tính hấp dẫn trong khi kể.	Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc	Truyền thuyết Thánh Gióng gắn với hình tượng người anh hùng dân tộc và truyền thống chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam và niềm tự hào về sức mạnh dân tộc.	<ul style="list-style-type: none"> Sự gắn kết cộng đồng, đấu tranh vì hòa bình và công lý; Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Ngữ văn	7	Đọc hiểu: Ca dao - dân ca; thơ	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua vần, nhịp và biện pháp tu từ; Hiểu và vận dụng ngữ cảnh của từ 	Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	<ul style="list-style-type: none"> Lối hát và phương ngữ ở Nghệ Tĩnh; thuộc thể thơ ngũ ngôn, cấu tạo loại câu láy, mối quan hệ của âm - nghĩa của từ láy; 	<ul style="list-style-type: none"> Trân trọng tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước qua các làn điệu dân ca; Trân trọng và tự hào về DSVH

TT	TÊN MÔN HỌC	LỚP	CHỦ ĐỀ	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	TÊN DI SẢN	ĐẶC TRƯNG DI SẢN	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (KIẾN THỨC – KỸ NĂNG – GIÁ TRỊ)
				và nghĩa của nó.		<ul style="list-style-type: none"> - Không hạn định số câu, mỗi khổ 5 câu, câu thứ năm lấy lại câu 4, là cầu nối cho khổ thơ khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Ngữ văn	7	<p>Đọc hiểu: Văn bản thông tin</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; - Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại). 	<p>Nghi lễ và trò chơi Kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines</p>	<p>Chia các thành viên thành 2 đội, mỗi đội có số thành viên bằng nhau, ngang sức nhau. Mỗi người tham gia nắm chắc sợi dây thường ở phía đội mình. Khi có tín hiệu, 2 đội cố gắng kéo dây về phía đội mình. Đội nào dẫm vạch trước coi như thua cuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị về sự bình đẳng; - Tri thức về trò chơi được trao truyền qua kỹ năng truyền khẩu hoặc qua quan sát và tham gia trực tiếp; - Cách thực hành đa dạng, thích ứng với điều kiện sinh thái từng vùng miền; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc; - Ý thức giữ gìn DSVH của dân tộc.
	Ngữ văn	9	<p>Đọc hiểu: Văn bản thông tin</p>	<p>Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.</p>	<p>Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương</p>	<p>Lễ giỗ Tổ Hùng Vương, được thực hiện vào ngày 10 tháng 3 Âm lịch hằng năm tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng. Lễ giỗ Tổ Hùng Vương cũng được tổ chức trên khắp mọi miền của đất nước Việt Nam (Theo thông kê, trên cả nước hiện có 1.417 di tích có thờ cúng Hùng Vương và các nhân vật thời Vua Hùng).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lòng yêu nước, lòng thành kính với nguồn gốc, tổ tiên; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc.
	Ngữ văn	9	<p>Nói, viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.</p>	<p>Nói, viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.</p>	<p>Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt</p>	<p>Di sản góp phần quan trọng vào việc tạo ra sợi dây tinh thần liên kết các cộng đồng, đề cao những điểm tương đồng văn hóa giữa các cộng đồng và các nhóm người tham gia vào việc thờ Mẫu, là sự kết hợp của Đạo giáo, Phật giáo và các tôn giáo khác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ý thức gắn kết cộng đồng văn hóa dân tộc; - Trân trọng và tự hào về DSVH của dân tộc.

4.2. Một số ví dụ minh họa về bài soạn tích hợp nội dung giáo dục di sản văn hóa phi vật thể

BÀI SOẠN NGỮ VĂN (1) TRUYỀN THUYẾT THÁNH GIÓNG (Lớp 6)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được nội dung của truyện *Thánh Gióng*; xác định được những đặc điểm chính của nhân vật Gióng trong truyện; khái quát được ý nghĩa của truyện *Thánh Gióng* đối với lịch sử và đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam.

- Chỉ ra được các yếu tố hoang đường và sự thực lịch sử để hiểu được đặc điểm của truyện truyền thuyết và quan niệm của nhân dân gửi gắm qua nhân vật Thánh Gióng.

2. Kỹ năng

- Phân tích được một số đặc điểm của thể loại truyền thuyết qua truyện *Thánh Gióng*.

- Bước đầu biết đọc – hiểu một truyện dân gian - truyền thuyết (phát hiện các sự việc và chi tiết, nhân vật, yếu tố kì ảo, ý nghĩa,...).

3. Thái độ

- Yêu mến nhân vật Gióng; tự hào về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm và khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam.

- Có thái độ yêu mến, trân trọng và có ý thức gìn giữ, bảo tồn, góp phần vào mục tiêu giáo dục PTBV những DSVH của dân tộc Việt Nam.

Một số năng lực cần hình thành và phát triển:

+ Năng lực giao tiếp: trao đổi, trình bày ý tưởng, nhận xét của cá nhân về ý nghĩa của truyện *Thánh Gióng*; ý nghĩa của Hội Gióng trong cuộc sống hôm nay.

+ Năng lực cảm thụ văn học: thể hiện được những cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp người anh hùng Thánh Gióng qua câu chuyện.

II. Nội dung giáo dục DSVHPVT qua bài học

- Nhận thức được ý nghĩa của sự gắn kết cộng đồng, tự hào về truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm và khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam.

- Trân trọng, tự hào và có ý thức gìn giữ DSVHPVT của dân tộc.

III. Chuẩn bị

Đối với GV:

+ SGK, sách GV, giáo án.

+ Một số tranh ảnh, bài viết minh họa về hình ảnh Thánh Gióng và giới thiệu về Hội Gióng ở làng Phù Đổng.

+ Các phương tiện học tập cần thiết (phiếu học tập, phiếu hoạt động nhóm...).

Đối với HS:

+ Bài soạn theo các nội dung và hướng dẫn của SGK và GV.

+ Một số tranh ảnh sưu tầm về nhân vật Thánh Gióng.

+ Một số thông tin về Lễ hội Gióng.

IV. Tổ chức các hoạt động học tập

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Hoạt động 1: Khởi động		
<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khơi gợi những ấn tượng, cảm xúc và hiểu biết ban đầu của HS về hình tượng người anh hùng Thánh Gióng trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam. - Tạo không gian văn hóa cho giờ học và hứng thú của HS khi được học truyền thuyết Thánh Gióng. <p>b) Phương pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động chung cả lớp: HS quan sát, thảo luận, trình bày ý kiến cá nhân. - GV khơi gợi và kết nối vào nội dung bài học. <p>c) Cách tiến hành</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS quan sát một số hình ảnh về nhân vật Thánh Gióng và Hội Gióng, hội khỏe Phù Đổng (Phụ lục 1). - Hướng dẫn HS quan sát và mô tả về các hình ảnh trên từ những điều em đã biết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát các hình ảnh - Thảo luận, miêu tả về nhân vật, sự vật trong các bức tranh và nêu cảm nhận về các hình ảnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: từ ấn tượng và cảm nhận ban đầu dẫn về các hình ảnh đến mong muốn được tiếp cận với một văn bản truyện truyền thuyết của dân tộc. - GV dẫn dắt vào nội dung bài đọc: Hình ảnh Thánh Gióng luôn hiện hữu trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam, đặc biệt là lứa tuổi HS. Chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về sức sống bất diệt của nhân vật qua việc trở về với một tác phẩm văn học dân gian – truyền thuyết Thánh Gióng.
Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản		
<p>a) Mục tiêu</p> <p>HS đọc và tìm hiểu những thông tin chung về văn bản (thể loại, bố cục, tóm tắt nội dung).</p> <p>b) Phương pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động chung cả lớp: HS đọc thành tiếng hoặc đọc thầm, đọc lướt văn bản, trao đổi, trình bày ý kiến cá nhân. - GV hướng dẫn và chốt những thông tin chung. <p>c) Cách tiến hành</p>		
<p>Bước 1: GV hướng dẫn đọc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu đọc: Đọc chậm rãi, rõ ràng, mạch lạc; nhấn vào những chi tiết miêu tả về nhân vật Gióng. - Gọi HS đọc và nhận xét cách đọc. <p>Bước 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chú thích - Nội dung khái quát - Bố cục văn bản 	<p>Hoạt động cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc văn bản. - Tìm hiểu chú thích (giải nghĩa về những từ ngữ được dùng trong văn bản). <p>Hoạt động cả lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về bố cục và tóm tắt nội dung văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục văn bản: 3 phần + Từ đầu.... đặt đầu thì nằm đấy: Nguồn gốc, xuất xứ của nhân vật. + Tiếp đến “ngay ở quê nhà”: Câu chuyện về cậu bé đánh giặc cứu nước. + Còn lại: Giải thích về những chi tiết lịch sử từ câu chuyện. - Nội dung khái quát: Câu chuyện về người anh hùng đánh giặc chống ngoại xâm của dân tộc Việt

Hoạt động 3. Tìm hiểu về hình tượng nhân vật Gióng

a) Mục tiêu

- HS đọc và tìm hiểu về hình tượng nhân vật Gióng trong câu chuyện; tìm hiểu về ý nghĩa của những chi tiết tưởng tượng kì ảo gắn với nhân vật Gióng.

b) Phương pháp

- Hoạt động nhóm:

+ Tìm các chi tiết nói về nhân vật Gióng trong câu chuyện.

+ Tìm và phân tích ý nghĩa một số chi tiết hoang đường kì ảo trong câu chuyện.

c) Cách tiến hành

Bước 1. Phân tích nhân vật Gióng trong câu chuyện.

GV hướng dẫn HS thảo luận để tìm và phân tích những chi tiết miêu tả về nhân vật Gióng trong truyện. Từ đó, nhận xét về nhân vật Gióng.

Nội dung thảo luận:

- Xác định nhân vật chính trong truyện.

- Tìm và sắp xếp các chi tiết trong truyện nói về nhân vật chính.

- Nhận xét về nhân vật qua các chi tiết.

Bước 2. Phân tích ý nghĩa của một số chi tiết kì ảo trong truyện.

GV hướng dẫn HS thảo luận để tìm và phân tích những chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện.

- Thế nào là chi tiết tưởng tượng kì ảo.

- Mỗi chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện có ý nghĩa gì?

Hoạt động nhóm:

- Đọc lướt văn bản

- Tìm các chi tiết miêu tả về nhân vật Gióng trong truyện.

- Trao đổi, nhận xét về nhân vật Gióng trong truyện. (Theo Phiếu học tập – Phụ lục 2)

Hoạt động nhóm:

- Xác định các chi tiết tưởng tượng kì ảo trong truyện.

- Thảo luận để phân tích ý nghĩa của mỗi chi tiết trong truyện.

(Theo Phiếu học tập – Phụ lục 3)

- Những chi tiết miêu tả nhân vật Gióng:

+ Sự ra đời và tuổi thơ của Gióng: bình dị nhưng thần kì.

+ Tiếng nói đầu tiên là tiếng nói đòi đi đánh giặc.

+ Lớn nhanh như thổi

+ Vươn vai lớn bằng thành tráng sĩ.

+ Cưỡi ngựa sắt ra trận đánh giặc.

+ Nhỏ tre làm vũ khí.

+ Thăng giặc, bay về trời.

-> Nhận xét: Sự ra đời kì lạ, trưởng thành khác thường, dáng vóc phi thường, lập chiến công kì diệu.

- Ý nghĩa của các chi tiết tưởng tượng kì ảo:

+ Cậu bé 3 tuổi không biết nói biết cười nhưng tiếng nói đầu tiên là đòi đi đánh giặc -> Con người rất bình thường, nhỏ bé nhưng trước cảnh nước nguy nan thì sẵn sàng xả thân vì nước.

+ Gióng đòi ngựa sắt, roi sắt, nón sắt -> các vũ khí mạnh mẽ để chiến đấu.

+ Gióng vươn vai trở thành một tráng sĩ -> sức mạnh chiến đấu của con người Việt Nam.

+ Gióng bay về trời -> phù hợp với sự ra đời kì lạ; Gióng bay về chốn thiêng, hòa cùng sông núi.

Hoạt động 4. Tìm hiểu về thể loại truyền thuyết và ý nghĩa của truyền thuyết Thánh Gióng

a) Mục tiêu

HS khái quát được về thể loại truyền thuyết và ý nghĩa của truyền thuyết Thánh Gióng.

b) Phương pháp

<p>- Hoạt động cặp đôi: đọc và trao đổi về thể loại truyền thuyết và ý nghĩa của văn bản.</p> <p>- Hoạt động cả lớp: Trao đổi, khái quát ý nghĩa của truyện.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>Bước 1. Tìm hiểu về thể loại truyền thuyết</p> <p>GV hướng dẫn HS khái quát đặc điểm của thể loại truyền thuyết qua truyện Thánh Gióng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện gắn với sự thật lịch sử nào của dân tộc Việt Nam. - Truyện có những đặc điểm gì về nghệ thuật kể chuyện <p>Bước 2. Khái quát ý nghĩa của truyền thuyết Thánh Gióng</p> <p>GV hướng dẫn HS đọc lướt văn bản, khái quát ý nghĩa của truyện Thánh Gióng qua nhân vật Gióng.</p>	<p>Hoạt động cặp đôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các đặc điểm của thể loại truyền thuyết: + Nhân vật + Sự kiện + Chi tiết - Khái quát về thể loại truyền thuyết <p>Hoạt động cả lớp:</p> <p>Phát biểu khái quát về ý nghĩa của truyện Thánh Gióng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật và sự kiện lịch sử. - Truyện <i>Thánh Gióng</i> ca ngợi người anh hùng có công đánh giặc cứu nước, thể hiện ước mơ, khát vọng và sức mạnh để đánh đuổi kẻ thù xâm lược của dân tộc Việt Nam. <p>(Liên hệ 4 câu thơ của Tố Hữu: “Ôi sức trẻ xưa trai Phù Đổng Vươn vai lớn bổng dậy ngàn cân Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa Nhỏ bụi tre làng đuổi giặc Ân!”)</p>
Hoạt động 5. Vận dụng, mở rộng		
<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu các thông tin về Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc. - Khơi gợi tình yêu và niềm tự hào đối với DSVHPVT của dân tộc Việt Nam. <p>b) Phương pháp</p> <p>Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu qua sách báo hoặc trên internet về Hội Gióng. + Hình thức: tổ chức cuộc thi: “Thử tài của bạn” <p>c) Cách tiến hành</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - GV lập đội thi (2 đội trong lớp) - Chuẩn bị: thẻ, sao, câu hỏi về Hội Gióng. - Tổ chức thi “Thử tài của bạn” (Phụ lục 4) 	<p>Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các thông tin về Hội Gióng. - Lập nhóm - Tham gia cuộc thi 	<ul style="list-style-type: none"> - Hội Gióng là lễ hội truyền thống tưởng nhớ và ca ngợi chiến công của người anh hùng Thánh Gióng. Ngày 16/11/2010, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc được vinh danh là DSVHPVT đại diện của nhân loại. - Hội Gióng là sự kiện văn hóa giáo dục thường niên, góp phần PTBV các giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam.

V. Đánh giá

Đánh giá HS qua hoạt động nhóm (hoạt động 3)

Tên nhóm:

Tên cá nhân:

Các tiêu chí	Mức độ 4	Mức độ 3	Mức độ 2	Mức độ 1
1. Quá trình làm việc nhóm	Có sự phân công rõ ràng, hợp lý cho từng thành viên nhóm.	Có sự phân công tương đối rõ ràng.	Có phân công, nhưng chưa hợp lý.	Chưa phân công công việc cho từng thành viên.
	Có sự hợp tác, lắng nghe, chia sẻ hiệu quả của mọi thành viên nhóm.	Sự hợp tác, chia sẻ tương đối hiệu quả.	Có sự hợp tác, nhưng chưa hiệu quả.	Không thể hiện sự hợp tác, chia sẻ giữa các thành viên.
	Có sự xem xét, điều chỉnh hợp lý trong quá trình thực hiện.	Có sự xem xét, điều chỉnh tương đối hiệu quả.	Có sự xem xét, điều chỉnh nhưng chưa hiệu quả.	Không có sự xem xét, điều chỉnh nội dung trong quá trình thực hiện.
2. Sản phẩm hoàn thành	- Tìm được đầy đủ các chi tiết nói về nhân vật Gióng trong câu chuyện; + Tìm và phân tích đầy đủ ý nghĩa một số chi tiết hoang đường kì ảo trong câu chuyện.	- Tìm được các chi tiết nói về nhân vật Gióng trong c â chuyện. + Tìm và phân tích ý nghĩa một số chi tiết hoang đường kì ảo trong câu chuyện nhưng chưa đầy đủ.	- Tìm được một số các chi tiết nói về nhân vật Gióng trong câu chuyện. + Tìm một số chi tiết hoang đường kì ảo trong câu chuyện nhưng chưa phân tích được ý nghĩa.	Không lựa chọn được yêu cầu.
3. Trình bày bài phát biểu cảm nghĩ	Trình bày rõ ràng, hấp dẫn về hình tượng nhân vật Thánh Gióng và ý nghĩa các chi tiết kì ảo trong truyện	Trình bày tương đối rõ ràng về hình tượng nhân vật Thánh Gióng và ý nghĩa các chi tiết kì ảo trong truyện.	Trình bày chưa thật rõ ràng, hấp dẫn.	Trình bày không rõ ràng, không hấp dẫn.
	Sự trao đổi, bổ sung trong nhóm hợp lý, hiệu quả để hoàn thành bài trình bày.	Sự trao đổi, bổ sung tương đối hợp lý, hiệu quả.	Có sự bổ sung nhưng chưa hiệu quả.	Không có sự trao đổi, bổ sung trong nhóm.
	Có sự trao đổi góp ý giữa các nhóm để hoàn thiện các sản phẩm.	Có sự trao đổi, bổ sung tương đối hiệu quả.	Có sự trao đổi, bổ sung nhưng chưa hiệu quả.	Không có sự trao đổi, góp ý giữa các nhóm.

VI. Hoạt động tiếp nối

Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em nhân vật Thánh Gióng; hoặc vẽ bức tranh thể hiện hình tượng nhân vật Gióng theo tưởng tượng của em..

Yêu cầu viết đoạn văn:

- Viết được đoạn văn, thể hiện được cảm nhận của cá nhân về nhân vật Thánh Gióng qua câu chuyện.
- Đoạn văn vừa bám vào các chi tiết được miêu tả trong văn bản, vừa thể hiện những trải nghiệm và tình cảm, cảm xúc của cá nhân về nhân vật.
- Biết phát triển ý thành đoạn văn, diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt.

Yêu cầu vẽ tranh:

Thể hiện được sự tưởng tượng của cá nhân về nhân vật Gióng dựa theo các chi tiết trong truyện bằng những đường nét, màu sắc phù hợp.

Phụ lục 1: Các hình ảnh về Thánh Gióng, Hội Gióng và Hội khỏe Phù Đổng^[12]



(Nguồn: hinhanhvietnam.vn)



(Nguồn: Thánh Gióng – Wikipedia tiếng Việt)



Hội Gióng ở Đền Sóc Sơn
(Nguồn: dulich3mien.net)



Hội khỏe Phù Đổng
(Nguồn: tdtt.gov.vn)

Phụ lục 2: Phiếu học tập

HS hoàn thành Phiếu học tập sau: tìm các chi tiết và nhận xét về hình tượng nhân vật Gióng qua các chi tiết trong truyện.

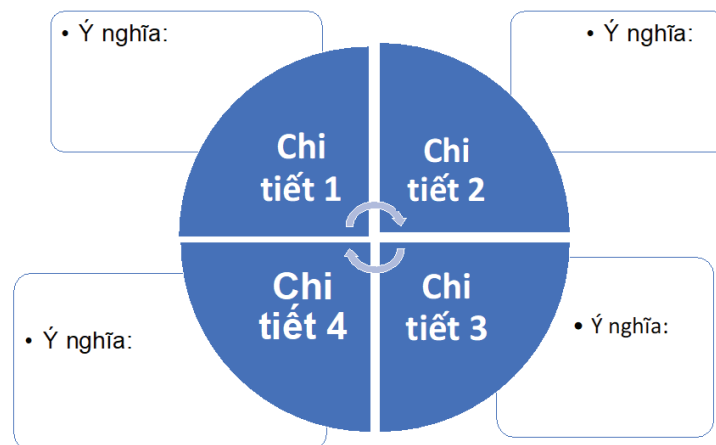
Nội dung	Chi tiết	Nhận xét
Sự ra đời
Chuẩn bị đi đánh giặc
Trên chiến trường
Khi thắng giặc

[12] Sưu tầm từ internet

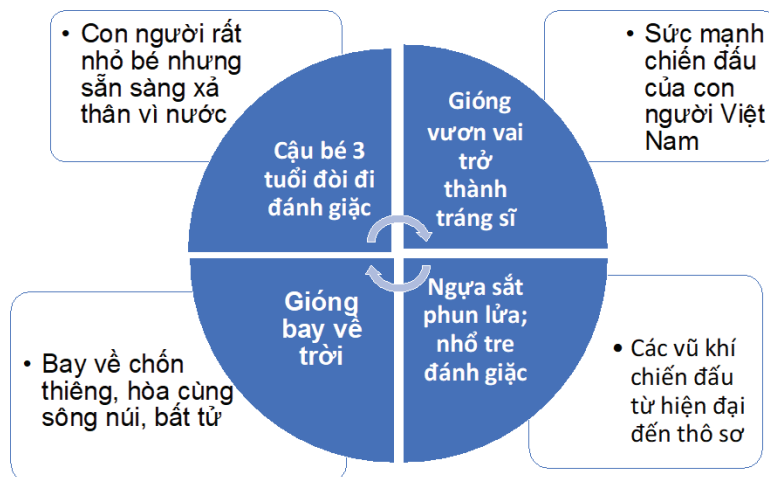
Thông tin phản hồi

Nội dung	Chi tiết	Nhận xét
Sự ra đời	- Ra đời từ vết chân trên đồng. - 3 tuổi không biết đi, biết nói, biết cười.	Sự kì lạ, khác thường, không giống một đứa bé bình thường.
Chuẩn bị đi đánh giặc	- Tiếng nói đầu tiên đòi đi đánh giặc. - Đòi sứ giả chuẩn bị roi sắt, gậy sắt, ngựa sắt, nón sắt. - Ăn rất khỏe, lớn nhanh như thổi. - Vươn vai lớn bỗng thành tráng sĩ.	- Tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu. - Vũ khí và trang bị chiến đấu lúc bấy giờ. - Sức vươn dậy mạnh mẽ nhờ sự quan tâm của cả cộng đồng.
Trên chiến trường	- Ngựa sắt phun lửa. - Nhỏ tre bên đường giết giặc.	- Sức mạnh chiến đấu. - Vũ khí chiến đấu luôn có trong đời sống.
Khi thắng giặc	- Bỏ lại giáp sắt, một mình một ngựa bay lên trời.	- Thể hiện sự bất tử và khát vọng hòa bình.

Phụ lục 3: Thảo luận và điền vào Phiếu học tập sau:



Thông tin phản hồi:



Phụ lục 4: Thi – Thử tài của bạn

- GV chọn ra 2 đội (mỗi đội 5 – 7 HS), theo tinh thần xung phong. Mỗi đội được giao một thẻ để giơ lên khi chọn câu trả lời. GV chuẩn bị câu hỏi và một số sao để đánh giá kết quả trả lời của mỗi đội.

- GV đưa ra các câu hỏi về Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc. HS từng đội trao đổi (30 giây) và giơ thẻ trả lời. Đội nào giơ thẻ trả lời trước và đúng câu hỏi sẽ được tính 1 sao. Đội nào nhiều sao hơn là đội thắng.

- Các câu hỏi:

Câu 1. Hội Gióng được tổ chức ở địa phương nào?

- A. Hà Nội
- B. Huế
- C. Quảng Nam
- D. Bình Định

Câu 2. Hội Gióng ở đền Sóc được tổ chức vào thời gian nào?

- A. Trước Tết âm lịch
- B. Đầu tháng Giêng, sau Tết âm lịch
- C. Rằm Trung thu
- D. Rằm tháng Giêng

Câu 3. Địa danh Phù Đổng gắn với sự kiện nào?

- A. Gióng sinh ra
- B. Nơi giặc đóng quân
- C. Gióng nhổ tre đánh giặc
- D. Gióng bay về trời

Câu 4. “Sóc” là tên:

- A. Một ngôi làng
- B. Một ngọn núi
- C. Một dòng sông
- D. Một con đê

Câu 5. Đền Sóc gắn với sự kiện nào?

- A. Gióng nhổ tre
- B. Gióng bay về trời
- C. Gióng sinh ra
- D. Gióng đánh giặc

Câu 6. Hoạt động chính nào diễn ra tại lễ hội đền Phù Đổng?

- A. Dựng lại các trận đánh
- B. Kể lại câu chuyện Thánh Gióng
- C. Tổ chức thi nấu ăn
- D. Tổ chức các trò chơi cho trẻ em

Câu 7. Lễ hội ở Đền Sóc có hoạt động chính là gì?

- A. Tế lễ
- B. Trò chơi
- C. Kể chuyện
- D. Đấu vật

Câu 8. Ý nghĩa của Lễ hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc?

- A. Nhớ công ơn người anh hùng chống giặc giữ nước
- B. Nhớ công lao dựng nước của các vua Hùng
- C. Trưng bày các loại vũ khí chiến đấu của dân tộc
- D. Mừng năm mới

Câu 9. Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc đã được UNESCO công nhận là DSVHPVT vào năm nào?

- A. 2005
- B. 2010
- C. 2011
- D. 2015

Phụ lục 5: Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc^[13]

Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc gắn với truyền thuyết về một cậu bé được mẹ sinh ra một cách kỳ lạ ở làng Phù Đổng. Khôi ngô, tuấn tú nhưng lên 3 mà vẫn chưa biết nói, biết cười, suốt ngày cậu chỉ nằm trong thúng treo trên gióng tre, vì thế được đặt tên là Gióng. Vậy mà khi nghe thấy lời kêu gọi của nhà Vua tìm người tài giỏi đánh giặc ngoại xâm, Gióng bỗng lớn nhanh như thổi, rồi xung phong ra trận cứu nước, cứu dân. Sau khi dẹp tan quân giặc, Ngài về núi Sóc rồi cưỡi ngựa bay lên trời.

Từ đó, Ngài Gióng được thiêng hóa thành một vị Thánh bất tử bảo hộ mùa màng, hòa bình cho đất nước, thịnh vượng cho muôn dân. Để tưởng nhớ công ơn của Ngài, người dân lập đền, thờ phụng và mở hội hằng năm với tên gọi là Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc. Đó là một trong những lễ hội lớn nhất vùng châu thổ Bắc Bộ, tổ chức theo một nghi thức được quy định chặt chẽ, chuẩn bị hết sức công phu, với sự tham gia đông đảo của dân làng quanh khu vực hai đền. Hội Gióng ở đền Phù Đổng, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm - nơi sinh Thánh Gióng diễn ra từ ngày 7 đến ngày 9 tháng Tư Âm lịch, và Hội Gióng ở đền Sóc ở xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc Hà Nội) - nơi Thánh hóa diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8 tháng Giêng.

Để tổ chức Hội Gióng ở đền Phù Đổng, những gia đình có vinh dự được chọn người đóng những vai quan trọng như các vai Ông Hiệu (Hiệu cờ, Hiệu trống, Hiệu chiêng, Hiệu Trung quân, Hiệu Tiểu cổ), vai Cô Tướng hay các phường Áo đen, phường Áo đỏ ..., tùy theo vai vế, khả năng kinh tế mà chuẩn bị những điều kiện vật chất và người được chọn vai sinh hoạt kiêng cử từ hàng tháng trước ngày Lễ hội. Vào chính hội, trước tiên dân làng tổ chức các nghi thức tế Thánh, sau đó là lễ rước nước lau rửa tự khí từ giếng đền Mẫu (đền Hạ) với ý nguyện được mưa thuận, gió hòa, lễ rước cờ "lệnh" từ đền Mẫu lên đền Thượng, tiếp đến là lễ khám đường, lễ duyệt tướng... Ngày chính hội mùng 9 tháng Tư, Hội Gióng diễn ra trang trọng, linh thiêng và náo nhiệt nhất là hai trận đánh. Trận thứ nhất: đánh cờ ở Đổng Đàm (khu đất ven hồ sen đầu làng Đổng Viên, cách đền Thượng chừng 2km) và trận thứ hai: đánh cờ ở Soi Bia. Cuối cùng là lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất và lễ khao quân trong rộn rã tiếng cười, lời ca, điệu múa của phường Ải Lao, chiếu chèo và các trò chơi dân gian. Tướng, quân bên giặc cũng được tha bổng và cho tham dự lễ mừng chiến thắng. Cách hành xử này thể hiện truyền thống hiếu nghĩa đối với tổ tiên, những vị anh hùng dân tộc và tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.

Hội Gióng ở đền Sóc diễn ra trong 03 ngày từ mùng 6 đến mùng 8 tháng Giêng hằng năm. Việc chuẩn bị vật tế lễ cũng hết sức công phu, nhất là việc đan voi (theo truyền thuyết thì đoàn quân tham gia đánh giặc cùng

[13] Cục Di sản văn hóa – dsvh.gov.vn

Thánh Gióng có cả đàn voi chở lương thực đi theo) và làm giò hoa tre (tượng trưng cho gãy tre của Thánh Gióng sau khi đánh giặc) nên phải tiến hành từ nhiều tuần lễ trước Lễ hội. Sau phần nghi thức tẩm tượng Thánh Gióng và cung tiến lễ vật trang trọng, linh thiêng là hai hoạt động gây náo động nhất của Lễ hội Gióng ở đền Sóc. Đó là tục “cướp hoa tre” cầu may và tục chém “tướng” (giặc) được diễn xướng một cách tượng trưng bằng hiệu lệnh múa cờ.

Là một hội trện được trình diễn bằng một hệ thống biểu tượng độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa Việt, được cộng đồng bảo tồn nguyên giá trị cho tới ngày nay, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc đã được UNESCO ghi danh là DSVHPVT đại diện của nhân loại vào tháng 11 năm 2010.

BÀI SOẠN NGỮ VĂN (2)

LUYỆN NÓI: KỂ CHUYỆN^[14]

(Lớp 6)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Biết cách kể chuyện theo chủ đề (về di sản văn hóa tại địa phương – Hà Nội);
- Biết lập dàn bài kể chuyện và kể chuyện chân thật về DSVH tại địa phương

2. Kỹ năng

- Luyện kỹ năng nói của cá nhân và kỹ năng nói trước tập thể;
- Tăng cường khả năng truyền đạt có tính thuyết phục;
- Củng cố kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề.

3. Thái độ

- Tự tin khi nói trước tập thể;
- Có thái độ nghiêm túc, cẩn thận trong việc chuẩn bị nội dung trước khi nói;
- Xây dựng ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị DSVHPVT;
- Hình thành và phát huy thái độ trân trọng, biết ơn các vị anh hùng dân tộc

4. Năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác qua các hoạt động thực hành nhóm;
- Năng lực cảm thụ văn học: trình bày diễn cảm, biểu cảm về nội dung câu chuyện.

II. Các nội dung về di sản PVT và PTBV được tích hợp trong bài

- Tinh thần uống nước nhớ nguồn của người Việt hướng về ngày giỗ Tổ Hùng Vương
- Lòng biết ơn của nhân dân tới Thánh Gióng người có công bảo vệ đất nước.
- Lòng biết ơn của người dân lao động, mong muốn cuộc sống no đủ, yên bình... đối với các Vị Thần cai quản thiên nhiên – Mẫu Tam phủ.
- Các hoạt động múa, hát, rước kiệu, hành lễ... được tổ chức trong các lễ hội nói chung và trong lễ hội Đền Hùng, hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc; thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói riêng.

[14] Bài soạn của cô giáo Chu Thanh Hằng, GV Ngữ văn, Trường THCS Yên Hoà – Hà Nội

III. Chuẩn bị


1. Giáo viên: SGK, sách GV, máy chiếu...

Tổ chức cho HS đi thực địa tại Hồ Gươm (nếu có điều kiện)

2. Học sinh: SGK, phần chuẩn bị ở nhà, vở ghi, tranh ảnh...

Tìm hiểu về địa danh Hồ Gươm qua thực địa hoặc sách vở.

IV. Tiến trình tổ chức dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)		
<p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Ôn tập lại kiến thức cơ bản về văn tự sự;- Khơi gợi những ấn tượng và cảm xúc của HS về truyền thuyết lịch sử đã học;- Tạo không gian văn hóa cho giờ học và hứng thú của HS. <p><i>b) Phương pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Hoạt động chung cả lớp: HS quan sát, thảo luận, trình bày ý kiến cá nhân;- GV khơi gợi và kết nối vào nội dung bài học. <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức trò chơi “Bức tranh của tôi” và phổ biến hình thức, luật chơi.+ Hình thức chơi: Chia lớp thành 3–4 nhóm, mỗi nhóm nhận những mảnh ghép của một bức tranh do GV đưa ra. Các nhóm ghép tranh và ghi một câu chú thích nội dung của bức tranh dưới phần tranh đã ghép trong 5 phút. Hết thời gian, đội nào ghép được tranh và có câu chú thích tranh hay sẽ giành chiến thắng.- GV nhận xét <p><i>GV dẫn dắt:</i> Như vậy, ngày hôm nay, cô và các con sẽ cùng nhau chia sẻ các câu chuyện thú vị vào buổi tham quan dã ngoại ở di tích Hồ Gươm – đền Ngọc Sơn ở tuần trước thông qua tiết học “Luyện nói kể chuyện”.</p>	<ul style="list-style-type: none">- Hoạt động tập thể:<ul style="list-style-type: none">+ Các nhóm ghép tranh+ Bàn luận và ghi chú thích bức tranh của nhóm- Hoạt động cá nhân: Trả lời câu hỏi- Hoạt động cá nhân: Lắng nghe	 <p>Ghép tranh “Hồ Gươm”</p>  <p>Ghép tranh “Cầu Thê Húc – Đền Ngọc Sơn”</p>
Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị dàn ý bài luyện nói (10 phút)		
<p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none">- HS hình thành kỹ năng lập dàn bài cho phần luyện nói để nói đúng và đủ nội dung yêu cầu;- Hình thành và rèn luyện kỹ năng kể chuyện kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp khác. <p><i>b) Phương pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Hoạt động chung cả lớp: HS xem ngữ liệu, đọc thành tiếng hoặc đọc thầm, trao đổi, trình bày ý kiến cá nhân;		

<p>- GV hướng dẫn và chốt những thông tin chung.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV trình chiếu đề bài “Em hãy kể lại một buổi tham quan di tích hồ Gươm – đền Ngọc Sơn mà em đã tham gia”</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm về dàn bài với yêu cầu trên</p> <p>- GV nhận xét dàn bài của một số nhóm</p> <p>- GV thống nhất dàn bài luyện nói chung</p> <p><i>GV dẫn dắt:</i> Với văn tự sự, ngoài việc lập dàn ý, trong quá trình kể, các em cần chú ý đến ngôi kể, lời văn, sự việc và nhân vật trong bài để bài kể hấp dẫn và sinh động. Dựa trên phần thảo luận tại lớp ở tiết trước, lớp chúng ta mong muốn cùng nhau kể câu chuyện về buổi dã ngoại tại Hồ Gươm của chúng ta. Cô mời các nhóm lên trình bày phần chuẩn bị của mình (5 phút)</p>	<p>- Hoạt động cả lớp: Theo dõi và đọc đề bài</p> <p>- Hoạt động nhóm: Đại diện nhóm trình bày phần chuẩn bị, nhóm khác nhận xét</p> <p>- Hoạt động cá nhân: Lắng nghe</p> <p>- Hoạt động cá nhân: Theo dõi, lắng nghe</p> <p>- Hoạt động nhóm: Thảo luận chuẩn bị nội dung trước khi nói</p>	<p>I. Chuẩn bị bài luyện nói</p> <p>1. Đề bài: Em hãy kể lại một buổi tham quan di tích hồ Gươm – đền Ngọc Sơn mà em đã tham gia</p> <p>2. Lập dàn bài</p> <p>* Mở bài: Giới thiệu chung về buổi tham quan ngoại khóa (Địa điểm tham quan, lí do tham dự buổi tham quan)</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giới thiệu chung về lịch sử của địa điểm tham quan;</p> <p>- Kể lại những điều ấn tượng về cảnh vật và hoạt động ở hồ Gươm;</p> <p>- Kể lại những ấn tượng về cảnh vật và hoạt động ở đền Ngọc Sơn.</p> <p>* Kết bài: Cảm nhận của em sau buổi tham quan ngoại khóa</p>
<p>Hoạt động 3: Hướng dẫn học sinh luyện nói kể chuyện trước lớp (20 phút)</p>		
<p><i>a) Mục tiêu</i></p> <p>HS rèn luyện kĩ năng nói và phát biểu trước lớp; rèn kĩ năng lắng nghe, ghi lại thông tin cơ bản khi nghe</p> <p><i>b) Phương pháp</i></p> <p>Hoạt động nhóm: Trình bày trước lớp về chủ đề nói bằng các hình thức khác nhau</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV mời lần lượt các nhóm lên trình bày câu chuyện về buổi tham quan của nhóm mình (3 nhóm)</p> <p>- GV chốt lại nhận xét</p> <p>- GV nhận xét bổ sung</p> <p>- GV nhận xét phần trình bày của mỗi nhóm và rút ra một số nhận xét cơ bản khi nói:</p> <p>+ Kiến thức: GV nhận xét ưu điểm của mỗi nhóm (bố cục, nội dung, cách trình bày,...), một số lỗi thường gặp khi nói/ kể chuyện, cách khắc phục các lỗi</p>	<p>- Hoạt động theo nhóm</p> <p>+ HS luyện nói theo nhóm dựa trên phần dàn bài mà nhóm đã thống nhất với những hình thức khác nhau trước lớp</p> <p><i>Nhóm 1:</i> Kể lại lịch sử của hồ Gươm thông qua truyền thuyết “Sự tích Hồ Gươm” (sử dụng rối bóng)</p> <p><i>Nhóm 2:</i> Kể về cảnh quan và hoạt động ở hồ Gươm (kể qua hình ảnh)</p> <p><i>Nhóm 3:</i> Kể về cảnh quan và hoạt động ở đền Ngọc Sơn (Tổ chức trò chơi “Truy tìm kho báu” và thực hiện buổi giao lưu với nhà nghiên cứu về ý nghĩa của cụ Rùa trong đời sống ngày nay)</p>	<p>II. Luyện nói</p> <p>1. Kể lịch sử địa điểm tham quan</p> <p>- Kể lại lịch sử qua truyền thuyết “Sự tích hồ Gươm”: Lê Lợi hoàn gươm cho thần Kim Quy</p> <p>2. Kể chuyện về di tích Hồ Gươm và chùa Ngọc Sơn trong cuộc sống ngày nay</p> <p>a) Kể chuyện về cảnh quan và hoạt động ở hồ Gươm</p> <p>* Cảnh quan:</p> <p>- Thời gian tham quan: Buổi sáng;</p> <p>- Không khí trong lành, mát mẻ của mùa thu.</p>

<p>+ Giá trị di sản: Hồ Gươm – Đền Ngọc Sơn không chỉ là những di tích lịch sử thông thường mà nơi đây là chứng nhân cho những sự kiện lịch sử của Hà Nội. Ngoài ra, nơi đây thể hiện niềm tin của nhân dân Việt Nam và là nơi linh thiêng trong tiềm thức của người dân Việt.</p>	<p>- Hoạt động cá nhân: Lắng nghe, ghi lại những ưu/ khuyết điểm và cách sửa; nhận xét phần trình bày của nhóm khác</p> <p>- Hoạt động cá nhân: Xem video và lắng nghe lời giảng</p>	<p>- Cảnh hồ Gươm:</p> <p>+ Nhìn từ xa, tháp Rùa nhỏ bé; khi nhìn gần, hình ảnh tháp Rùa trở nên uy nghiêm hơn;</p> <p>+ Làn nước trong xanh;</p> <p>+ Xung quanh có nhiều hàng cây xanh.</p> <p>* Hoạt động: Tham gia các hoạt động đa dạng ở phố đi bộ (các trò chơi dân gian, vẽ tranh truyền thần, chụp ảnh,...)</p> <p>b) Kể chuyện về cảnh quan và hoạt động ở đền Ngọc Sơn</p> <p>* Cảnh quan: Có nhiều hình ảnh mang ý nghĩa văn hóa (Tháp Bút, Đài Nghiên, Trấn Ba đình, Kính tự đình,...);</p> <p>- Điểm đáng nhớ chính là khu vực đảo Ngọc – đền Ngọc Sơn nằm trên đảo Ngọc. Đây là hòn đảo nhỏ nằm trong quần thể của hồ Gươm.</p> <p>* Hoạt động: Tìm hiểu về 2 tiêu bản rùa và ý nghĩa của cụ rùa đối với cuộc sống ngày nay</p>
--	--	---

Hoạt động 4: Vận dụng, mở rộng (10 phút)

<p>a) Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khơi gợi tình yêu và niềm tự hào đối với DSVHPVT của dân tộc Việt Nam; - Hình thành và phát triển những suy nghĩ, hành động cụ thể đối với DSVHPVT của dân tộc Việt Nam. <p>b) Phương pháp</p> <p>Hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu qua sách, báo chí hoặc internet; - Hình thức: “Bảng ước mơ”. <p>c) Cách tiến hành</p>		
<p>- Câu hỏi: Thông qua việc tham quan và tìm hiểu về Hồ Gươm – một trong những di sản văn hóa vật thể đặc biệt cấp quốc gia, theo em, với tư cách là một học sinh thanh lịch văn minh của Hà Nội, em có suy nghĩ hoặc sẽ hành động như thế nào để bảo tồn di sản trên?</p> <p>- GV phổ biến hình thức thực hiện hoạt động: Chúng ta sẽ viết những suy nghĩ/ đề xuất và mong ước của mình về những hành động cụ thể để bảo tồn và phát huy di sản văn hóa hồ Gươm (để nơi đây sẽ mãi là biểu tượng ngàn năm văn hiến của Hà Nội) vào những tờ giấy màu</p>	<p>- Hoạt động cá nhân: Theo dõi, lắng nghe</p> <p>- Hoạt động cá nhân: Suy nghĩ, viết</p> <p>- Hoạt động nhóm: Bàn luận, gắn lên bảng chung của nhóm</p>	<p>III. Vận dụng</p> <p>- Hoàn thành “Bảng ước mơ”</p> <p>- GV tổng kết: Thông qua tiết học ngày hôm nay, chúng ta không chỉ cùng tìm hiểu về sự tồn tại của các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của quốc gia mà hơn cả, chúng ta đã cùng nhau có những thay đổi trong suy nghĩ, nhận thức về DSVHPVT để cùng nhau lưu giữ, kế thừa và phát triển những truyền thống của cha ông để lại.</p>

<p>cô đưa cho mỗi nhóm trong 3 phút. Sau đó chúng ta sẽ cùng nhau gắn lên bảng “Mơ ước” của lớp chúng mình.</p> <p>- GV tổng kết những mong ước của lớp</p>	<p>- Hoạt động cá nhân: Lắng nghe, suy ngẫm về ý kiến của bạn</p>	
---	---	--

BÀI SOẠN MỸ THUẬT

VỀ TRANH ĐỀ TÀI LỄ HỘI

(Lớp 6)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận biết được một số hoạt động diễn ra trong ngày Lễ hội;
- Tìm hiểu được vẻ đẹp màu sắc, họa tiết, cách trang trí trang phục, đồ lễ, kiệu rước... trong lễ hội.

2. Kỹ năng

- Lựa chọn được một hoạt động (múa hát, rước kiệu, các nghi lễ...) diễn ra trong lễ hội, hình thành ý tưởng nội dung tranh.
- Vẽ được tranh có hình ảnh về lễ hội. Tranh có bố cục sinh động, màu sắc đẹp, rạch rỡ thể hiện được không khí náo nhiệt của lễ hội.

3. Thái độ

- Hiểu biết hơn về bản sắc văn hóa dân tộc qua các phong tục tập quán trong lễ hội ở mỗi miền quê. Thêm yêu quê hương đất nước.
- Có ý thức gìn giữ và phát huy truyền thống dân tộc cũng như truyền bá hình ảnh đẹp về đất nước trong cộng đồng và quốc tế.

Năng lực có thể hình thành:

- Năng lực thẩm mỹ: Cảm thụ được vẻ đẹp trang phục và các hoạt động trình diễn nghi lễ trong lễ hội. Nêu được cảm nhận cá nhân về hình tượng của lễ hội.
- Năng lực quan sát: Tìm được hình ảnh, màu sắc đặc trưng của lễ hội, vận dụng vào vẽ tranh.
- Năng lực sáng tạo: Vận dụng được một số hình ảnh trong lễ hội vào bài vẽ, thành bức tranh sáng tạo về bố cục, đẹp về màu sắc và trang trí.
- Năng lực phân tích, đánh giá:
 - + Nhận xét được về các hoạt động diễn ra trong lễ hội. Liên kết được ý nghĩa của lễ hội với các hoạt động được tổ chức trong lễ hội.
 - + Nhận xét được màu sắc, hình ảnh, bố cục, cách thể hiện... ở tranh vẽ về lễ hội. Trao đổi ý kiến riêng với bạn bè, người thân.
- Năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin: Nêu được một số thông tin chính có liên quan đến lễ hội. Ví dụ: lịch sử, nguồn gốc, lí do... hình thành lễ hội; những nhân vật chính được nhân dân tôn thờ trong lễ hội; nghi lễ trọng tâm của lễ hội; địa điểm và thời gian diễn ra lễ hội; mong ước của nhân dân trong quá trình hành lễ...

II. Các nội dung về di sản văn hóa phi vật thể và phát triển bền vững được tích hợp trong bài

- Tinh thần uống nước nhớ nguồn của người Việt hướng về ngày giỗ Tổ Hùng Vương.
- Lòng biết ơn của nhân dân tới Thánh Gióng người có công bảo vệ đất nước.
- Lòng biết ơn của người dân lao động, mong muốn cuộc sống no đủ, yên bình... đối với các Vị Thần cai quản thiên nhiên – Mẫu Tam phủ.
- Các hoạt động múa, hát, rước kiệu, hành lễ... được tổ chức trong các lễ hội nói chung và trong lễ hội Đền Hùng, hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc; thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói riêng.

III. Chuẩn bị

1. Đối với GV

- Ảnh chụp, tranh vẽ, video... về một số lễ hội địa phương hoặc một trong ba lễ hội: Đền Hùng, Hội Gióng đền Phù Đổng, đền Sóc; nghi lễ lên đồng thờ Mẫu Tam phủ.
- Tranh vẽ của HS về các lễ hội.
- Tư liệu, bài viết, truyền thuyết lịch sử có liên quan đến địa danh lễ hội.

2. Đối với HS

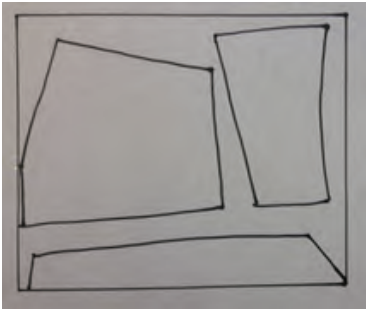
- Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết về lễ hội (nhiệm vụ giao từ giờ trước).
- Giấy, bút màu vẽ...

IV. Các hoạt động học tập

Lưu ý: Nếu điều kiện cho phép, có thể tổ chức cho HS học tại thực địa.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Hoạt động 1: Tìm chọn nội dung đề tài		
a) Mục tiêu <ul style="list-style-type: none">- HS nhận biết được sự phong phú của các hoạt động (lễ hội, vui chơi...) thường tổ chức dịp đầu Xuân.- Tìm được ý nghĩa và nét đặc trưng của mỗi lễ hội.- Hình thành ý tưởng nội dung tranh.		
b) Phương pháp <ul style="list-style-type: none">- Phương pháp vấn đáp, gợi mở- Phương pháp quan sát- Phương pháp trực quan- Tham quan, dã ngoại, tìm hiểu tư liệu...		
c) Cách tiến hành		
<u>Tìm hiểu đề tài</u> <i>* GV gợi ý HS nêu tên các lễ hội mà bản thân đã trực tiếp được tham quan:</i> <ul style="list-style-type: none">- Lễ hội thường tổ chức vào dịp nào?- Hãy liệt kê các lễ hội ở địa phương theo hiểu biết của em?- Em đã được trực tiếp tham gia lễ hội nào? Hãy mô tả không khí lễ hội, các hoạt động thường tổ chức trong lễ hội.	<ul style="list-style-type: none">- HS nhớ lại lễ hội đã tham quan.Trả lời câu hỏi của GV theo hiểu biết riêng, nêu nhận xét về:<ul style="list-style-type: none">+ Thời gian tổ chức lễ hội.+ Chia sẻ thông tin về lễ hội tại địa phương.+ Nêu tên những lễ hội đã được tham dự.	<i>* Một vài nét về lễ hội đầu Xuân:</i> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian tổ chức lễ hội thường vào dịp đầu Xuân.- Một số hoạt động thường tổ chức trong lễ hội: rước kiệu, múa, hát, hành lễ. Ngoài ra còn có các trò chơi: chọi gà, cờ người, kéo co, đánh đu... được tổ chức trong lễ hội.- Trong lễ hội, lễ phục, cờ, phướn có

<p>- Mô tả màu sắc thường có trong các lễ hội đó.</p>	<p>+ Mô tả các hoạt động được tổ chức trong lễ hội (ví dụ: Rước kiệu, nghi lễ dâng tế, người xem hội, trò chơi...).</p> <p>+ Màu sắc các đồ nghi lễ, cờ, trang phục... của người xem hội, đội hành lễ, quang cảnh lễ hội, theo cảm nhận.</p> <p>- HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.</p>	<p>màu sắc rực rỡ.</p> <p>- Bên cạnh lễ hội tổ chức ở địa phương, những lễ hội dưới đây đã trở nên nổi tiếng và gần gũi với nhân dân:</p> <p>+ Lễ hội đền Hùng (Quốc Lễ).</p> <p>+ Hội Gióng đền Phù Đổng, đền Sóc.</p> <p>+ Hoạt động hành lễ các giá đồng thờ Mẫu Tam phủ ở chùa (địa phương).</p>
<p><u>Tìm hiểu một số lễ hội lớn của đất nước</u></p> <p>Tìm hiểu một trong 3 lễ hội: đền Hùng hoặc hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc hoặc nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ.</p> <p><i>* GV tổ chức cho HS xem ảnh, video về một trong ba lễ hội: đền Hùng hoặc hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc hoặc nghi lễ lên đồng thờ Mẫu tam phủ của người Việt.</i></p> <p>Yêu cầu HS quan sát về:</p> <p>+ Quy mô tổ chức lễ hội</p> <p>+ Các hoạt động có trong lễ hội.</p> <p>+ Màu sắc các đồ nghi lễ, cờ, trang phục... trong lễ hội.</p>	<p>- HS quan sát tranh, ảnh, băng hình video về lễ hội. Nêu nhận xét và mô tả về:</p> <p>+ Quy mô tổ chức lễ hội</p> <p>+ Những hình ảnh và màu sắc nổi bật trong lễ hội.</p> <p>+ Điểm khác nhau giữa các lễ hội (đền Hùng/ hội Gióng, đền Phù Đổng và đền Sóc/ nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ)</p>	<p><i>* Tìm hiểu lễ hội đền Hùng hoặc hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc hoặc nghi lễ thờ Mẫu tam phủ:</i></p> <p>- Các nghi lễ được tổ chức trong lễ hội.</p> <p>- Không khí lễ hội.</p> <p>- Ý nghĩa của lễ hội.</p> <p>- Các hoạt động vui chơi thường có trong các lễ hội.</p> <p>- Điểm khác biệt giữa các lễ hội.</p>
<p><u>Tìm hiểu ý nghĩa của lễ hội</u></p> <p><i>* GV yêu cầu HS (cá nhân/nhóm) tìm hiểu thông tin, tư liệu, bài viết, mạng internet và thảo luận về ý nghĩa của lễ hội.</i></p> <p><i>* GV lưu ý định hướng HS tìm hiểu ý nghĩa của một trong ba lễ hội lớn của đất nước: lễ hội đền Hùng hoặc hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc hoặc nghi lễ lên đồng thờ Mẫu tam phủ của người Việt.</i></p>	<p>- HS (cá nhân/nhóm) thảo luận về ý nghĩa của lễ hội.</p> <p>- Nêu kết quả thảo luận trước lớp.</p>	<p><i>Ý nghĩa tổ chức lễ hội:</i></p> <p>- Thể hiện tấm lòng thành kính của người dân với những vị Thần/Vua/ Người có công khai phá và bảo vệ đất nước.</p> <p>- Thể hiện tín ngưỡng của người dân, cầu ước các Vị thần linh phù hộ cho cuộc sống ấm no, bình yên, hạnh phúc.</p> <p>- Lễ hội thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân hướng về tổ tiên cội nguồn...</p>
<p><i>* GV tổ chức cho HS tham khảo một số tranh vẽ về hoạt động trong ngày Lễ hội. Và nêu câu hỏi gợi mở:</i></p> <p>- Tranh vẽ hình ảnh gì? Hình ảnh đó diễn ra ở đâu?</p> <p>- Vì sao em nhận biết được chủ đề của bức tranh? Hãy mô tả kĩ những hoạt động trong bức tranh (hình ảnh chính, hình ảnh phụ, màu sắc tranh).</p>	<p>- HS nhận biết tranh vẽ đề tài Lễ hội, trả lời nội dung:</p> <p>+ Tên hoạt động được vẽ trong bức tranh, nội dung lễ hội được thể hiện trong bức tranh.</p> <p>+ Mô tả màu sắc, hình ảnh đặc trưng (hình ảnh chính) của lễ hội trong bức tranh.</p>	

<p><i>* GV yêu cầu HS khi tìm hiểu các hoạt động trong lễ hội, tham khảo tranh về lễ hội, thực hiện lựa chọn ý tưởng nội dung tranh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em/nhóm em sẽ chọn hoạt động nào diễn ra trong lễ hội để vẽ thành tranh? 	<ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi trong nhóm về lựa chọn nội dung ý tưởng bức tranh. - Phát biểu ý kiến về lựa chọn ý tưởng vẽ tranh của mình (cá nhân/nhóm). 	<p><i>Lựa chọn nội dung ý tưởng vẽ tranh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động dâng lễ, tế lễ; các hoạt động vui chơi, xem hội, cờ người, chơi gà... đều có thể sử dụng làm nội dung ý tưởng tranh. Tùy vào ý thích lựa chọn của mỗi người. - Một số hình ảnh tượng trưng của lễ hội: cờ hội (cờ ngũ sắc, cờ chuối), phướn có màu sắc rực rỡ là những hình ảnh thường có trong các lễ hội.
Hoạt động 2: Cách vẽ tranh		
<p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết cách chọn và vẽ một số hình ảnh về lễ hội (dáng người tham dự lễ hội, hành lễ, rước kiệu, người xem hội; quang cảnh lễ hội...). - Biết cách sắp xếp hình ảnh, tạo thành bố cục tranh về lễ hội (hình ảnh phù hợp nội dung, có nhóm chính, nhóm phụ). - Tìm được màu sắc vẽ tranh phù hợp với khung cảnh nhộn nhịp của lễ hội. <p><i>b) Phương pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp vấn đáp, gợi mở - Phương pháp quan sát - Phương pháp trực quan <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p><i>* GV yêu cầu HS quan sát tranh mẫu, nhận biết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bức tranh đã thể hiện nội dung nào trong lễ hội? - Hình ảnh nào là chính (mảng chính và hình ảnh nào là phụ (mảng phụ của bức tranh)? - Nhận biết màu sắc, đậm nhạt (ở đâu) trong bức tranh? <p><i>* GV vẽ thị phạm hoặc sử dụng ĐDDH các bước vẽ tranh cho HS nhận biết cách vẽ tranh:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình ảnh chính trước. - Vẽ hình ảnh phụ sau. - Vẽ màu và hoàn thiện bức tranh. <p><i>* GV gợi ý HS:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách sắp xếp bố cục sao cho có hình ảnh to/nhỏ, cao/thấp, trước/sau... - Cần vẽ màu tươi, rực rỡ cho nhóm chính, hình ảnh lá cờ hội và trang phục dự hội. - Các hình ảnh cần thể hiện rõ hoạt động cụ thể trong lễ hội... 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh mẫu, nhận biết: + Ý tưởng nội dung vẽ về lễ hội trong bức tranh. + Hình ảnh chính trong bức tranh. + Hình ảnh phụ của bức tranh. + Màu sắc và đậm nhạt bức tranh. - HS nêu cảm nhận riêng về bức tranh. 	<p><i>Gợi ý cách vẽ tranh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn một nội dung cụ thể của lễ hội (múa, rước kiệu, đang dâng lễ, chơi trò chơi...) vẽ tranh. - Vẽ bố cục mảng chính, mảng phụ.  <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình ảnh nhóm chính (người đang rước kiệu/dâng lễ hoặc đang đánh trống trong lễ hội) và sắp xếp hình ảnh thành bố cục tranh, phù hợp nội dung ý tưởng. - Xác định các hình ảnh phụ (quang cảnh lễ hội, đình, chùa, mây, trời, cây cối, người xem lễ hội...) và vẽ xung quanh hình ảnh chính.

Một số bài vẽ của HS



- Vẽ màu tươi sáng tập trung vào trọng tâm tranh (màu sắc đẹp, rực rỡ thể hiện không khí náo nhiệt của lễ hội) và hoàn thiện bức tranh.



Hoạt động 3: Thực hành

a) Mục tiêu

- HS lựa chọn và vẽ được một hoạt động diễn ra trong lễ hội thành bức tranh.
- Tranh có bố cục sinh động thể hiện được sự phong phú của lễ hội.
- Màu sắc đẹp, hài hòa, thể hiện tình cảm của người vẽ.

b) Phương pháp

- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trực quan
- Phương pháp luyện tập thực hành

c) Cách tiến hành

- GV gợi ý HS các hình ảnh thường có trong lễ hội, phù hợp với ý tưởng vẽ tranh.
- Nhắc nhở HS vẽ hình ảnh chính trước, hình ảnh phụ vẽ sau.
- Lưu ý HS về bối cảnh diễn ra lễ hội.
- Khi vẽ tranh về lễ hội cần vẽ một số hình ảnh đặc trưng của lễ hội: như cờ (ngũ sắc, cờ chuối), phướn, kiệu rước... có màu sắc rực rỡ.
- GV gần gũi HS, khuyến khích các em vẽ đẹp. Động viên các em vẽ chưa đẹp, góp ý bổ sung kịp thời...

- HS thể hiện ý tưởng đã lựa chọn.
- Vẽ hình vào khổ giấy A4 hoặc A3.
- Màu sắc và chất liệu tự chọn.
- Tham khảo tranh mẫu.
- Có thể vẽ tranh theo nhóm hoặc cá nhân.
- Nêu cảm nhận về tranh về lễ hội (theo nội dung phiếu học tập).

- Thể hiện bức tranh về lễ hội, có hình ảnh và quang cảnh phù hợp lễ hội; Tranh phong cảnh lễ hội; các hoạt động được tổ chức trong lễ hội (rước lễ, vui chơi, đồng diễn...).
- Đối với tranh vẽ lựa chọn lễ hội đền Hùng và hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc; nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ cần đảm bảo có các hình ảnh đặc trưng của từng lễ hội. Ví dụ: + Hình ảnh nam, nữ với trang phục cổ xưa, đầu đội mũ lông chim (Hội đền Hùng); hoặc hình ảnh rước kiệu...

		+ Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa, búi tre đằng ngà (Hội Gióng)... + Hình ảnh người lên đồng đang múa trong trang phục ngũ sắc (Nghỉ lễ thờ Mẫu Tam phủ)...
* Bài tập mở rộng HS thực hiện Bài tập 3.		

V. Đánh giá

Câu hỏi 1: Em hãy cho biết cách vẽ tranh đề tài Lễ hội?

Câu hỏi 2: Trong những bức tranh vẽ về lễ hội, em thích bức tranh nào nhất? Vì sao? (Phiếu bài tập 1: Nhận xét, đánh giá tranh vẽ lễ hội).

Câu hỏi 3: Kể tên các hoạt động thường diễn ra trong lễ hội.

Câu hỏi 4: Kể tên các lễ hội có ở địa phương em và nêu ý nghĩa của lễ hội.

Câu hỏi 5: Hãy nêu ý nghĩa của một trong các lễ hội đền Hùng, Hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc, hoặc Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

Câu hỏi 6: Hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa lễ hội ở địa phương với lễ hội đền Hùng, hoặc lễ hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc hoặc Nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ.

VI. Hoạt động tiếp nối

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ Sưu tầm thêm tranh, ảnh, tài liệu về lễ hội các miền quê, viết bài thu hoạch theo Phiếu bài tập 2 (Tìm thông tin về lễ hội trên quê hương, đất nước) và chia sẻ với bạn bè, người thân.

+ Sưu tầm thêm địa danh có lễ hội truyền thống.

+ Tổ chức viết bài giới thiệu về lễ hội, thi hùng biện giới thiệu về lễ hội.

+ Đưa ra các đề xuất góp phần quảng bá hình ảnh về lễ hội quê hương, lễ hội của đất nước cho bạn bè và cộng đồng quốc tế.

+ Thiết kế poster có hình ảnh về lễ hội, giới thiệu cho bạn bè và người thân hoặc sử dụng quảng bá nét đẹp văn hóa người Việt cho du khách nước ngoài.

+ Có thể cung cấp các địa chỉ/ngày tổ chức lễ hội; làm hướng dẫn viên cho du khách.

+ Viết bài, đăng ảnh tuyên truyền về lễ hội trên các trang web của trường mình, địa phương và các đơn vị bạn; trên facebook, mạng internet...

VII. Phụ lục

Phụ lục 1: Phiếu bài tập

Phiếu bài tập (1): Nhận xét, đánh giá tranh vẽ lễ hội

Tên tranh:

STT	Nội dung nhận xét	Ý kiến nhận xét	Đánh giá (đẹp, chưa đẹp hoặc cần bổ sung)
1	Ý tưởng (phong phú, thể hiện nội dung hoạt động trong lễ hội).		
2	Hình ảnh (sinh động, phù hợp với nội dung ý tưởng, diễn tả được hoạt động của lễ hội...)		
3	Màu sắc (đậm nhạt của màu, màu sắc ở nhóm chính, và các hình ảnh xung quanh, màu sắc có phù hợp với không khí lễ hội hay không ?...)		
4	Bố cục (chặt chẽ, nhóm chính nhóm phụ rõ ràng, sinh động).		
5	Cách thể hiện (màu sắc tình cảm, hình ảnh đẹp, phong phú, có nhiều hình dáng khác nhau của nhân vật và hình ảnh ...).		
6	Em hãy đặt tên bức tranh theo ý thích Tên bức tranh:		

Phiếu bài tập (2): Tìm thông tin về các lễ hội trên quê hương đất nước

Lễ hội trên quê hương đất nước			
STT	Tên các lễ hội	Thông tin (nội dung lễ hội, thời gian, địa điểm tổ chức lễ hội, truyền thuyết lịch sử về lễ hội...)	Nêu cảm nghĩ của em
1			
2			
3			
...			

Bài tập (3):

- Nêu cảm nhận của em về những hoạt động được tổ chức trong lễ hội đền Hùng, lễ hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc hoặc nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ.

- Theo em, lễ hội được tổ chức với mục đích gì?

- Em hãy mô tả một hoạt động mà em thích nhất trong lễ hội đền Hùng, lễ hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc hoặc nghi lễ thờ Mẫu Tam phủ, hoặc lễ hội ở địa phương.

Phụ lục 2: Tìm hiểu một số tư liệu trên mạng internet về lễ hội đền Hùng (Phú Thọ), lễ hội Gióng đền Sóc, nghi lễ lên đồng thờ Mẫu Tam phủ.

Lễ hội đền Hùng – Phú Thọ^[15]



Lễ hội Đền Hùng là một lễ hội lớn tầm quốc gia để tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước. Phong tục giỗ tổ Hùng Vương đã trở thành truyền thống văn hoá lâu đời ở nước ta. Lễ hội đền Hùng kéo dài từ mùng 8 đến ngày 11 tháng 3 âm lịch, trong đó mùng 10 là chính hội. Lễ hội diễn ra tại đền Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Hội Gióng đền Sóc^[16]

Lễ hội đền Sóc (hội Gióng), diễn ra trong 3 ngày (từ mùng 6 đến mùng 8 tháng Giêng âm lịch hàng năm) để tưởng nhớ Thánh Gióng, vị anh hùng đánh thắng giặc Ân cứu nước, đem lại thái bình cho đất nước. Lễ hội mang đầy đủ các nghi lễ truyền thống như lễ khai quang, lễ rước, lễ dâng hương, dâng hoa tre lên đền Thượng, nơi thờ Thánh Gióng.

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ^[17]

Di sản Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt hình thành và phát triển trên nền tảng của tín ngưỡng thờ nữ thần. Đây là một hình thức thờ cúng người mẹ hóa thân ở các miền (trời, sông nước, rừng núi) với ước vọng mang lại tài lộc may mắn cho con người.

BÀI SOẠN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (1)

ĐỘ CAO VÀ ĐỘ TO CỦA ÂM

(Lớp 7)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Nhận biết được âm cao (bổng), âm thấp (trầm), âm to, âm nhỏ. Nêu được ví dụ.
- Nêu được mối liên hệ giữa độ to và biên độ của âm.
- Nêu được mối liên hệ giữa độ cao và tần số của âm.
- Nêu được một số đặc điểm về cồng chiêng Tây Nguyên.

2. Kỹ năng

- Đề xuất phương án thí nghiệm và tiến hành thí nghiệm kiểm tra giả thuyết về mối quan hệ giữa biên độ và

[15] Cục Di sản Văn hóa – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

[16] Cục Di sản Văn hóa – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

[17] Cục Di sản Văn hóa – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

độ to, tần số và độ cao.

- Thực hành tìm hiểu về âm thanh (độ to, độ cao) do các cồng chiêng có kích thước, hình dạng khác nhau, do việc gõ khác nhau phát ra.

3. Thái độ

- Cần thận, chính xác trong thực hành, thí nghiệm.

- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Ham học hỏi, tìm hiểu các sự vật hiện tượng xung quanh.

- Giáo dục HS ý thức yêu thích DSVH dân tộc nói chung và nhạc cụ cồng chiêng Tây nguyên nói riêng, ý thức tôn trọng các nghệ nhân, và có ý thức trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Một số năng lực được hình thành và phát triển qua bài học:

- Năng lực tìm hiểu về âm thanh (độ cao, độ to); về sự phát ra âm thanh của cồng chiêng Tây Nguyên.

- Năng lực vận dụng kiến thức về độ cao, độ to của âm thanh để giải thích một số sự vật, hiện tượng, trong đó có sự phát ra âm thanh của cồng chiêng.

II. Các nội dung về di sản phi vật thể và phát triển bền vững được tích hợp trong bài

- Không gian cồng chiêng ở Tây Nguyên.

- Ý nghĩa của cồng chiêng Tây Nguyên.

Một số nội dung cụ thể:

- Đặc điểm của cồng chiêng và âm thanh do chúng phát ra.

- Hình dáng và chất liệu làm cồng chiêng.

- Một số kĩ năng đánh cồng chiêng.

- Chỉnh chiêng.

III. Phương tiện dạy học/Chuẩn bị của GV và HS

- Bộ thí nghiệm tìm hiểu về âm thanh (con lắc, trống, lá thép, âm thoa), đàn ghi ta.

- Một bộ chiêng Tây Nguyên.

- Một số tranh ảnh (hoặc video) về cồng chiêng, lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên.

- Bài đọc về cồng chiêng, lễ hội Cồng Chiêng Tây Nguyên.

- Phiếu học tập dùng cho các nhóm hoạt động học.

IV. Các hoạt động học tập

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Khởi động		
<i>a) Mục tiêu</i> Tạo hứng thú, khơi gợi những kinh nghiệm, hiểu biết sẵn có của HS về âm thanh.		
<i>b) Phương pháp</i> Làm việc chung cả lớp. Có thể sử dụng video, vật thật, ... hỗ trợ cho việc tạo hứng thú, khơi gợi hiểu biết sẵn có của HS.		
<i>c) Cách tiến hành</i>		

<p>- GV nêu câu hỏi, yêu cầu: Các âm khác nhau như thế nào ?</p> <p>Qua đó khơi gợi những kinh nghiệm, hiểu biết sẵn có của HS về âm thanh, các nguồn âm khác nhau sẽ phát ra những âm thanh khác nhau về độ cao, độ to..., kết nối, hướng tới kiến thức cần xây dựng trong bài học về độ cao, độ to của âm.</p>	<p>- HS dựa vào kinh nghiệm, hiểu biết sẵn có để trả lời.</p>	
<p>1. Tìm hiểu về độ cao của âm</p> <p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được âm cao (bổng), âm thấp (trầm). Nêu được ví dụ. - Nêu được mối liên hệ giữa độ cao và tần số của âm. - Đề xuất phương án thí nghiệm và tiến hành thí nghiệm kiểm tra giả thuyết về mối quan hệ giữa tần số và độ cao. <p><i>b) Phương pháp</i></p> <p>HS làm việc nhóm, sau đó chia sẻ chung cả lớp; Sử dụng thí nghiệm, thực hành, quan sát video clip/ tranh ảnh để tìm tòi phát hiện kiến thức.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV cho HS thực hành tạo ra các âm trầm, bổng khác nhau:</p> <p>+ Gảy đàn ghi ta tạo ra âm trầm, bổng khác nhau (độ cao của âm khác nhau).</p> <p>+ Cố định một đầu 2 thước thép đàn hồi có chiều dài khác nhau trên mặt hộp gỗ. Lần lượt bật nhẹ đầu tự do của 2 thước cho chúng dao động. Lưu ý các em tìm hiểu mối quan hệ nhanh, chậm và độ cao của âm.</p> <p>- GV hướng dẫn HS tiến hành thí nghiệm nhằm hình thành cho các em khái niệm tần số. Treo hai con lắc có chiều dài khác nhau, kéo chúng lệch ra khỏi vị trí cân bằng rồi thả cho chúng dao động.</p> <p>GV hướng dẫn HS cách xác định một dao động trước khi làm thí nghiệm: Quá trình con lắc đi từ biên bên trái qua biên bên phải và trở lại lại biên bên trái và cách xác định số dao động trong thời gian 10 giây. GV yêu cầu các nhóm HS đếm số lần dao động của hai con lắc để tạo ra biểu tượng cho HS về khái niệm tần số, đồng thời gắn khái niệm này với biểu tượng dao động nhanh, chậm mà HS quan sát thấy trong thí nghiệm.</p> <p>GV nêu: Số dao động của nguồn âm trong trong 1 giây gọi là tần số. Đơn vị tần số là héc (Hz).</p> <p>- GV hướng dẫn HS liên hệ với thí nghiệm bật 2 thanh thép, hỏi các em trường hợp nào tần số lớn hơn.</p>	<p>- HS thực hành rút ra được các nhận xét :</p> <p>+ Phần tự do của thước dài dao động chậm, âm phát ra thấp.</p> <p>+ Phần tự do của thước ngắn dao động nhANH, âm phát ra cao.</p> <p>- HS làm thí nghiệm, thảo luận, và rút ra nhận xét :</p> <p>Dao động càng nhanh, tần số dao động càng lớn.</p> <p>Dao động càng chậm, tần số dao động càng bé.</p> <p>- HS rút ra nhận xét</p> <p>Trường hợp thanh thước ngắn, dao động nhanh hơn, tần số cao hơn.</p> <p>Qua đó nhận xét được: Tần số</p>	<p>Số dao động của nguồn âm trong trong 1 giây gọi là tần số. Đơn vị tần số là héc (Hz).</p> <p>Dao động càng nhanh, tần số dao động càng lớn.</p> <p>Dao động càng chậm, tần số dao động càng bé.</p> <p>Tần số dao động càng lớn, âm phát ra càng cao.</p>

<p>- GV có thể cho HS thực hành :</p> <p>+ Gõ 2 âm thoa có tần số khác nhau, nêu nhận xét so sánh về độ cao của âm do 2 âm thoa này phát ra.</p> <p>+ Đổ nước vào 7 cái bát giống nhau đến các mực nước khác nhau. Dùng đũa gõ nhẹ vào các bát sẽ nghe được âm trầm, bổng khác nhau.</p> <p>- GV cũng có thể hướng dẫn cho HS thêm một số thí nghiệm khác tìm hiểu về độ cao của âm để về nhà làm như thí nghiệm quay bánh xe đạp ở các tốc độ khác nhau, cho miếng bìa vào nan hoa xe đạp để nghe tiếng âm thanh khác nhau khi miếng bìa dao động phát ra...</p>	<p>dao động càng lớn, âm phát ra càng cao.</p> <p>- HS thực hành và nhận xét: âm thoa có tần số lớn hơn (có ghi trên âm thoa) phát ra âm cao hơn.</p> <p>Bát nước có khối lượng càng nặng thì âm càng trầm.</p>	
<p>2. Tìm hiểu về độ to của âm</p> <p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được âm to, âm nhỏ. Nêu được ví dụ. - Nêu được sự liên quan giữa biên độ, độ to. - Đề xuất phương án thí nghiệm và tiến hành thí nghiệm kiểm tra giả thuyết về mối quan hệ giữa biên độ và độ to. <p><i>b) Phương pháp</i></p> <p>HS làm việc nhóm, sau đó chia sẻ chung cả lớp; Sử dụng thí nghiệm, thực hành, quan sát video clip/ tranh ảnh để tìm tòi phát hiện kiến thức.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV giới thiệu khái niệm biên độ dựa vào thí nghiệm về con lắc, kéo vật dao động lệch khỏi vị trí ban đầu để tạo ra hình ảnh trực quan của biên độ dao động như là độ lệch lớn nhất của vật khi dao động.</p> <p>- GV yêu cầu HS làm thí nghiệm bập một thước thép hoặc bập sợi dây mạnh nhẹ khác nhau (bằng cách kéo lệch khỏi vị trí cân bằng nhiều, ít khác nhau) và so sánh âm thanh phát ra. Qua đó rút ra nhận xét về mối quan hệ giữa độ to và biên độ.</p>	<p>HS tiến hành thí nghiệm, thảo luận nhóm, rút ra nhận xét :</p> <p>Âm phát ra càng to khi biên độ dao động của nguồn âm càng lớn.</p>	<p>Âm phát ra càng to khi biên độ dao động của nguồn âm càng lớn.</p>
<p>3. Tìm hiểu về cồng chiêng Tây Nguyên</p> <p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số đặc điểm về cồng chiêng Tây Nguyên. - Thực hành tìm hiểu về âm thanh (độ to, độ cao) do các cồng chiêng có kích thước, hình dạng khác nhau, do việc gõ khác nhau phát ra. - Giáo dục HS ý thức yêu thích DSVH dân tộc nói chung và nhạc cụ cồng chiêng Tây nguyên nói riêng, ý thức tôn trọng các nghệ nhân, và có ý thức trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. <p><i>b) Phương pháp</i></p> <p>Kết hợp làm việc nhóm và cả lớp; Sử dụng thí nghiệm, thực hành, quan sát video clip/ tranh ảnh để tìm tòi phát hiện kiến thức.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		

<p>GV cho HS đọc một số đoạn thông tin/xem video clip giới thiệu khái quát về Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên, ý nghĩa.</p>		
<p>Làm thế nào để làm chiêng phát ra âm thanh? Khi chiêng phát ra âm, vật nào dao động làm chiêng phát ra âm? Mặt chiêng có dao động không? Khi chiêng kêu to hơn thì dao động mạnh hay nhẹ hơn? Nhận biết điều đó bằng cách nào?</p>	<p>HS có thể đưa ra ý kiến như sờ vào mặt chiêng để phát hiện sự rung động; hoặc rắc các vụn giấy, hay treo quả cầu bấc bên cạnh để quan sát rõ hơn.</p>	
<p>GV có thể nêu một số câu hỏi, chẳng hạn cách đánh cồng chiêng như thế nào? Âm thanh do cồng chiêng phát ra phụ thuộc vào yếu tố gì? Sau đó cho các em đọc một số đoạn thông tin/xem video clip để tìm thông tin trả lời.</p>	<p>Dựa vào hiểu biết, kinh nghiệm HS đưa ra ý kiến. Sau đó các em đọc thông tin, xem video clip và trả lời. Một số nhận xét các em có thể rút ra: - Một số kĩ năng đánh cồng chiêng (đánh bằng dùi, bằng tay, kĩ thuật chặn tay).</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu nhận xét về âm thanh do các chiêng khác nhau trong bộ chiêng phát ra. - Mối quan hệ giữa kích thước của chiêng với âm thanh do chiêng phát ra. - Cồng chiêng được làm từ chất liệu gì? Chúng có ảnh hưởng tới âm thanh do cồng chiêng phát ra hay không? - Chỉnh chiêng là gì? Vì sao phải chỉnh? 	<ul style="list-style-type: none"> - Cồng chiêng càng to thì tiếng càng trầm; càng nhỏ thì tiếng càng cao (HS làm thí nghiệm để rút ra nhận xét). - Cồng chiêng được đúc bằng hợp kim bao gồm đồng và một số kim loại khác. Chất lượng âm thanh phụ thuộc vào chất lượng hợp kim tạo ra cồng chiêng (liên quan đến sự rung). - Chỉnh chiêng: Ví dụ dùng búa gỗ; cạo đi những chỗ dày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung mỗi dàn cồng chiêng thường có từ 6 đến 8 chiếc. - Cồng chiêng càng to thì tiếng càng trầm; càng nhỏ thì tiếng càng cao. - Cồng chiêng được đúc bằng hợp kim bao gồm đồng và một số kim loại khác. Chất lượng âm thanh phụ thuộc vào chất lượng hợp kim tạo ra cồng chiêng. - Để đảm bảo chất lượng âm thanh do cồng chiêng phát ra, có những bộ cồng chiêng với âm thanh hoàn chỉnh, cần chỉnh chiêng: Ví dụ dùng búa gỗ; cạo đi những chỗ dày... Những việc này đòi hỏi người nghệ nhân chỉnh chiêng có tai nghe chính xác, am hiểu thang âm của từng vùng, dân tộc và có kĩ thuật tốt.

<p>4. Thực hành, luyện tập</p> <p><i>a) Mục tiêu</i> Thực hành, luyện tập các kiến thức và kĩ năng đã học về độ to, độ cao...</p> <p><i>b) Phương pháp</i> Kết hợp làm việc nhóm và cả lớp.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>GV nêu câu hỏi :</p> <p>+ Gõ tay vào mặt bàn làm mặt bàn phát ra âm thanh. Mặt bàn có dao động không?</p> <p>+ Vật dao động phát ra âm có tần số 70Hz dao động nhanh hay chậm hơn vật dao động có tần số phát ra âm 50 Hz? So sánh độ cao của âm thanh do 2 vật này phát ra?</p> <p>+ Tại sao khi đánh chiêng, nếu chạm tay vào mặt chiêng thì có thể làm thay đổi âm thanh do chiêng phát ra?</p>	<p>HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, chia sẻ với các bạn và trình bày trước lớp.</p>	<p>Thực hành, luyện tập các kiến thức và kĩ năng đã học về độ to, độ cao...</p>
<p>V. Hoạt động Đánh giá</p> <p><i>a) Mục tiêu</i> Đánh giá việc nắm vững các kiến thức và kĩ năng đã học về độ to, độ cao...</p> <p><i>b) Phương pháp</i> Viết hoặc trả lời miệng.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>Các câu hỏi :</p> <p>1/ Tần số dao động càng lớn, âm phát ra càng:</p> <p>A. to B. nhỏ C. cao D. thấp</p> <p>2/ Khi gõ vào một cái chiêng làm chiêng rung động mạnh hơn thì âm thanh phát ra sẽ:</p> <p>A. to hơn B. nhỏ hơn C. cao hơn D. trầm hơn</p>	<p>HS làm việc cá nhân, sau đó có thể báo cáo trước lớp.</p>	<p>Đánh giá việc nắm các kiến thức và kĩ năng đã học về độ to, độ cao, ...</p>
<p>3/ Độ cao của âm thanh do cồng chiêng phát ra phụ thuộc vào yếu tố nào ?</p>		
<p>VI. Hoạt động tiếp nối</p> <p><i>a) Mục tiêu</i> Tăng cường khả năng và ý thức vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học về độ to, độ cao... vào thực tiễn.</p> <p><i>b) Phương pháp</i> HS tìm hiểu ở nhà (cá nhân/nhóm), sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		

<p>GV giao cho HS về nhà tìm hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu thêm một số nhạc cụ khác và cách làm phát ra âm, bộ phận phát ra âm ở các nhạc cụ này. + Tìm hiểu khi loa đài/TV phát ra âm thanh, bộ phận nào của loa dao động? + Tìm hiểu thêm về công chiêng Tây Nguyên; đưa ra những đề xuất góp phần bảo vệ di sản này. 	<p>HS tiến hành tìm hiểu theo cá nhân/nhóm. Sau đó các em chia sẻ với các bạn kết quả vào các buổi học sau.</p>	<p>Tìm tòi mở rộng về nguồn âm, độ cao, độ to của âm thanh; về công chiêng Tây Nguyên.</p>
--	---	--

VII. Phụ lục

Phụ lục 1

Cồng chiêng: Một sáng tạo Tây Nguyên

Đặng Hoàng Loan

Năm 2006, Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên chính thức được UNESCO công nhận là Kiệt tác Di sản văn hóa truyền miệng và phi vật thể của nhân loại. Đây là niềm tự hào không chỉ của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên mà còn là niềm tự hào của mọi người dân Việt Nam sống trong nước và ngoài nước.



(Nguồn: internet)

Ai là những người đã sáng tạo ra và sở hữu DSVHPVT quý báu này trong suốt trường kì lịch sử? Họ chính là đồng bào các dân tộc Xơ-đăng, Rơ-măm, Ba-na, Gia rai, Ê-đê, Mnoong, Giê-triêng, Cơ-ho, Mạ, Chu-ru hiện đang cư trú ở địa bàn các tỉnh Kon-tum, Gia-lai, Đắk-lắc, Đắk-nông và Lâm Đồng.

1. Cồng chiêng – nhạc cụ hữu linh

Cồng chiêng trở thành nhạc cụ được dùng chính thức trong nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc Tây Nguyên từ lễ Đâm trâu cúng Zàng đến lễ Bỏ mả, lễ Rời buôn cũ lập buôn mới, lễ Cúng bến nước, lễ Mừng trẻ sơ sinh (lễ Thối tai), lễ Làm nhà mới... Tất cả những lễ thức ấy đều xuất phát từ quan niệm Zàng cai quản mọi vật, Zàng có trong mọi vật. Vì thế quan hệ giữa con người và vạn vật quanh mình là quan hệ vạn vật hữu linh (vạn vật có Zàng), chiêng đồng là của Zàng ban cho.



(Nguồn: internet)

2. Cấu tạo dàn cồng chiêng

Cồng chiêng Tây Nguyên có hai loại là chiêng bằng và chiêng nùm. Chiêng nùm gọi là Chêng, chiêng bằng gọi là Chinh. Tùy theo từng dân tộc mà số lượng mỗi loại Chêng-Chinh tham gia vào dàn cồng chiêng có số lượng nhiều ít khác nhau.

Các dân tộc Ba-na, Gia-rai, Xơ-đang, Rơ-măm, Chu-ru thường sử dụng nhiều chiêng nùm. Các dân tộc Ê-đê, Cơ-ho, Giẻ-triêng, Mnông, Mạ thường sử dụng nhiều chiêng bằng. Việc sử dụng chiêng bằng hay chiêng nùm và sự pha trộn giữa hai loại cồng chiêng là sự lựa chọn mang tính đặc thù về thẩm âm của từng dân tộc.

Từ cách lựa chọn âm sắc chiêng (bằng hay nùm) đã dẫn tới sự cấu tạo âm thanh của mỗi dàn chiêng. Các dàn chiêng lớn nhất thường có cấu tạo từ 9 đến 12 chiêng như dàn cồng chiêng các dân tộc Ba-na, Gia-rai, Ê-đê. Các dàn cồng chiêng nhỏ nhất thường có cấu tạo từ 2 đến 4 chiếc, như dàn chiêng Tha của người Bơ-đrá chỉ có 2 chiếc chiêng bằng, dàn cồng chiêng cúng lúa của người Tơ-drá (một nhánh của dân tộc Xơ-đăng) có 4 chiếc chiêng nùm, còn trung bình mỗi dàn cồng chiêng thường có từ 6 đến 8 chiếc.

3. Hàng âm của cồng chiêng

Vào Tây Nguyên chúng ta sẽ gặp được những người làm chuẩn cao độ và âm thanh cho các dàn chiêng, người đó là các ông “Pok chinh” hoặc các ông “Puih chêng”. Những ông “Pok chinh” hoặc “Puih chêng” thường có lỗ tai rất kì diệu. Cao độ của mỗi dàn chiêng như khắc sâu vào tâm trí họ. Họ không có thanh mẫu nhưng khi đánh vào bất kì chiếc chiêng nào ông “Pok chinh” hoặc “Puih chêng” cũng nhận ra những chỗ đúng, sai của chiếc chiêng. Ví dụ như, chiêng thấp hoặc cao, âm chiêng không tập trung vào giữa mặt chiêng, hoặc chiêng mất tiếng v.v... Tất cả những sai sót ấy sẽ được khắc phục nhanh chóng chỉ sau vài động tác kĩ thuật của ông “Pok chinh” hoặc “Puih chêng”.

4. Cách đánh cồng chiêng

Người Tây Nguyên có hai cách đánh cồng chiêng. Một cách đánh bằng dùi, một cách đánh bằng cườm tay. Dùi chiêng có hai loại, một loại dùi mềm và một loại dùi cứng. Loại dùi mềm thường làm bằng gốc cây dứa dại khô hoặc làm bằng gỗ có bọc vải. Loại dùi cứng thường làm bằng nhánh gỗ khô hoặc thân cây sắn tươi. Mỗi loại dùi chiêng khi tác động lên mặt chiêng tạo ra âm sắc chiêng khác nhau. Loại dùi mềm cho âm thanh tròn trĩnh, vang ngân, trầm hùng. Loại dùi cứng cho âm thanh sắc nhọn, nghe có tiếng va chạm của kim khí và sự mảnh

liệt của âm thanh. Còn cách đánh bằng cườm tay cho ta một cảm giác âm thanh xa xăm, bí ẩn.

Khi đánh chiêng, tay phải cầm dùi, hoặc cườm tay kích vào mặt chiêng tạo âm thanh, tay trái lúc chận vào mặt chiêng, lúc rời khỏi mặt chiêng sẽ tạo ra âm chiêng (nốt nhạc chiêng). Sự kết hợp nhuần nhuyễn hai tay phải và trái của người đánh chiêng sẽ tạo ra một âm chiêng hoàn chỉnh. Nhưng để có thể tham gia diễn tấu được một bài chiêng thì vấn đề còn phức tạp hơn rất nhiều. Mỗi thành viên tham gia vào dàn chiêng giữ vị trí một cao độ và tiết tấu khác nhau. Do vậy họ phải nắm rất chắc thời khắc gõ chiêng của mình làm sao cho đúng thời khắc tiết tấu, đúng gai điệu, đúng âm sắc. Và điều kì diệu của bản nhạc chiêng chính là sự đồng cảm, sự tập trung, sự hào hứng của những “tâm thức chiêng” khi cùng nhau trình diễn một bản nhạc cồng chiêng.

Tìm hiểu cồng chiêng Tây Nguyên cũng đồng nghĩa với việc tìm hiểu cội nguồn sáng tạo nghệ thuật của con người Tây Nguyên. Hiểu được cội nguồn sáng tạo, hiểu được giá trị sáng tạo chúng ta sẽ biết quý trọng và gìn giữ một không gian văn hóa mà ở nơi ấy cồng chiêng là trung tâm với tên gọi Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên.

DHL^[18]

Đặc sắc cồng chiêng của dân tộc M'ông^[19]

Trong đời sống dân tộc M'ông, cồng chiêng được coi là tài sản quý thể hiện sự giàu có của các gia đình, dòng họ, buôn làng. Sự giàu có ở đây không chỉ thể hiện về mặt số lượng mà còn ở tuổi thọ lâu đời của các bộ cồng chiêng. Gia đình nào có nhiều cồng chiêng cổ đều được cộng đồng kính trọng.

Chất lượng âm thanh phụ thuộc vào tỷ lệ hợp kim sử dụng đúc cồng chiêng. Khi mua về, đồng bào M'ông chỉnh âm thanh hết sức tinh tế bằng nhiều cách khác nhau như dùng búa sắt, dùi gỗ cứng đập vào lòng chiếc cồng, chiêng...



Bộ cồng 3 chiếc.

Chiêng có núm được gọi là cồng và chiêng không có núm gọi là chiêng bằng. Cồng cấu tạo gồm 3 bộ phận: núm, mặt và thành cồng. Trong đó: núm là bộ phận được làm vòng theo hình bán cầu ở chính giữa mặt cồng, vị trí dùng để gõ, tạo ra âm thanh vang, ngân dài và có tiếng rung; mặt cồng là một mặt phẳng xung quanh núm, có hình vòng tròn - đây là bộ phận quyết định âm thanh như độ cao, sự tròn tiếng, đầy tiếng và độ vang; thành cồng là một bộ phận nối liền với mặt thành một bản rộng bao quanh và khum vào trong. Chiêng bằng cấu tạo gồm hai bộ phận: mặt chiêng và thành chiêng. Mặt chiêng là một mặt phẳng có hình vòng tròn, quyết định âm thanh như: độ cao, sự tròn tiếng, đầy tiếng và độ vang; thành chiêng nối liền với mặt chiêng thành một bản rộng bao quanh mặt chiêng và không khum vào trong.

[18] Lược trích từ: <http://www.hoiamnhachanoi.org/content/cong-chieng-mot-sang-tao-tay-nguyen> , 06/10/2017

[19] Lược trích từ <http://dantocmiennui.vn/54-dan-toc-viet-nam/dac-sac-cong-chieng-cua-dan-toc-mnong/172004.html>, 14/03/2018

Cồng chiêng M'ông gồm có 2 bộ: bộ chiêng 6 chiếc và bộ cồng 3 chiếc có kích thước khác nhau. Mỗi chiếc mang một chức năng riêng trong khi hòa điệu và có những tên gọi khác nhau tùy theo từng nhóm địa phương.

Người M'ông dùng năm tay phải đánh vào mặt chiêng, tay trái giữ mặt trong lòng chiêng để làm nhịp, điều chỉnh âm thanh. Riêng nhóm M'ông Chil ở Lăk đôi khi cũng đánh chiêng bằng dùi và tạo âm thanh ở mặt lõm, nhưng sự ảnh hưởng này chưa được phổ biến. Cồng được đánh bằng dùi, tác động tạo âm thanh ở mặt lồi, trên phần chóp núm. Khi tấu nhạc, cồng có thể được treo lên dàn rồi dùng tay trái giữ dây, tay phải đánh hoặc được úp vào hai đầu gối người chơi.

BÀI SOẠN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (2)

HOẠT ĐỘNG HÔ HẤP^[20]

(Lớp 8)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của cơ chế thông khí ở phổi;
- Trình bày được cơ chế trao đổi khí ở phổi và ở tế bào;
- Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến hô hấp sâu;
- Biết được những lợi ích của thở sâu đối với sức khỏe và thực hành thở sâu đúng cách;
- Mối liên hệ giữa hô hấp và kỹ thuật lấy hơi và nhả chữ bằng hơi bụng trong ca trù.

2. Kỹ năng

- Quan sát mô tả, tổng hợp, kiến thức thông qua quá trình trao đổi khí ở phổi và tế bào.

3. Thái độ

- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn;
- Rèn luyện và bảo vệ sức khỏe của hệ hô hấp nói riêng và bản thân nói chung;
- Ham học hỏi, tìm hiểu các sự vật hiện tượng xung quanh;
- Ứng dụng cách lấy hơi, hô hấp trong cuộc sống;
- Giáo dục học sinh ý thức yêu thích và tự hào di sản văn hóa dân tộc nói chung và Ca trù nói riêng, ý thức tôn trọng các nghệ nhân, và có ý thức trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

II. Các nội dung về di sản phi vật thể và phát triển bền vững được tích hợp trong bài

- Đôi nét về lịch sử và đặc trưng của Ca trù
- Kỹ thuật lấy hơi và duy trì hơi thở trong quá trình hát Ca trù

III. Phương tiện dạy học

- Dụng cụ mô hình cho sự thông khí ở phổi;
- Đoạn video về quá trình trao đổi khí ở phổi và ở tế bào;
- Một số nhạc cụ: đàn đáy, cỗ phách, cặp sênh, trống châu;

[20] Bài soạn của cô Vũ Thị Phương Thúy, GV môn Sinh học, Trường THCS Yên Hòa – Hà Nội.

- Một số tranh ảnh: Miệng, bụng khi lấy hơi hát các cách khác nhau sẽ cho kết quả khác nhau.

IV. Các hoạt động học tập

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Khởi động (3 phút)		
<p><i>a) Mục tiêu</i></p> <p>- Thấy được vai trò của hoạt động hô hấp khi hát</p> <p><i>b) Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV yêu cầu: Trải nghiệm hoạt động “Thử làm ca sĩ</p> <p>Gọi 2 học sinh lên và đưa cho các em 2 đoạn nhạc (một đoạn nhạc trẻ, một đoạn Ca trù) yêu cầu học sinh hát đội nào hát hay và giống nhất sẽ dành chiến thắng</p> <p>GV: Cả hai bạn hát bài đầu rất hay nhưng hơi gặp khó khăn ở bài thứ 2. Em có thể chia sẻ với cô điều gì khiến em cảm thấy không hát được?</p> <p>Các em có thấy đây bất kể dòng nhạc nào và đặc biệt Ca trù và nếu không biết cách lấy hơi và giọng không khỏe sẽ khó mà hát được</p> <p>Vậy kĩ thuật lấy hơi liên quan đến hoạt động hô hấp như nào? Liệu rằng có mối quan hệ nào giữa hoạt động hô hấp và hát Ca trù hay không?</p> <p>Chúng ta vào bài hôm nay</p> <p>Tiết 21: Hoạt động hô hấp</p>	<p>- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- Trả lời câu hỏi trước lớp.</p>	
1. Hoạt động: Tìm hiểu thông khí ở phổi (17 phút)		
<p><i>a) Mục tiêu</i></p> <p>- Học sinh trình bày được cơ chế thông khí ở phổi (sự thở)</p> <p>- Mô tả được sự phối hợp hoạt động của lồng ngực và các cơ hô hấp trong giai đoạn thông khí ở phổi.</p> <p><i>b) Phương pháp</i></p> <p>HS làm việc nhóm, chia lớp thành 5 nhóm trong thời gian 3 phút</p> <p>- Phân công nhóm trưởng, thư kí</p> <p>- Mỗi nhóm quan sát trên chính cơ thể mình khi hít vào và thở ra và ghi lại kết quả vào phiếu bài tập</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV: Cho cô biết hoạt động hô hấp diễn ra qua mấy giai đoạn đó là những giai đoạn nào?</p> <p>- GV: Trong buổi học hôm nay chúng ta còn được khám phá và trải nghiệm để thấy được ứng dụng của hoạt động hô hấp trong</p>	<p>- HS trả lời: Thông khí ở phổi, trao đổi khí ở phổi và trao đổi khí ở tế bào</p>	<p>- Động tác hít vào, thở ra giúp cho không khí trong phổi thường xuyên đổi mới</p>

<p>âm nhạc, cụ thể là dòng nhạc Ca trù</p> <p>- Các em đã học giai đoạn thông khí ở phổi giúp không khí luôn được đổi mới và nhờ động tác hít vào và thở ra.</p> <p><i>Động tác hít vào và thở ra được thực hiện nhờ những cơ quan nào?</i></p> <p>- Vậy cơ hoành, cơ liên sườn và lồng ngực đã có sự phối hợp hoạt động như nào?</p> <p>- Các nhóm đặt tay lên bụng, lên ngực chính cơ thể mình để thấy hoạt động của cơ hoành cùng với sự thay đổi thể tích lồng ngực khi hít vào và thở ra.</p> <p>Sau 3 phút GV cho 5 nhóm giờ bảng lên lần 1</p> <p>Gv: Chiếu video</p> <p>HS sau khi xem có thể dùng bút đỏ sửa lại đáp án</p> <p>GV chiếu kết quả lên trên màn hình chiếu để HS quan sát</p> <p>GV: hỏi kết quả các nhóm chốt kiến thức</p> <p>- GV: Chiếu lên hình ảnh vận động viên, ca sĩ hát rock</p> <p>- GV: Vậy đối với những người có nghề nghiệp đặc thù như trên nếu chỉ hô hấp thường thì có đáp ứng được nhu cầu oxy của cơ thể hay không? Để đáp ứng được họ phải thay đổi hô hấp như nào?</p> <p><i>Hít thở gắng sức khác hít thở thường như nào có ý nghĩa gì với cơ thể?</i></p> <p>- GV: Yêu cầu hs nghiên cứu SGK hình 21- 2 trong 2 phút trả lời câu hỏi:</p> <p>- Thế nào là khí bổ sung, khí lưu thông, khí dự trữ, khí cặn?</p> <p>- Hướng dẫn cả lớp cùng hít thở gắng sức học sinh trả lời câu hỏi</p>	<p>HS: Do hoạt động của lồng ngực và các cơ hô hấp (chủ yếu cơ hoành và cơ liên sườn)</p> <p>- Rèn luyện thở sâu hơn để lấy được nhiều khí hơn oxy => hít thở gắng sức</p>	<p>- Cơ hô hấp co + lồng ngực nâng lên -> Hít vào</p> <p>- Cơ hô hấp giãn + lồng ngực hạ xuống -> Thở ra</p>
---	---	--

<p>nêu trên</p> <p>+ Hít thở bình bình thường gọi là khí lưu thông</p> <p>+ Khi các em hít vào gắng sức gọi là khí bổ sung</p> <p>+ Khi thở ra hết sức gọi là khí dự trữ luôn còn 1 loại khí nằm trong phổi đó là khí cặn</p> <p>Làm thế nào tính được dung tích sống, dung tích phổi?</p> <p>Khi cô lấy 3 loại khí trên cộng với nhau cô được dung tích sống sau đó lấy dung tích sống cộng khí cặn cho ta dung tích phổi</p> <p>Vậy các con tính nhanh cho cô dung tích sống và dung tích phổi của cô Thúy Hòa</p> <p>Cô Phương Thúy</p> <table border="1" data-bbox="177 891 585 1391"> <thead> <tr> <th>Hít thở gắng sức</th> <th>Lượng khí</th> <th>Dung tích sống</th> <th>Dung tích phổi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khí bổ sung</td> <td>1690ml</td> <td rowspan="4">?</td> <td rowspan="4">?</td> </tr> <tr> <td>Khí lưu thông</td> <td>410ml</td> </tr> <tr> <td>Khí dự trữ</td> <td>650ml</td> </tr> <tr> <td>Khí cặn</td> <td>800ml</td> </tr> </tbody> </table> <p>Nghệ nhân Thúy Hòa</p> <table border="1" data-bbox="177 1458 585 1957"> <thead> <tr> <th>Hít thở gắng sức</th> <th>Lượng khí</th> <th>Dung tích sống</th> <th>Dung tích phổi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khí bổ sung</td> <td>2040ml</td> <td rowspan="4">?</td> <td rowspan="4">?</td> </tr> <tr> <td>Khí lưu thông</td> <td>730ml</td> </tr> <tr> <td>Khí dự trữ</td> <td>1030ml</td> </tr> <tr> <td>Khí cặn</td> <td>502ml</td> </tr> </tbody> </table> <p>GV: Vậy dung tích sống là gì?</p> <p>GV: Chốt kiến thức</p>	Hít thở gắng sức	Lượng khí	Dung tích sống	Dung tích phổi	Khí bổ sung	1690ml	?	?	Khí lưu thông	410ml	Khí dự trữ	650ml	Khí cặn	800ml	Hít thở gắng sức	Lượng khí	Dung tích sống	Dung tích phổi	Khí bổ sung	2040ml	?	?	Khí lưu thông	730ml	Khí dự trữ	1030ml	Khí cặn	502ml	<p>- HS trả lời</p> <p>- HS trả lời</p>	<p>Dung tích sống: là thể tích không khí lớn nhất mà một cơ thể có thể hít vào và thở ra.</p>
Hít thở gắng sức	Lượng khí	Dung tích sống	Dung tích phổi																											
Khí bổ sung	1690ml	?	?																											
Khí lưu thông	410ml																													
Khí dự trữ	650ml																													
Khí cặn	800ml																													
Hít thở gắng sức	Lượng khí	Dung tích sống	Dung tích phổi																											
Khí bổ sung	2040ml	?	?																											
Khí lưu thông	730ml																													
Khí dự trữ	1030ml																													
Khí cặn	502ml																													

<p>Hãy quan sát và so sánh số liệu trên bảng giữa 2 cô</p> <p><i>Dự đoán xem yếu tố nào dẫn đến cô Thúy Hòa có dung tích sống cao và đồng thời lượng khí cặn thấp như vậy?</i></p> <p>GV: Chiếu video của nghệ nhân Thúy Hòa</p> <p>Chính nhờ việc tập luyện cách hít thở sâu thường xuyên để lấy hơi trong hát Ca trù đã giúp nghệ nhân tăng về dung tích sống và giảm đáng kể khí cặn chính vì điều này đã mang lại rất nhiều lợi ích cho sức khỏe chúng ta.</p> <p>Vì vậy các con nên tập cho mình thói quen hít thở sâu và đúng cách mọi lúc mọi nơi.</p> <p>Vậy như nào là hô hấp đúng cách? Và nó mang lại lợi ích gì?</p> <p>GV: Hướng dẫn cả lớp hít thở sâu đúng cách</p> <p>Nếu các con làm được như này hàng ngày chúng ta sẽ có sức khỏe, trí tuệ và nguồn năng lượng tích cực</p> <p><i>Tại sao hít thở sâu lại mang đến cho chúng ta sức khỏe, trí tuệ và nguồn năng lượng tích cực?</i></p> <p><i>Chúng ta vào tìm hiểu phần tiếp theo sự trao đổi khí ở phổi và tế bào.</i></p>	<p>- Do quá trình tập luyện lấy hơi nhà chữ và điều tiết hơi thở của nghệ nhân</p> <p>- HS: Các nhóm đưa ra đáp án</p>	
<p>2. Tìm hiểu về sự trao đổi khí ở phổi và tế bào (10 phút)</p> <p><i>a) Mục tiêu</i></p> <p>- Trình bày được cơ chế trao đổi khí ở phổi và tế bào</p> <p><i>b) Phương pháp</i></p> <p>- Nhóm chuyên gia lên trình bày sự tìm hiểu của mình về quá trình trao đổi khí trên hình vẽ sau đó đặt câu hỏi cho các bạn ở dưới</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>GV: Hoạt động hô hấp cũng chính là hành trình oxy đi vào đến các tế bào cơ thể</p> <p>Giai đoạn thông khí ở phổi oxy đã được vào đến các phế nang ở phổi</p> <p>Vậy hành trình tiếp theo của oxy sẽ diễn ra như nào?</p> <p>Các con có muốn xem không?</p>	<p>- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>TĐK ở phổi và tế bào đều theo cơ</p>

<p>Mời các bạn oxy lên giới thiệu với các bạn về hành trình của mình</p> <p>GV: Nhận xét và chốt kiến thức</p> <p>GV: Bổ sung thêm</p> <p>Cung cấp oxy cho tế bào để thực hiện quá trình oxy hóa tạo ra năng lượng cho hoạt động sống của tế bào vào cơ thể.</p> <p>Chính vì vậy, càng hô hấp sâu càng lấy được nhiều khí oxy và giúp cơ thể tạo ra nhiều năng lượng hơn và cảm thấy khỏe mạnh hơn</p>	<p>- Nhóm chuyên gia đóng vai oxy lên trình bày trên tranh vẽ</p>	<p>chế khuếch tán từ nơi có nồng độ cao tới nơi có nồng độ thấp.</p> <p>1. Trao đổi khí ở phổi</p> <p style="text-align: center;">khí O₂</p> <p>Phế nang \rightleftharpoons Mao mạch máu</p> <p style="text-align: center;">khí CO₂</p> <p>2. Trao đổi khí ở tế bào</p> <p style="text-align: center;">khí O₂</p> <p>Mao mạch \rightleftharpoons Tế bào máu</p> <p style="text-align: center;">khí CO₂</p>
<p>3. Tìm hiểu kĩ thuật lấy hơi và duy trì hơi thở trong thanh nhạc cụ thể trong dòng nhạc ca trù (13 phút)</p> <p><i>a) Mục tiêu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đôi nét về lịch sử và đặc trưng của Ca trù - Kĩ thuật lấy hơi bằng bụng và duy trì hơi thở trong quá trình hát Ca trù - Giáo dục học sinh ý thức yêu thích di sản văn hóa dân tộc nói chung và Ca trù nói riêng, ý thức tôn trọng các nghệ nhân, và có ý thức trong bảo tồn và phát huy DSVH. <p><i>b) Phương pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu qua video và người nghệ nhân - Nghệ nhân sẽ là người trực tiếp hướng dẫn học sinh về kĩ thuật lấy hơi và nhả chữ bằng bụng thông qua câu hát cụ thể <p><i>c) Cách tiến hành</i></p> <p>Giao lưu giữa nghệ nhân và học sinh</p> <p>HS trải nghiệm luyện tập kĩ thuật lấy hơi bằng bụng qua một vài câu hát</p>		
<p>- GV dẫn dắt:</p> <p>Hít thở sâu và đúng cách ngoài việc mang lại lợi ích cho sức khỏe nó còn có vai trò rất trọng trong kĩ thuật lấy hơi của âm nhạc. Và hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu và được trải nghiệm với một dòng nhạc mà chỉ có ở Việt Nam đặc biệt dòng nhạc này đã được tổ chức UNESCO ghi danh là DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ vào năm 2009</p> <p>GV: Chiếu đôi nét về nghệ thuật Ca trù (2 phút)</p> <p>Trong trò chơi lúc đầu giờ các bạn chưa biết cách để hát được Ca trù</p> <p>Vậy lớp chúng ta có muốn được một nghệ nhân rất nổi tiếng và tên tuổi của cô gắn liền với Ca trù sẽ hát và dạy chúng ta hát được một vài câu hát Ca trù hay không?</p> <p>- Nghệ nhân: Trước khi hướng</p>	<p>Nghệ nhân giao lưu với HS và hướng dẫn học sinh lấy hơi thở để hát một vài câu hát trong ca trù</p>	

<p>dẫn các con một số kỹ thuật để hát cô nói qua chút để hát được thì đầu tiên phải lấy hơi đúng cách để nó trở thành phản xạ tự nhiên... kỹ thuật này hạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật lấy hơi, điều tiết hơi thở trong khi hát, khẩu hình trong khi hát - Kỹ thuật nảy hạt - Cô chia sẻ thêm quá trình khổ công rèn luyện và những lợi ích đối với cơ thể có khi cả một năm chỉ học hát một câu - Nghệ nhân đưa ra 1-2 câu hát hướng dẫn học sinh trải nghiệm <p>GV: Đưa ra 3 câu hỏi trắc nghiệm học sinh viết (3 phút)</p> <p>GV: Nói về giá trị PTBV (1 phút)</p> <p>Như vậy, luyện tập hát không chỉ mang lại những lợi ích về sức khỏe như hệ hô hấp khỏe mạnh, vui vẻ, trẻ lâu, điều cần thiết để đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại khi các con trưởng thành. Ở đây, tiếp cận và theo đuổi dòng nhạc Ca trù còn rèn cho chúng ta sự kiên trì bền bỉ và nghị lực vốn cũng hữu ích với cuộc sống và công việc của chúng ta sau này. Hơn hết, luyện tập hát Ca trù còn góp phần lan tỏa những nét đẹp tinh hoa văn hóa và truyền thống dân tộc mình.</p>	<p>- HS: Tham gia hoạt động nhận biết cách lấy hơi và hô hấp khác nhau sẽ tạo ra âm điệu khác nhau qua câu hát của nghệ nhân và các bạn</p>	
4. Hướng dẫn về nhà (2 phút)		
<p><i>a) Mục tiêu</i> Tăng cường khả năng và ý thức vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học về hoạt động hô hấp vào thực tiễn</p> <p><i>b) Phương pháp</i> HS tìm hiểu ở nhà (cá nhân/ nhóm) sau đó chia sẻ với các bạn trong lớp.</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<p>GV giao cho HS về nhà tìm hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thêm một số kỹ thuật giữ hơi thở trong khi hát quan họ Bắc Ninh - Đề xuất một số biện pháp góp phần bảo vệ di sản này. - Tìm hiểu một số biện pháp chăm sóc và bảo vệ hệ hô hấp 		<p>Tìm tòi mở rộng về kỹ thuật lấy hơi và luyện thanh trong các dòng nhạc được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể</p>

V. Phụ lục
Phiếu bài tập

Tiết 21 – Bài 21: Hoạt động hô hấp

Yêu cầu: Em hãy quan sát video và hoàn thành bảng sau

Cử động hô hấp	Hoạt động của các cơ - xương tham gia hô hấp			
	Cơ hoành	Cơ liên sườn	Hệ thống xương ức và xương sườn	Thể tích lồng ngực
Hít vào				
Thở ra				

Đáp án phiếu bài tập

Tiết 21 – Bài 21: Hoạt động hô hấp

Yêu cầu: Em hãy quan sát video và hoàn thành bảng sau

Cử động hô hấp	Hoạt động của các cơ - xương tham gia hô hấp			
	Cơ hoành	Hệ thống xương ức và xương sườn	Cơ liên sườn	Thể tích lồng ngực
Hít vào	co	nâng lên	co	tăng
Thở ra	dãn	hạ xuống	dãn	giảm

BÀI SOẠN ĐỊA LÍ

TÂY NGUYÊN

(Lớp 9)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
- Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, văn hóa của các dân tộc ở vùng này.

2. Kỹ năng

Sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam, tranh ảnh để xác định được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Tây Nguyên; nhận xét đặc điểm tự nhiên, dân cư, văn hóa của các dân tộc ở Tây Nguyên.

3. Thái độ

Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ các di sản văn hóa, trong đó có không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên.

Một số biểu hiện năng lực cần hình thành và phát triển:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí theo quan điểm không gian thông qua phân tích ảnh hưởng của vị trí địa

lí và đặc điểm tự nhiên vùng Tây Nguyên đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Năng lực giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí thông qua mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với hoạt động sản xuất ở Tây Nguyên.

- Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua:

+ Sử dụng bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh để tìm hiểu về đặc điểm vùng Tây Nguyên.

+ Khai thác internet để tìm hiểu, mở rộng hiểu biết về Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên.

II. Các nội dung về di sản PVT và PTBV được tích hợp trong bài

Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên (phân bố, ý nghĩa)

- Phân bố trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

- Ý nghĩa: là tiếng nói của tâm linh, tâm hồn con người, để diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, trong lao động và sinh hoạt hàng ngày của người dân Tây Nguyên.

III. Chuẩn bị của GV và HS

1. Giáo viên

- Bản đồ/lược đồ vùng Tây Nguyên.

- Một số tranh ảnh (hoặc video) về Tây Nguyên (cảnh quan, hoạt động sản xuất, lễ hội cồng chiêng).

2. Học sinh

- Sách vở, Atlas Địa lí Việt Nam và đồ dùng học tập.

- Một số tranh ảnh về hoạt động sản xuất của người dân Tây Nguyên và lễ hội cồng chiêng Tây Nguyên.

IV. Các hoạt động học tập

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Hoạt động 1: Khởi động		
<i>a) Mục tiêu</i> Tạo hứng thú, huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh đã biết về Tây Nguyên và những điều muốn biết về Tây Nguyên.		
<i>b) Phương pháp</i> Sử dụng phương tiện trực quan, gợi mở		
<i>c) Cách tiến hành</i>		
- GV yêu cầu HS dựa vào hình ảnh (xem phụ lục 1) và những kiến thức đã có, em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về vùng Tây Nguyên. - GV tổ chức cho HS báo cáo; trên cơ sở kết quả trả lời của HS, GV kết nối vào bài mới.	- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. - Trả lời câu hỏi trước lớp.	
Hoạt động 2: Tìm hiểu về vị trí và giới hạn của vùng Tây Nguyên		
<i>a) Mục tiêu</i> Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.		
<i>b) Phương pháp</i> Sử dụng phương tiện trực quan, gợi mở		
<i>c) Cách tiến hành</i>		

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên và SGK, hãy xác định vị trí, giới hạn của vùng. - Quan sát HS thực hiện nhiệm vụ. - Tổ chức để HS báo cáo kết quả. - Chốt lại nội dung chính; nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào lược đồ, SGK thực hiện nhiệm vụ. - Báo cáo trước lớp. - Nhận xét, bổ sung. 	<p>Tây Nguyên không tiếp giáp với biển nhưng tiếp giáp và có mối liên hệ với Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Lào và Cam-pu-chia.</p>
<p>Hoạt động 3: Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên</p> <p><i>a) Mục tiêu</i> Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.</p> <p><i>b) Phương pháp</i> Sử dụng phương tiện trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, thảo luận</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào lược đồ tự nhiên Tây Nguyên, tranh ảnh, kiến thức trong SGK và những hiểu biết hãy: + Hoàn thành phiếu học tập: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở vùng Tây Nguyên (xem phụ lục 2). + Nêu những hạn chế về tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội ở Tây Nguyên. - Quan sát các nhóm thực hiện nhiệm vụ. - Tổ chức để các nhóm báo cáo kết quả. - Chốt lại nội dung chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. - Trao đổi, thảo luận, thống nhất kết quả chung của cả nhóm. - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả. - Nhận xét, bổ sung, đánh giá lẫn nhau. 	<p>Thông tin phản hồi ở phụ lục 3</p>
<p>Hoạt động 4: Tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội</p> <p><i>a) Mục tiêu</i> Trình bày được đặc điểm dân cư, văn hóa của các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.</p> <p><i>b) Phương pháp</i> Sử dụng phương tiện trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, giảng giải, thảo luận</p> <p><i>c) Cách tiến hành</i></p>		
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Bước 1</i> + GV yêu cầu HS: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã có hãy cho biết các dân tộc sống ở Tây Nguyên; mật độ dân số ở vùng này. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân HS dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết tên các dân tộc sinh sống ở Tây Nguyên và nhận xét về mật 	

<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức cho HS báo cáo, nhận xét, bổ sung. - Chốt lại nội dung chính 	<p>độ dân số ở vùng này.</p> <p>Báo cáo kết quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các dân tộc sống ở Tây Nguyên gồm có người Kinh và nhiều dân tộc ít người: Gia-rai, Ê-đê, Bana, Mnông... - Mật độ dân số ở Tây Nguyên thấp nhất cả nước.
<p>- <i>Bước 2</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + GV yêu cầu HS cho biết ở Tây Nguyên có những lễ hội nào? di sản văn hóa nào được UNESCO công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại? Hãy nêu những hiểu biết của mình về di sản văn hóa đó. + Tổ chức để HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. <p>- Sau khi một vài HS báo cáo, nhận xét xong, GV giới thiệu, chốt lại nội dung chính về di sản văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên (lưu ý sử dụng hình ảnh minh họa hoặc video để bài học thêm sinh động) để HS thấy được ý nghĩa của di sản này và có ý thức, trách nhiệm bảo vệ. (tham khảo phụ lục 3)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở những hiểu biết/sự chuẩn bị trước, HS báo cáo về các lễ hội, Cồng chiêng Tây Nguyên. - Nhận xét, bổ sung. - Theo dõi và ghi chép những nội dung chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Các dân tộc Tây Nguyên có bản sắc văn hóa phong phú. - Cồng chiêng Tây Nguyên đã được công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại. - Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. - Cồng chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của người Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm linh, tâm hồn con người, để diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, trong lao động và sinh hoạt hàng ngày của họ.
<p>- <i>Bước 3</i></p> <p>GV yêu cầu HS dựa vào SGK và hiểu biết của bản thân để:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu một số chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội ở Tây Nguyên. + Đề xuất giải pháp phát triển ở Tây Nguyên. 		

<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức để HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. - GV chốt lại nội dung chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ. - Trao đổi, thảo luận với bạn bên cạnh để thống nhất kết quả. - Đại diện báo cáo; nhận xét, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đời sống của dân cư Tây Nguyên đang được cải thiện, tuy nhiên nhiều chỉ tiêu phát triển dân cư, xã hội cho thấy đây vẫn là vùng khó khăn của đất nước. - Ngăn chặn nạn phá rừng, tăng cường đầu tư phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo...
--	---	---

V. Đánh giá

Câu 1. Về vị trí địa lí, Tây Nguyên không tiếp giáp với

- A. biển.
- B. Lào và Cam-pu-chia.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 2. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên ở Tây Nguyên là

- A. địa hình chia cắt phức tạp.
- B. thiếu nước vào mùa khô.
- C. ngập lụt vào mùa mưa.
- D. thường xuyên có lũ quét.

Câu 3. Tây Nguyên trồng được nhiều cây công nghiệp chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh.
- B. Đất phù sa màu mỡ, khí hậu cận xích đạo.
- C. Đất badan rộng lớn, khí hậu cận xích đạo.
- D. Nguồn nước dồi dào quanh năm, đất tốt.

Câu 4. Hãy trình bày đặc điểm dân cư ở Tây Nguyên.

Câu 5. Hãy giới thiệu lại cho mọi người biết về không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên.

VI. Hoạt động tiếp nối

GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Sưu tầm thêm những thông tin, tư liệu về không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên; đưa ra những đề xuất góp phần bảo vệ di sản này.
- Tìm hiểu trước về hoạt động sản xuất nông nghiệp (sản xuất cà phê) và công nghiệp (thủy điện) ở Tây Nguyên.

VII. Phụ lục

Phụ lục 1: Hoạt động khởi động

Một số hình ảnh về tự nhiên, dân cư, kinh tế ở Tây Nguyên^[21]



Phụ lục 2: Phiếu học tập – Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở vùng Tây Nguyên

Tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm nổi bật	Thế mạnh kinh tế	Hạn chế
Địa hình			
Đất			
Khí hậu			

[21] Sưu tầm internet

Tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm nổi bật	Thế mạnh kinh tế	Hạn chế
Nước			
Khoáng sản			
Rừng			

Thông tin phản hồi

Phiếu học tập: Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ở vùng Tây Nguyên

Tài nguyên thiên nhiên	Đặc điểm nổi bật	Thế mạnh kinh tế	Hạn chế
Địa hình	Cao nguyên xếp tầng	- Xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp. - Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện (các bậc thang thủy điện).	- Mùa khô kéo dài dẫn tới nguy cơ thiếu nước và cháy rừng nghiêm trọng. - Nạn chặt phá rừng ảnh hưởng xấu tới môi trường và đời sống dân cư. - Ngoài ra còn có các hạn chế khác....
Đất	Chủ yếu là đất đỏ badan	Phát triển cây công nghiệp.	
Khí hậu	Nhiệt đới cận xích đạo	- Thích hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là cây công nghiệp. - Ở các cao nguyên khí hậu mát, cảnh quan đẹp, thích hợp phát triển du lịch.	
Nước	Nguồn nước dồi dào, nhiều sông lớn.	Phát triển thủy điện.	
Khoáng sản	Chủ yếu là bôxít	Phát triển công nghiệp khai khoáng.	
Rừng	Diện tích và độ che phủ rừng lớn nhất cả nước.	Phát triển ngành khai thác và chế biến lâm sản.	

Phụ lục 3: Cồng chiêng Tây Nguyên – Kiệt tác văn hóa của nhân dân^[22]

Ngày 25-11-2005, Văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên của Việt Nam đã được UNESCO chính thức công nhận là kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại. Sau Nhã nhạc Cung đình Huế, Cồng chiêng Tây Nguyên là di sản văn hóa phi vật thể thứ hai của Việt Nam được tôn vinh là di sản của thế giới.

Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên trải rộng suốt 5 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng và chủ nhân của loại hình văn hóa đặc sắc này là cư dân các dân tộc Tây Nguyên: Bana, Xêđăng, Mnông, Cơho, Rơmăm, Êđê, Giarai... Cồng chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của người Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm linh, tâm hồn con người, để diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, trong lao động và sinh hoạt hàng ngày của họ.

Từ thuở sơ khai, cồng chiêng được đánh lên để mừng lúa mới, xuống đồng; biểu hiện của tín ngưỡng - là phương tiện giao tiếp với siêu nhiên... âm thanh khi ngân nga sâu lắng, khi thổi thúc trầm hùng, hòa quyện với tiếng suối, tiếng gió và với tiếng lòng người, sống mãi cùng với đất trời và con người Tây Nguyên. Tất cả các lễ hội trong năm, từ lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh đến lễ bỏ mả, lễ cúng máng nước, lễ mừng cơm mới, lễ đóng cửa kho... hay trong một buổi nghe khan... đều phải có tiếng cồng. Tiếng chiêng dài hơn đời người, tiếng chiêng nối liền, kết dính những thế hệ.

[22] vanhoavietnam.vn

Tồn tại trên mảnh đất Tây Nguyên hùng vĩ đã hàng ngàn đời nay, nghệ thuật cồng chiêng ở đây đã phát triển đến một trình độ cao. Cồng chiêng Tây Nguyên rất đa dạng, phong phú.

Hiện nay, tại hầu hết các buôn làng Tây Nguyên đều có những đội cồng chiêng phục vụ đồng bào trong sinh hoạt cộng đồng, trong dịp hội hè. Vào ngày lễ tết, hình ảnh quen thuộc “bên ngọn lửa thiêng, những vòng người say sưa múa hát trong tiếng cồng chiêng vang động núi rừng” lại xuất hiện trên khắp các buôn làng. Các nghệ nhân dân gian diễn tấu cồng chiêng kết hợp với nhau rất hài hòa, tạo nên những bản nhạc với các tiết tấu, hòa thanh rất phong phú, mang sắc thái riêng với muôn vàn cung bậc. Mỗi dân tộc đều có những bản nhạc cồng chiêng riêng để diễn tả vẻ đẹp thiên nhiên, khát vọng của con người... Âm thanh của cồng chiêng còn là chất men lôi cuốn gái trai vào những điệu múa hào hứng của cả cộng đồng trong những ngày hội của buôn làng. Đây là sinh hoạt văn hóa dân gian nổi bật nhất ở nhiều dân tộc Tây Nguyên.



Cồng chiêng Tây Nguyên^[23]

BÀI SOẠN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG
(Lớp 6)

Nghi lễ và trò chơi Kéo co^[24]
Thời gian: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của DSVHPVT “Nghi lễ và trò chơi kéo co”

[23] Nguồn ảnh: <https://www.baogialai.com.vn>

[24] Bài soạn có sự góp ý, chỉnh sửa của cô Nguyễn Thị Loan, GV phụ trách Hoạt động trải nghiệm, Trường THCS Thực nghiệm KHGD, Hà Nội.

- Nêu được ý nghĩa văn hóa, tinh thần của “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co” trong truyền thống của dân tộc ta.

2. Kỹ năng

- Hợp tác và làm việc nhóm
- Thể hiện ý tưởng thông qua biểu tượng, hình ảnh
- Nói trước đám đông

3. Thái độ

- Yêu quý, trân trọng và có ý thức gìn giữ, bảo tồn “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co” cũng như các di sản VHPVT khác của đất nước; có ý thức tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam.

4. Một số biểu hiện năng lực cần hình thành và phát triển

- Năng lực hợp tác: học cách cùng tham gia, cùng hợp lực trong các hoạt động và trò chơi để giành chiến thắng chung cho đội;
- Năng lực cảm thụ thẩm mỹ: nhận biết và trân trọng vẻ đẹp văn hóa, tinh thần của các di sản VHPVT nói chung, của Nghỉ lễ và trò chơi kéo co nói riêng.

II. Các nội dung về di sản văn hóa phi vật thể và phát triển bền vững được tích hợp trong bài

- Một số đặc điểm cơ bản của “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co”
- Ý nghĩa văn hóa truyền thống của “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co”
- Cách thức tiến hành “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co”

III. Chuẩn bị của GV và HS

1. Giáo viên

- Sưu tầm một số đoạn phim ngắn về các hình thức kéo co để chiếu cho HS.
(Ví dụ tham khảo: Đoạn phim số 1 - Kéo co trở thành di sản thế giới
<https://www.youtube.com/watch?v=NIShaqCNpQg>
Đoạn phim số 2 - Kéo co ngồi ở Long Biên, Hà Nội:
<https://www.youtube.com/watch?v=KNVSBcbcdck>
(Có thể cắt ngắn các clip nếu thời lượng không cho phép xem đầy đủ)
- Bộ câu hỏi – đáp án cho các hoạt động hỏi – đáp sau xem phim.
- Cuộn dây thừng loại nhỏ, cắt rời thành từng đoạn cho hoạt động thử bện dây kéo co.
- 1 đoạn dây thừng loại lớn, 2 dải băng đỏ để thi kéo co; cờ hiệu lệnh (hoặc còi), phần thưởng vui vẻ cho các đội (đội thắng và tất cả các đội tham gia).
- Găng tay (không trơn trượt) để hỗ trợ động tác kéo co của HS khi thực hành trò chơi (nếu có).

2. Học sinh

- Trước buổi học một tuần, tìm hiểu thông tin về “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co” thông qua mạng internet, sách báo, hỏi người thân...
- Cùng GV chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ, tài liệu... cho buổi trải nghiệm.

IV. Các hoạt động học tập

- Ổn định lớp
- Giới thiệu nhanh với HS mục đích, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm ngày hôm nay; bao gồm những trò chơi, hoạt động cụ thể nào...

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
Hoạt động 1: Đi tìm di sản (5 phút)		

<p>a) <i>Mục tiêu</i> HS nhận biết một số trò chơi dân gian của Việt Nam, biết được kéo co là di sản văn hóa phi vật thể đa quốc gia đầu tiên mà Việt Nam tham gia và được UNESCO vinh danh.</p> <p>b) <i>Phương pháp</i>: Hỏi đáp nhanh và xem clip.</p> <p>c) <i>Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV giới thiệu mục đích của trò chơi khởi động. (Lưu ý, để cho hoạt động hấp dẫn, GV không nói trước tên bài trải nghiệm hôm nay)</p> <p>- GV mời một số học sinh nêu tên các trò chơi dân gian mà các em biết.</p> <p>- Trong số những trò chơi vừa nêu, có một trò chơi đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể, có bạn nào biết tên trò chơi đó không?</p> <p>d) <i>Kết luận</i>: GV giới thiệu chủ đề trải nghiệm về Nghi lễ và trò chơi kéo co.</p> <p>- GV giới thiệu nhanh với HS khái niệm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.</p> <p>- Chiếu đoạn phim ngắn số 1, nội dung về Nghi lễ và trò chơi kéo co được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đa quốc gia.</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- HS thử phân biệt thế nào là DSVH vật thể và phi vật thể (trước khi GV giải thích).</p>	<p>Mục đích trò chơi: Khởi động, dẫn dắt HS bắt đầu tìm hiểu về “Nghi lễ và trò chơi kéo co”.</p>
<p>Hoạt động 2: Thi giải đố nhanh – “Ai biết nhiều hơn?” (30 phút)</p>		
<p>a) <i>Mục tiêu</i> HS được tìm hiểu về đặc điểm cơ bản và ý nghĩa của “Nghi lễ và trò chơi kéo co” thông qua cuộc thi giải đố nhanh.</p> <p>b) <i>Phương pháp</i>: Thi giải đố nhanh theo nhóm để tìm hiểu về nội dung di sản VHPVT</p> <p>c) <i>Cách tiến hành</i></p>		
<p>- GV phổ biến cách chơi, luật chơi.</p> <p>- Sau khi xem đoạn phim ngắn số 1, GV mời HS trả lời các câu hỏi sau:</p> <p><i>Câu 1. “Nghi lễ và trò chơi kéo co” là di sản VHPVT được công nhận ở quốc gia nào?</i></p> <p><i>Câu 2. Theo truyền thống, “Nghi lễ và trò chơi kéo co” thể hiện mong ước gì của nhà nông?</i></p> <p><i>Câu 3. “Nghi lễ và trò chơi kéo co” thường được tổ chức trong các lễ</i></p>	<p>HS giơ tay để giành quyền trả lời</p>	<p>Cách chơi, luật chơi:</p> <p>- Căn cứ vào nội dung đoạn phim số 1 đã xem, HS nghe câu hỏi và giơ tay để giành quyền trả lời.</p> <p>- GV kết luận: Kéo co không chỉ là một trò chơi, nó là một hình thức diễn xướng</p>

<p><i>hội vào mùa nào?</i></p> <p>- GV chiếu một số hình ảnh về kéo co ở Hàn Quốc, Campuchia, Philippines.</p> <p>- GV tiếp tục đưa ra một số câu hỏi để HS cùng tìm hiểu:</p> <p><i>Câu 4. Quy định về đội chơi kéo co như thế nào?</i></p> <p><i>Câu 5. Quy định về giới tính khi tham gia kéo co là gì?</i></p> <p><i>Câu 6. Quy định về chất liệu của dây kéo co là gì?</i></p> <p><i>Câu 7. Quy định về địa hình thực hiện kéo co như thế nào?</i></p> <p><i>Câu 8. Nghi lễ và trò chơi kéo co được thực hành ở các dân tộc nào của Việt Nam?</i></p> <p>- GV trình chiếu, giới thiệu một số hình ảnh về Nghi lễ và trò chơi kéo co của các dân tộc ở Việt Nam.</p>	<p>HS xem ảnh</p> <p>HS trả lời và đặt thêm câu hỏi, nếu có.</p> <p>HS trả lời.</p>	<p>dân gian trong các lễ hội nông nghiệp truyền thống. Nó thể hiện mong ước về mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu của người nông dân. Vì thế, nghi lễ và trò chơi kéo co thường được tổ chức vào mùa xuân và phổ biến ở các quốc gia Đông và Đông Nam Á.</p> <p>- GV kết luận: Là một trò chơi lâu đời và gần như không thay đổi từ khi xuất hiện, kéo co khá đơn giản về hình thức chơi: chia 2 phe có số người tương đương nhau, có trọng tài điều khiển, khi kéo dài vải đỏ nghiêng về phía bên nào thì bên đó thắng.</p> <p>Tuy nhiên, với mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, chất liệu để làm dây kéo co lại có sự khác biệt. Người Hàn Quốc dùng rơm bện thành dây để kéo. Ở Việt Nam, tre, song, mây, dây thừng là những chất liệu phổ biến được dùng làm dây kéo co vì nó gắn với khí hậu nhiệt đới, đặc điểm về thổ nhưỡng.</p> <p>- Ở Việt Nam, Di sản kéo co chủ yếu được thực hành ở những cộng đồng có truyền thống làm nông nghiệp trồng lúa, tập trung ở Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Lào Cai. Một số địa phương có hình thức kéo co đặc trưng, tiêu biểu như:</p> <p>- Hà Nội: “Kéo co ngòi” ở phường Thạch Bàn, quận Long Biên; “Kéo mỏ” ở xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn (kéo dây song)</p> <p>- Vĩnh Phúc: “Kéo song” ở thị trấn Hương Canh (kéo dây song)</p> <p>- Bắc Ninh: “Kéo co “Thôn Hữu Chấp, xã Hòa Long, Bắc Ninh (kéo con tre)</p> <p>- Lào Cai: “Kéo co”, “kéo mây” phổ biến ở các cộng đồng Tày, Giáy (kéo dây hoặc kéo người)</p>
<p>Hoạt động 3. “Chạm” vào di sản (10 phút)</p>		
<p>a. Mục tiêu</p> <p>- Học sinh được trải nghiệm việc bện dây thừng để dùng vào mục đích kéo co, nêu được nét đặc trưng của vật liệu dùng làm dây kéo trong Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam.</p> <p>- HS được tìm hiểu thêm về nghi lễ và trò chơi Kéo co ngòi ở Thạch Bàn, Long Biên (Hà Nội).</p> <p>b. Phương pháp: Làm việc nhóm và hỏi đáp nhanh qua clip.</p> <p>c. Cách tiến hành</p>		
<p>- GV chia HS thành các nhóm 3 hoặc 4 người (tùy theo số dây có được).</p>	<p>HS làm việc nhóm, cùng thử bện dây thừng.</p>	

<p>- GV phát cho mỗi nhóm học sinh 3 sợi dây thừng nhỏ, đề nghị các em nghĩ cách làm thành một sợi dây to, chắc chắn hơn.</p> <p>- GV chiếu đoạn phim ngắn số 2 về kéo co ngồi ở Thạch Bàn, Long Biên. Lưu ý các em ghi nhớ những thông tin trong clip.</p> <p>Sau khi xem, HS trả lời các câu hỏi:</p> <p><i>Câu 1. Thi kéo co ở Thạch Bàn, Long Biên có mấy mạn tham gia?</i></p> <p><i>Câu 2. Khi tham gia Nghi lễ và trò chơi kéo co ngồi ở đền Trấn Vũ, Long Biên, Hà Nội, các mạn tham gia cần dâng lễ cúng thần nào?</i></p> <p><i>Câu 3. Lễ vật dâng cúng thần của các mạn ở Nghi lễ và trò chơi kéo co ngồi ở Thạch Bàn, Long Biên gồm những gì?</i></p> <p><i>Câu 4. Xuất xứ của Nghi lễ kéo co ngồi ở Thạch Bàn (Quận Long Biên, Hà Nội) bắt đầu từ đâu?</i></p>	<p>HS xem phim và ghi nhớ các thông tin trong đoạn phim.</p> <p>HS trả lời, đặt thêm câu hỏi (nếu có)</p>	<p>GV kết luận: Nghi lễ và trò chơi kéo co phản ánh tính gắn kết cộng đồng, sức mạnh tập thể; giá trị của môi trường tự nhiên hài hòa, cân bằng (mưa thuận gió hòa) đối với sự phát triển kinh tế, xã hội từ xưa đến nay. Từ đó, chúng ta thấy được vai trò của di sản này trong việc chuyển tải thông điệp về thái độ ứng xử tích cực của các thế hệ cha ông chúng ta đối với môi trường tự nhiên.</p>
<p>Hoạt động 4: Thực hành chơi kéo co (40 phút)</p> <p>a) Mục tiêu</p> <p>HS được trải nghiệm chơi trò chơi kéo co và rút ra những bài học có ý nghĩa từ trò chơi.</p> <p>b) Phương pháp: Thực hành trò chơi kéo co trên sân trường.</p> <p>c) Cách tiến hành</p>		
<p>- <i>Bước 1:</i> GV giới thiệu tên và mục đích trò chơi</p> <p>- <i>Bước 2:</i> GV hướng dẫn cách chơi</p> <p>- GV hướng dẫn, làm mẫu kỹ thuật khi chơi kéo co: cách cầm dây, một số lưu ý về sắp xếp đội hình, người hô nhịp trong quá trình chơi...</p> <p>- GV lưu ý về cách chơi hiệu quả để giành chiến thắng:</p>	<p>HS chơi kéo co</p> <p>- HS lắng nghe, làm thử</p> <p>- HS sắp xếp 4 đội có số lượng người bằng nhau</p> <p>- HS nắm rõ luật chơi</p>	<p>* Mục đích trò chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần giữ gìn và phổ biến trò chơi dân gian của dân tộc Việt Nam - Vừa học vừa chơi, tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho mọi người - Rèn luyện thể chất, sức mạnh dẻo dai; kỹ năng phối hợp, thể hiện tinh thần đoàn kết, tập thể, tính kỉ luật cao. <p>* Cách chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một cuộc kéo co: 2 đội có số người bằng nhau. - 2 đội sẽ cùng nắm chắc vào một sợi dây thừng. - Vẽ đường phấn (hoặc đặt vật làm mốc) làm chỉ giới giữa hai đội chơi (dải lụa đỏ kéo được qua vạch phấn của bên nào thì bên đó thắng) - Khi có hiệu lệnh, các thành viên của mỗi đội chơi nắm chặt hai tay vào dây, đội nào

<p>+ Thiết lập đội hình hợp lí trước khi kéo co (ai đứng trước, ai sau)</p> <p>+ Tư thế, trang phục sẵn sàng, vững chắc khi kéo co để không có ‘sự cố’</p> <p>+ Tập trung toàn tâm toàn lực khi thi đấu; hợp tác hiệp đồng tốt trong nhóm.</p> <p>+ Cần có một người hô to để bắt nhịp cho toàn đội.</p>	<p>- HS bốc thăm cặp đội thi đấu trước và thứ tự thi đấu.</p> <p>- HS chuẩn bị, sắp xếp đội hình và thống nhất “chiến thuật” chơi của đội.</p>	<p>kéo được điểm đánh dấu (bằng một dây lụa đỏ) về phía mình là đội đó thắng cuộc.</p> <p>- Mỗi cuộc thi đấu gồm 3 keo, đội nào thắng liên tiếp 2 keo thì đội đó giành phần thắng, không cần thi đấu keo thứ 3. Mỗi keo chỉ kéo dài tối đa 1 phút (để tránh HS bị mất sức). Mỗi keo thắng được 2 điểm. Thua không có điểm.</p> <p>- Nếu 3 trận đều hoà, thi đấu thêm hiệp phụ, 30 giây. Đội nào thắng hiệp phụ được tính là thắng chung cuộc.</p> <p>- 2 đội thắng cuối cùng sẽ vào trận chung kết giành chức vô địch kéo co.</p>
<p>- <i>Bước 3:</i> GV tổ chức trò chơi.</p> <p>d) Kết luận: GV cùng HS chốt lại kết quả, ý nghĩa của trò chơi; những điều các em đã biết được sau trải nghiệm hôm nay.</p>	<p>- Các đội thi đấu theo thể thức và luật chơi đã thống nhất.</p>	

V. Đánh giá

GV hướng dẫn để HS tự đánh giá hoạt động bằng cách Phỏng vấn chéo giữa các nhóm: Nhóm 1 phỏng vấn Nhóm 2, Nhóm 2 phỏng vấn Nhóm 3... tiếp tục như vậy, cuối cùng Nhóm 4 phỏng vấn lại Nhóm 1. (Đánh giá có thể tiến hành ngay tại sân trường, sau khi chơi Kéo co, hoặc trong lớp học).

- Mỗi đội cử ra 1 người đóng vai Phóng viên, 1 người đóng vai Người phát ngôn của nhóm.

- GV trình chiếu 5 câu hỏi phỏng vấn dưới đây lên bảng (hoặc ghi sẵn vào thẻ màu để các nhóm chọn ngẫu nhiên):

- (1) Cảm nhận của bạn sau khi tham gia các hoạt động hôm nay liên quan đến Nghi lễ và Trò chơi kéo co như thế nào?
- (2) Qua các hoạt động đó, bạn biết thêm điều gì về “Nghi lễ và trò chơi kéo co”?
- (3) Theo bạn, ý nghĩa của “Nghi lễ và trò chơi kéo co” là gì?
- (4) Bạn sẽ làm gì để tuyên truyền, phổ biến Di sản văn hoá phi vật thể “Nghi lễ và trò chơi kéo co” trong cộng đồng?

VI. Hoạt động tiếp nối

- GV hướng dẫn HS về nhà kể lại buổi hoạt động trải nghiệm hôm nay với cha mẹ, anh chị em, người thân trong gia đình, và hỏi họ xem mọi người đã từng chơi (hoặc xem) trò này chưa, chơi hoặc xem trong hoàn cảnh nào, ở đâu.... Hỏi cảm nhận của mọi người khi chơi/xem trò chơi này.

- Khuyến khích HS chủ động chia sẻ với người thân về ý nghĩa của Nghi lễ và Trò chơi kéo co, về những điều mình đã học được từ các hoạt động hôm nay.

VII. Phụ lục

Phụ lục 1: Đáp án cho các câu hỏi trong Hoạt động 2 (Thi hỏi đáp nhanh)

Câu 1. “Nghi lễ và trò chơi kéo co” là di sản VHPVT được công nhận ở quốc gia nào?

- a. Chỉ ở Việt Nam
- b. Việt Nam và Trung Quốc
- c. Việt Nam và Hàn Quốc

d. Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc, Philippines

Đáp án: d

Câu 2. Theo truyền thống, “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co” thể hiện mong ước gì của nhà nông?

- a. Mong mọi người luôn đoàn kết, yêu thương nhau
- b. Mong các cuộc hôn nhân vững chắc
- c. Mong cầu mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống yên vui
- d. Cả ba ý trên đều đúng

Đáp án: c

Câu 3. “Nghỉ lễ và trò chơi kéo co” thường được tổ chức trong các lễ hội vào mùa nào?

- a. Mùa xuân
- b. Mùa hè
- c. Mùa thu
- d. Mùa đông

Đáp án: a

Câu 4. Quy định về đội chơi kéo co như thế nào là đúng nhất?

- a. Số đội chơi phải là số lẻ
- b. Hai đội chơi phải có số lượng người bằng nhau
- c. Mỗi đội chơi không được vượt quá 10 người
- d. Không có quy định cụ thể

Đáp án: b

Câu 5. Quy định về giới tính khi tham gia kéo co là gì?

- a. Không phân biệt giới tính khi chơi
- b. Nếu một đội nam kéo co với một đội nữ, luật chơi là đội nam luôn thắng
- c. Nữ không được tham gia kéo co

Đáp án: a

Câu 6. Quy định về chất liệu của dây kéo co là gì?

- a. Dây kéo co luôn phải là dây thừng
- b. Dây kéo co có thể sử dụng bất cứ chất liệu nào cũng được
- c. Dây kéo co có thể làm bằng thừng, bện rơm, thanh tre, mây

Đáp án: b

Câu 7. Quy định về địa hình thực hiện kéo co như thế nào?

- a. Địa hình cần hơi nghiêng và dốc
- b. Địa hình nào cũng được
- c. Địa hình cần bằng phẳng, rộng rãi

Đáp án: c

Câu 8. Nghỉ lễ và trò chơi kéo co được thực hành ở các dân tộc nào của Việt Nam?

- a. Người Tày ở Tuyên Quang
- b. Người Thái ở Lai Châu
- c. Người Giáy ở Lào Cai
- d. Người Tày (Tuyên Quang), Thái (Lai Châu), Giáy (Lào Cai)

Đáp án: d

Phụ lục 2: Thông tin tham khảo về Nghi lễ và trò chơi kéo co ^[25]

Nghi lễ và trò chơi kéo co được thực hành rộng rãi trong văn hóa trồng lúa ở một số quốc gia châu Á, thể hiện mong ước của cư dân nông nghiệp cầu mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt, cuộc sống yên vui, vật thịnh. Nghi lễ và trò chơi kéo co thường được tổ chức trong các lễ hội, đặc biệt là các lễ hội mùa xuân. Ở từng quốc gia, từng địa phương, kéo co có đôi chút khác biệt trong cách thức tổ chức, phản ánh đặc điểm lịch sử, văn hóa, bối cảnh sinh hoạt riêng.

Nghi lễ và trò chơi kéo co được sinh ra và nuôi dưỡng bởi cộng đồng, là sinh hoạt văn hóa lâu đời, tín ngưỡng, tập quán quan trọng trong cộng đồng. Trong các lễ hội cổ truyền, kéo co thường có trong phần hội, thể hiện tinh thần tập thể, tính kỷ luật, sức mạnh đoàn kết của cả cộng đồng, ý chí vươn lên giành chiến thắng, rèn luyện thể chất, sức mạnh dẻo dai, sự khôn khéo và sức chịu đựng của con người, giúp con người phát triển toàn diện về trí, đức, tài, nghệ.



Kéo co là một nghi thức và trò chơi phổ biến ở Việt Nam

Kéo co có cách thức tổ chức, đạo cụ và sân chơi đơn giản. Một cuộc kéo co có 2 đội, số lượng người đều nhau. Hai đội sẽ cùng nắm chắc vào một sợi dây thừng hoặc song tre, ở điểm giữa của dây/ song tre được đánh dấu bằng một dây lụa đỏ làm mốc. Khi hiệu lệnh vang lên, các thành viên của mỗi đội chơi nắm chặt hai tay vào dây/ song tre, đội nào kéo được điểm đánh dấu về phía mình là đội đó thắng cuộc.

Mỗi cuộc thi đấu gồm 3 keo, đội nào thắng liên tiếp 2 keo thì đội đó giành phần thắng, không cần thi đấu keo thứ 3. Mỗi hiệp thường chỉ kéo dài vài phút, thời lượng do ban tổ chức quy định, do vậy đòi hỏi các thành viên của mỗi đội chơi phải rất cố gắng. Có nơi người ta lấy tay người, sức người để trực tiếp kéo co. Hai người đứng đầu hai bên nắm lấy tay nhau, còn người sau ôm bụng người trước mà kéo. Giữa cuộc thi, bên nào bị đứt người là thua cuộc.

Trong các lễ hội, bất kỳ khi nào trò kéo co diễn ra, không khí sẽ trở nên vô cùng náo nhiệt, tạo thành tâm điểm của sự chú ý. Từ những người trực tiếp kéo co đến những người phục vụ đội kéo co và cả người dân đến dự, đều náo nức tham gia, cổ vũ vô tư, không vụ lợi hay mang tâm lý thắng thua.

[25] <http://thegioidisan.vn/vi/nghi-le-va-tro-choi-keo-co-trong-le-hoi-mua-xuan.html>



Trò chơi kéo co trong một lễ hội tại vùng núi phía Bắc Việt Nam

Người xem đứng thành vòng tròn bên ngoài hò reo, cổ vũ cho các đội chơi, thậm chí có nơi còn dùng trống, chiêng đánh dồn để cổ vũ làm cho không khí thêm phần sôi động. Kéo co là môn thể thao dễ chơi và ai cũng có thể tham gia vì không phải đầu tư nhiều cho dụng cụ và rất phù hợp với các lễ hội vui xuân. Trò chơi này ngoài sức khỏe, sự dẻo dai thì đòi hỏi người chơi cần có sự khéo léo, kỹ thuật, chiến thuật tốt cùng sự phối hợp ăn ý với đồng đội để có thể giành được chiến thắng.

Ở một số nơi, kéo co không đơn thuần là trò diễn dân gian mà nó còn phản ánh niềm tin, tín ngưỡng, nhân sinh quan và thế giới quan của cư dân trồng lúa nước về ước vọng cầu mùa, thể hiện mong muốn của cộng đồng. Đội nào thắng cuộc sẽ mang lại điều may mắn cho cộng đồng của mình, được thần linh che chở, cho nên trò chơi dân gian trong lễ hội, ngoài việc thoả mãn nhu cầu vui chơi giải trí, còn mang ý nghĩa phong tục, tâm linh không thể thiếu.

Nghi lễ và trò chơi Kéo co đã được kiểm kê tại các quốc gia: Hàn Quốc (1969), Việt Nam (2013), Philippines (2013) và Campuchia (2013).



Nghi lễ trò chơi kéo co ở Hàn Quốc

Ở Việt Nam, nghi lễ và trò chơi kéo co tập trung hầu hết ở vùng Trung du, Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ - đây là vùng đất tụ cư lâu đời của người Việt, là cái nôi của nền văn minh lúa nước, với trung tâm là các tỉnh: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và thành phố Hà Nội. Ngoài ra, di sản còn được thực hành thường xuyên bởi các tộc người ở miền núi phía Bắc Việt Nam như người Tày (tỉnh Tuyên Quang), người Thái (tỉnh Lai Châu) và người Giáy (tỉnh Lào Cai), vốn là những cư dân trồng lúa sớm trong lịch sử.



Ở Việt Nam, nghi lễ và trò chơi kéo co tập trung hầu hết ở vùng trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ

Ngày 2-12-2015, tại Phiên họp Ủy ban Liên Chính phủ về Bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể lần thứ 10 của UNESCO, Nghi lễ và trò chơi Kéo co ở Hàn Quốc, Việt Nam, Philippines và Campuchia đã chính thức được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

PHỤ LỤC

**DANH MỤC QUỐC GIA VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
CỦA VIỆT NAM**

(tính đến ngày 29/01/2019, xếp theo thứ tự bảng chữ cái)

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
1.	Ca Huế	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thừa Thiên-Huế	08/6/2015	
2.	Ca trù	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Nghệ An, Phú Thọ, Quảng Bình, Thái Bình, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh	27/12/2012	
3.	Chữ Nôm của người Dao	Tiếng nói, chữ viết	Bắc Kạn	27/12/2012	
4.	Chữ Nôm của người Dao	Tiếng nói, chữ viết	Lào Cai	13/10/2015	
5.	Chữ Nôm của người Tày	Tiếng nói, chữ viết	Bắc Kạn	25/8/2014	
6.	Chữ viết cổ của người Thái	Tiếng nói, chữ viết	Sơn La	10/3/2016	
7.	Dân ca Cao Lan	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Giang (xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn)	27/12/2012	
8.	Dân ca Sán Chí	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Giang (xã Kiên Lao, huyện Lục Ngạn)	27/12/2012	
9.	Dân ca của người Bố Y	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hà Giang (xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ)	30/01/2018	
10.	Dân ca quan họ Bắc Ninh	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Ninh và Bắc Giang	27/12/2012	
11.	Dân ca Ví, Giặm xứ Nghệ	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Nghệ An và Hà Tĩnh	27/12/2012	
12.	Đại lễ Kỳ yên đình Tân Phước Tây	Lễ hội truyền thống	Long An (xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ)	19/12/2014	
13.	Đờn ca tài tử Nam Bộ	Nghệ thuật trình diễn dân gian	An Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, thành phố Hồ Chí Minh	27/12/2012	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
14.	<i>Hạn Khuống</i> của người Thái	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Yên Bái (thị xã Nghĩa Lộ)	23/01/2017	
15.	Hát Bả trạo	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Quảng Nam (huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Điện Bàn, thành phố Tam Kỳ và Hội An)	09/9/2013	
16.	Hát Bội Bình Định	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bình Định	25/8/2014	
17.	Hát Dậm Quyển Sơn	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hà Nam (xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng)	29/01/2019	
18.	Hát Đúm Thủy Nguyên	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thành phố Hải Phòng (các xã Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ, Tam Hưng và Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên)	04/9/2018	
19.	Hát múa Ải Lao	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hà Nội (phường Phúc Lợi, quận Long Biên)	16/9/2016	
20.	Hát nhà tơ (hát cửa đình)	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Quảng Ninh	08/6/2015	
21.	Hát <i>Páo dung</i> của người Dao	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tuyên Quang	31/10/2013	
22.	Hát Sắc bùa Phú Lễ	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bến Tre (xã Phú Lễ, huyện Ba Tri)	23/01/2017	
23.	Hát <i>Sinh ca</i> của người Cao Lan	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tuyên Quang	13/10/2015	
24.	Hát <i>Sống cọ</i> (Hát ví Lưu Tam) của người Sán Chay	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Nguyên (huyện Phú Lương)	19/01/2016	
25.	Hát <i>Soọng cô</i> của người Sán Dìu	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tuyên Quang (các xã Sơn Nam, Thiện Kế và Ninh Lai, huyện Sơn Dương)	08/6/2015	
26.	Hát <i>Soọng cô</i> của người Sán Dìu	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Nguyên (huyện Đồng Hỷ)	13/10/2015	
27.	Hát <i>Soọng cô</i> của người Sán Dìu	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Vĩnh Phúc (các huyện Lập Thạch, Tam Đảo, Bình Xuyên và thành phố Phúc Yên)	30/10/2018	
28.	Hát Trống quân làng Bùi Xá	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Ninh (xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành)	19/01/2016	
29.	Hát Trống quân	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hải Dương (xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang)	19/01/2016	
30.	Hát Trống quân	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hưng Yên	21/11/2016	
31.	Hát Xoan ở Phú Thọ	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Phú Thọ	27/12/2012	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
32.	Hò Cần Thơ	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Cần Thơ (huyện Thới Lai, các quận Ô Môn và Cái Răng, thành phố Cần Thơ)	29/01/2018	
33.	Hò Đồng Tháp	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Đồng Tháp	30/10/2018	
34.	Hò khoan Lệ Thủy	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Quảng Bình (huyện Lệ Thủy)	08/5/2017	
35.	Hội đua bò Bảy Núi	Lễ hội truyền thống	An Giang	19/01/2016	
36.	Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc	Lễ hội truyền thống	Hà Nội	27/12/2012	
37.	Hội Minh thệ thôn Hòa Liễu	Lễ hội truyền thống	Hải Phòng (xã Thuận Thiên, huyện Kiến Thụy)	08/5/2017	
38.	Hội vật Liễu Đôi	Lễ hội truyền thống	Hà Nam (xã Liêm Túc, huyện Thanh Liêm)	23/01/2017	
39.	Hơmon (sử thi) của người Ba Na	Ngữ văn dân gian	Gia Lai (các huyện Đăk Đoa, Đăk Pơ, K'Bang và Kông Chro)	19/12/2014	
40.	Hơmon (sử thi) của người Ba Na-Rơ Ngao	Ngữ văn dân gian	Kon Tum	19/12/2014	
41.	Kéo co	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Ninh (xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh)	19/12/2014	
42.	Kéo co của người Tày, người Giáy	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai	25/8/2014	
43.	Kéo co của người Thái	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lai Châu	13/10/2015	
44.	Kéo co ngồi	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Nội (phường Thạch Bàn, quận Long Biên)	19/12/2014	
45.	Kéo co truyền thống	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Tuyên Quang	08/6/2015	
46.	Kéo mỏ (Kéo co)	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Nội (thôn Xuân Lai, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn)	19/12/2014	
47.	Kéo song (Kéo co)	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Vĩnh Phúc (thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên)	19/12/2014	
48.	Khan (sử thi) của người Ê Đê	Ngữ văn dân gian	Đăk Lăk	19/12/2014	
49.	Khắp Nôm của người Tày	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Lào Cai (huyện Văn Bàn)	30/01/2018	
50.	Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Đăk Lăk, Kon Tum, Gia Lai, Đăk Nông và Lâm Đồng	27/12/2012	
51.	Kỹ thuật làm giấy bản của người Dao Đỏ	Tri thức dân gian	Hà Giang (thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang)	04/9/2018	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
52.	Kỹ thuật trồng lanh và dệt vải lanh của người Hmông	Tri thức dân gian	Hà Giang (xã Lùng Tám, huyện Quản Bạ)	19/01/2016	
53.	Lễ bỏ mả của người Raglai	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Khánh Hòa (xã Ba Cùm Bắc, huyện Khánh Sơn)	27/12/2012	
54.	Lễ Bỏ mả của người Raglai	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Ninh Thuận (xã Phước Chiến, huyện Thuận Bắc)	30/10/2018	
55.	Lễ Cấp sắc của người Dao Quần Chẹt	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Phú Thọ (xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập)	29/01/2019	
56.	Lễ Cấp sắc của người Sán Dìu	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Thái Nguyên (xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ và xã Bàn Đát, huyện Phú Bình)	30/10/2018	
57.	Lễ cấp sắc của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Kạn	08/6/2015	
58.	Lễ Cấp sắc Pụt (<i>Lầu Pụt</i>) của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Kạn (xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể)	30/01/2018	
59.	Lễ Cầu làng (<i>Áy lay</i>) của người Dao Hợ	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (huyện Văn Bàn)	30/01/2018	
60.	Lễ cầu an (<i>Pang A</i>) của người La Ha	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Sơn La (các huyện Mường La, Quỳnh Nhai và Thuận Châu)	30/01/2018	
61.	Lễ cầu năm mới, cầu mùa của người Dao (<i>Tjư siàng thun boàu liu</i>)	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Kạn (xã Đồng Xá, huyện Na Rì)	19/01/2016	
62.	Lễ cúng dòng họ (<i>Tu su</i>) của người Hmông	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Sơn La	21/11/2016	
63.	Lễ cúng rừng (<i>Mo đổng trư</i>) của người Nùng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (huyện Hoàng Su Phì)	16/9/2016	
64.	Lễ cúng rừng của người Phù Lá	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (xã Nàn Sín, huyện Xín Mần)	27/9/2018	
65.	Lễ cúng rừng (<i>Mủ đặng mai</i>) của người Thu Lao	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (xã Tả Gia Khâu, huyện Mường Khương)	13/6/2016	
66.	Lễ cúng thần rừng của người Pu Péo	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (xã Phố Là, huyện Đồng Văn)	27/12/2012	
67.	Lễ cúng tổ tiên của người Lô Lô	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn)	27/12/2012	
68.	Lễ cúng trưởng thành của người Ê Đê	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Phú Yên (huyện Sông Hinh, huyện Sơn Hòa)	04/9/2018	
69.	Lễ <i>Gạ ma do</i> (Cúng rừng) của người Hà Nhì	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (huyện Bát Xát)	13/10/2015	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
70.	Lễ <i>Gạ Ma Thú</i> (Cúng bản) của người Hà Nhì	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Điện Biên (các xã Sín Thầu, Chung Chải, Sen Thượng và Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé)	29/01/2019	
71.	Lễ Hát múa ăn mừng dưới cây Bông (<i>Kin Chieng Bọc Mạy</i>) của người Thái	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Thanh Hóa (xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh)	20/6/2017	
72.	Lễ <i>Hết chá</i> của người Thái	Lễ hội truyền thống	Sơn La (xã Đông Sang, huyện Mộc Châu)	08/6/2015	
73.	Lễ hội Bình Đà	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (xã Bình Minh, huyện Thanh Oai)	01/4/2014	
74.	Lễ hội Bồ Đà	Lễ hội truyền thống	Bắc Giang (xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên)	23/01/2017	
75.	Lễ hội bơi Đám	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm)	30/01/2018	
76.	Lễ hội Búng Kham	Lễ hội truyền thống	Lạng Sơn (xã Đại Đồng, huyện Tràng Định)	08/6/2015	
77.	Lễ hội cầu mùa của người Sán Chay	Lễ hội truyền thống	Thái Nguyên (huyện Phú Lương)	30/01/2018	
78.	Lễ hội cầu mưa của Yang Pota Apui	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Gia Lai	08/6/2015	
79.	Lễ hội Cầu Ngư	Lễ hội truyền thống	Đà Nẵng	10/3/2016	
80.	Lễ hội Cầu Ngư	Lễ hội truyền thống	Phú Yên	16/9/2016	
81.	Lễ hội Cầu Ngư	Lễ hội truyền thống	Thanh Hóa (xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc)	11/9/2017	
82.	Lễ hội Cầu Ngư ở Khánh Hòa	Lễ hội truyền thống	Khánh Hòa	27/12/2012	
83.	Lễ hội Cầu Ngư ở Quảng Bình	Lễ hội truyền thống	Quảng Bình (các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy và thị xã Ba Đồn, thành phố Đồng Hới)	30/10/2018	
84.	Lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn	Lễ hội truyền thống	Hải Phòng (quận Đồ Sơn)	27/12/2012	
85.	Lễ hội chùa Bà Đanh	Lễ hội truyền thống	Hà Nam (xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng)	29/01/2019	
86.	Lễ hội chùa Hào Xá	Lễ hội truyền thống	Hải Dương (xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà)	08/6/2015	
87.	Lễ hội chùa Keo	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư)	23/01/2017	
88.	Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm	Lễ hội truyền thống	Bắc Giang (xã Trí Yên, huyện Dũng Yên)	09/9/2013	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
89.	Lễ hội Côn Sơn	Lễ hội truyền thống	Hải Dương (Thị xã Chí Linh)	27/12/2012	
90.	Lễ hội cúng biển Mỹ Long	Lễ hội truyền thống	Trà Vinh (xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam và thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang)	31/10/2013	
91.	Lễ hội Đào Xá	Lễ hội truyền thống	Phú Thọ (xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy)	21/11/2016	
92.	Lễ hội đền A Sào	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ)	13/10/2015	
93.	Lễ hội đền Bảo Hà	Lễ hội truyền thống	Lào Cai (xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên)	13/6/2016	
94.	Lễ hội đền Chiêu Trưng	Lễ hội truyền thống	Hà Tĩnh (xã Thạch Bàn, xã Thạch Hải, huyện Thạch Hà; xã Mai Phụ, xã Thạch Kim, huyện Lộc Hà)	20/6/2017	
95.	Lễ hội đền Chín Gian	Lễ hội truyền thống	Nghệ An (huyện Quế Phong)	13/6/2016	
96.	Lễ hội đền Cờn	Lễ hội truyền thống	Nghệ An (thị xã Hoàng Mai)	13/6/2016	
97.	Lễ hội đền Cửa Ông	Lễ hội truyền thống	Quảng Ninh (phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả)	21/11/2016	
98.	Lễ hội đền Độc Cước	Lễ hội truyền thống	Thanh Hóa (thành phố Sầm Sơn)	27/9/2018	
99.	Lễ hội đền Đồng Bằng	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (xã An Lễ, huyện Quỳnh Phụ)	16/9/2016	
100.	Lễ hội đền Đuối	Lễ hội truyền thống	Thái Nguyên (xã Động Đạt, huyện Phú Lương)	23/01/2017	
101.	Lễ hội đền Hạ, đền Thượng, đền Ý La	Lễ hội truyền thống	Tuyên Quang (thành phố Tuyên Quang)	23/01/2017	
102.	Lễ hội đền Hai Bà Trưng	Lễ hội truyền thống	Hà Nội	09/02/2018	
103.	Lễ hội đền Hát Môn	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ)	19/01/2016	
104.	Lễ hội đền Hoàng Công Chất	Lễ hội truyền thống	Điện Biên (xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên)	08/6/2015	
105.	Lễ hội đền Kỳ Cùng-đền Tả Phủ	Lễ hội truyền thống	Lạng Sơn (thành phố Lạng Sơn)	08/6/2015	
106.	Lễ hội Đền Lãng Sơn	Lễ hội truyền thống	Phú Thọ (xã Trung Nghĩa, huyện Thanh Thủy)	04/9/2018	
107.	Lễ hội đền Lảnh Giang	Lễ hội truyền thống	Hà Nam (xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên)	20/6/2017	
108.	Lễ hội đền Lộng Khê	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ)	11/9/2017	
109.	Lễ hội đền Ngự Dội	Lễ hội truyền thống	Vĩnh Phúc (xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường)	30/01/2018	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
110.	Lễ hội đèn Quả Sơn	Lễ hội truyền thống	Nghệ An (xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương)	04/9/2018	
111.	Lễ hội đèn Suối Mỡ	Lễ hội truyền thống	Bắc Giang (xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam)	08/6/2015	
112.	Lễ hội đèn Thanh Liệt	Lễ hội truyền thống	Nghệ An (xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên)	27/9/2018	
113.	Lễ hội đèn Thượng	Lễ hội truyền thống	Lào Cai (thành phố Lào Cai)	16/9/2016	
114.	Lễ hội đèn Trần	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà)	27/01/2014	
115.	Lễ hội đèn Trần	Lễ hội truyền thống	Nam Định (phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định)	19/12/2014	
116.	Lễ hội đèn Trần Thương	Lễ hội truyền thống	Hà Nam (xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân)	23/01/2017	
117.	Lễ hội đèn Và	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây)	19/01/2016	
118.	Lễ hội điện Trường Bà	Lễ hội truyền thống	Quảng Ngãi (thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng)	08/5/2017	
119.	Lễ hội đình Chèm	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm)	13/6/2016	
120.	Lễ hội đình Lưu Xá	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ)	21/11/2016	
121.	Lễ hội đình Phương Độ	Lễ hội truyền thống	Thái Nguyên (xã Xuân Phương, huyện Phú Bình)	30/01/2018	
122.	Lễ hội đình Thọ Vực	Lễ hội truyền thống	Tuyên Quang (xã Hồng Lạc, huyện Sơn Dương)	27/9/2018	
123.	Lễ hội đình Trịnh Xuyên	Lễ hội truyền thống	Hải Dương (xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang)	08/6/2015	
124.	Lễ hội đình Trường Lâm	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (phường Việt Hưng, quận Long Biên)	30/01/2018	
125.	Lễ hội đình Vòng	Lễ hội truyền thống	Bắc Giang (xã Song Vân, huyện Tân Yên)	08/6/2015	
126.	Lễ hội gầu tào	Lễ hội truyền thống	Hà Giang và Lào Cai	27/12/2012	
127.	Lễ hội Hải Thượng Lãn Ông	Lễ hội truyền thống	Hà Tĩnh (huyện Hương Sơn)	13/10/2015	
128.	Lễ hội <i>Katé</i> của người Chăm	Lễ hội truyền thống	Ninh Thuận	20/6/2017	
129.	Lễ hội Kiếp Bạc	Lễ hội truyền thống	Hải Dương (Thị xã Chí Linh)	27/12/2012	
130.	Lễ hội <i>Khô già già</i> của người Hà Nhì đen	Lễ hội truyền thống	Lào Cai (huyện Bát Xát)	19/12/2014	
131.	Lễ hội Kỳ yên tại đình Gia Lộc	Lễ hội truyền thống	Tây Ninh (thị trấn Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng)	27/12/2012	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
132.	Lễ hội Kỳ yên đình Bình Thủy	Lễ hội truyền thống	Cần Thơ (phường Bình Thủy, quận Bình Thủy)	30/01/2018	
133.	Lễ hội làng Diêm	Lễ hội truyền thống	Bắc Ninh (xã Hòa Long, thành phố Bắc Ninh)	19/01/2016	
134.	Lễ hội làng Đồng Kỵ	Lễ hội truyền thống	Bắc Ninh (phường Đồng Kỵ, thị xã Từ Sơn)	19/01/2016	
135.	Lễ hội làng Lệ Mật	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (làng Lệ Mật, phường Việt Hưng, quận Long Biên)	19/12/2014	
136.	Lễ hội làng Quang Lang	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy)	21/11/2016	
137.	Lễ hội làng Thượng Liệt	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (xã Đông Tân, huyện Đông Hưng)	27/9/2018	
138.	Lễ hội Làng Triều Khúc	Lễ hội truyền thống	Hà Nội (xã Tân Triều, huyện Thanh Trì)	29/01/2019	
139.	Lễ hội <i>Lồng tồng</i> Ba Bể	Lễ hội truyền thống	Bắc Kạn (xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể)	19/12/2014	
140.	Lễ hội <i>Lồng tồng</i> của người Tày	Lễ hội truyền thống	Tuyên Quang	27/12/2012	
141.	Lễ hội <i>Lồng tồng</i> của người Tày	Lễ hội truyền thống	Thái Nguyên (huyện Định Hóa)	08/5/2017	
142.	Lễ hội <i>Lồng tồng</i> của người Tày	Lễ hội truyền thống	Lào Cai (huyện Văn Bàn)	30/01/2018	
143.	Lễ hội miếu Bà Chúa Xứ núi Sam	Lễ hội truyền thống	An Giang (phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc)	19/12/2014	
144.	Lễ hội Ná nhèm	Lễ hội truyền thống	Lạng Sơn	08/6/2015	
145.	Lễ hội Nàng Hai của người Tày	Lễ hội truyền thống	Cao Bằng (xã Tiên Thành, huyện Phục Hòa)	20/6/2017	
146.	Lễ hội Nàng Hai (Cầu trắng) của người Tày Ngạn	Lễ hội truyền thống	Hà Giang (xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang)	27/9/2018	
147.	Lễ hội năm mới của người Giáy	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (xã Tát Ngà, huyện Mèo Vạc)	25/8/2014	
148.	Lễ hội Nghinh Ông	Lễ hội truyền thống	Thành phố Hồ Chí Minh (huyện Cần Giờ)	09/9/2013	
149.	Lễ hội Nghinh Ông	Lễ hội truyền thống	Bến Tre (xã Bình Thắng, huyện Bình Đại)	10/3/2016	
150.	Lễ hội Nghinh Ông	Lễ hội truyền thống	Sóc Trăng (thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề)	29/01/2019	
151.	Lễ hội nhảy lửa của người Pà Thẻn	Lễ hội truyền thống	Hà Giang (xã Tân Bắc, huyện Quang Bình)	27/12/2012	
152.	Lễ hội <i>Ok Om Bok</i> của người Khmer	Lễ hội truyền thống	Trà Vinh	25/8/2014	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
153.	Lễ hội Phài Lừa	Lễ hội truyền thống	Lạng Sơn (xã Hồng Phong, huyện Bình Gia)	30/01/2018	
154.	Lễ hội Phủ Dầy	Lễ hội truyền thống	Nam Định (xã Kim Thái, huyện Vụ Bản)	09/9/2013	
155.	Lễ hội <i>Quỹa Hiéng</i> (Lễ hội qua năm) của người Dao đỏ	Lễ hội truyền thống	Hà Giang (xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì)	08/6/2015	
156.	Lễ hội <i>Roóng Pơoc</i> của người Giáy	Lễ hội truyền thống	Lào Cai (xã Tả Van, huyện Sa Pa)	31/10/2013	
157.	Lễ hội <i>Rước Cộ Bà Chợ Được</i>	Lễ hội truyền thống	Quảng Nam (xã Bình Triều, huyện Thăng Bình)	25/08/2014	
158.	Lễ hội tháp Bà Po Nagar Nha Trang	Lễ hội truyền thống	Khánh Hòa (thành phố Nha Trang)	27/12/2012	
159.	Lễ hội Thổ Hà	Lễ hội truyền thống	Bắc Giang (xã Vân Hà, huyện Việt Yên)	27/12/2012	
160.	Lễ hội Tiên Công	Lễ hội truyền thống	Quảng Ninh (thị xã Quảng Yên)	08/5/2017	
161.	Lễ hội Tiên La	Lễ hội truyền thống	Thái Bình (huyện Hưng Hà)	15/4/2016	
162.	Lễ hội trò Chiềng	Lễ hội truyền thống	Thanh Hóa (xã Yên Ninh, huyện Yên Định)	20/6/2017	
163.	Lễ hội trò Ngõ làng Giàng	Lễ hội truyền thống	Lạng Sơn (xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng)	08/5/2017	
164.	Lễ hội Trò Trám	Lễ hội truyền thống	Phú Thọ (xã Tứ Xã, huyện Lâm Thao)	21/11/2016	
165.	Lễ hội truyền thống nữ tướng Lê Chân	Lễ hội truyền thống	Hải Phòng (quận Lê Chân)	10/3/2016	
166.	Lễ hội Trương Định	Lễ hội truyền thống	Tiền Giang (thị xã Gò Công và xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông)	10/3/2016	
167.	Lễ hội Trường Yên	Lễ hội truyền thống	Ninh Bình (xã Trường Yên, huyện Hoa Lư)	19/12/2014	
168.	Lễ hội Vật làng Vĩnh Khê	Lễ hội truyền thống	Hải Phòng (xã An Đồng, huyện An Dương)	11/9/2017	
169.	Lễ hội Vía Bà Ngũ hành	Lễ hội truyền thống	Long An (xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc)	19/12/2014	
170.	Lễ hội Xa Mã - Rước kiệu Đình Hoàng Châu	Lễ hội truyền thống	Hải Phòng (xã Hoàng Châu, huyện Cát Hải)	08/5/2017	
171.	Lễ hội Y Sơn	Lễ hội truyền thống	Bắc Giang (xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa)	08/6/2015	
172.	Lễ hội Yên Thế	Lễ hội truyền thống	Bắc Giang (Thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế)	27/12/2012	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
173.	Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Quảng Ngãi (xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn)	24/4/2013	
174.	Lễ <i>Khoi Kim</i> (Cúng rừng) của người Dao đỏ	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai	13/10/2015	
175.	Lễ <i>Kin Pang Then</i> của người Thái trắng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Điện Biên (thị xã Mường Lay)	08/6/2015	
176.	Lễ làm chay	Lễ hội truyền thống	Long An (thị trấn Tâm Vu, huyện Châu Thành)	19/12/2014	
177.	Lễ <i>Pút Tông</i> của người Dao đỏ	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (huyện Sa Pa)	31/10/2013	
178.	Lễ ra đồng (<i>Pặt Oong</i>) của người Pu Péo	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (xã Phố Là, huyện Đồng Văn)	30/01/2018	
179.	Lễ tịch điền	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Nam (xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên)	23/01/2017	
180.	Lễ vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu - Núi Bà Đen	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Tây Ninh (thành phố Tây Ninh)	04/9/2018	
181.	Lễ <i>Xăng Khan</i> (<i>Kin chiêng boóc mạy</i>) của người Thái	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Nghệ An (các huyện Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tương Dương, Kỳ Sơn, Con Cuông và Nghĩa Đàn)	11/9/2017	
182.	<i>Lượn Cọi</i> của người Tày	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Nguyên (huyện Định Hóa)	30/01/2018	
183.	<i>Lượn Cọi</i> của người Tày	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Kạn (huyện Pác Nặm)	29/01/2019	
184.	<i>Lượn Sluong</i> của người Tày	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Kạn	25/8/2014	
185.	<i>Mền Loóng Phạt Ái</i> (Tết Hoa mào gà) của người Cống	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Điện Biên (xã Pa Thơm, huyện Điện Biên, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé và xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ)	29/01/2019	
186.	Mo Mường ở Hòa Bình	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hòa Bình	19/01/2016	
187.	Múa rối nước	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hải Dương	27/12/2012	
188.	Múa <i>Tắc Xinh</i> của người Sán Chay	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Nguyên (huyện Phú Lương)	25/8/2014	
189.	Múa <i>Tâng tung Da dá</i> của người Cơ Tu	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Quảng Nam (các huyện Đông Giang, Nam Giang và Tây Giang)	25/8/2014	
190.	Múa sư tử của người Tày, Nùng	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Lạng Sơn	08/5/2017	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
191.	Múa trống <i>Chhay-dăm</i>	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tây Ninh (xã Trường Tây, huyện Hòa Thành)	19/12/2014	
192.	Nghề chạm khắc bạc của người Dao Đỏ	Nghề thủ công truyền thống	Lào Cai (huyện Sa Pa)	30/01/2018	
193.	Nghề chạm khắc bạc của người Hmông	Nghề thủ công truyền thống	Lào Cai (huyện Sa Pa)	31/10/2013	
194.	Nghề chạm khắc gỗ Phù Khê	Nghề thủ công truyền thống	Bắc Ninh (xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn)	19/01/2016	
195.	Nghề chày Slaw của người Nùng Dín	Nghề thủ công truyền thống	Lào Cai (huyện Mường Khương)	31/10/2013	
196.	Nghề cốm Mễ Trì	Nghề thủ công truyền thống	Hà Nội (phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm)	29/01/2019	
197.	Nghề dệt chiếu	Nghề thủ công truyền thống	Đồng Tháp (xã Định An và Định Yên, huyện Lấp Vò)	09/9/2013	
198.	Nghề dệt chiếu lác	Nghề thủ công truyền thống	Long An (các huyện Cần Đức, Bến Lức và Tân Trụ)	19/12/2014	
199.	Nghề dệt <i>Dèng</i> (thổ cẩm) của người Tà Ôi	Nghề thủ công truyền thống	Thừa Thiên-Huế (huyện A Lưới)	21/11/2016	
200.	Nghề dệt thổ cẩm của người Cơ Tu	Nghề thủ công truyền thống	Quảng Nam (các huyện Đông Giang, Nam Giang và Tây Giang)	25/8/2014	
201.	Nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Hrê	Nghề thủ công truyền thống	Quảng Ngãi (xã Ba Thành, huyện Ba Tơ)	29/01/2019	
202.	Nghề dệt thủ công truyền thống của người Tày	Nghề thủ công truyền thống	Bắc Kạn	19/12/2014	
203.	Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước	Nghề thủ công truyền thống	Đà Nẵng (phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn)	25/8/2014	
204.	Nghề đóng xuồng, ghe Long Hậu	Nghề thủ công truyền thống	Đồng Tháp (xã Long Hậu, huyện Lai Vung)	19/12/2014	
205.	Nghề đúc đồng cổ truyền làng Chè (Trà Đông)	Nghề thủ công truyền thống	Thanh Hóa (xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa)	04/9/2018	
206.	Nghề gò đồng Đại Bái	Nghề thủ công truyền thống	Bắc Ninh (xã Đại Bái, huyện Gia Bình)	19/01/2016	
207.	Nghề gốm Phù Lãng	Nghề thủ công truyền thống	Bắc Ninh (xã Phù Lãng, huyện Quế Võ)	19/01/2016	
208.	Nghề khai thác yến sào Thanh Châu	Nghề thủ công truyền thống	Quảng Nam (xã Cẩm Thanh, thành phố Hội An và đảo Cù Lao Chàm)	21/11/2016	
209.	Nghề làm Bánh phồng Sơn Đốc	Nghề thủ công truyền thống	Bến Tre (xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm)	30/10/2018	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
210.	Nghề làm Bánh tráng Mỹ Lồng	Nghề thủ công truyền thống	Bến Tre (xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm)	30/10/2018	
211.	Nghề làm bánh tráng phơi sương Trảng Bàng	Nghề thủ công truyền thống	Tây Ninh (huyện Trảng Bàng)	13/10/2015	
212.	Nghề làm gốm của người Chăm	Nghề thủ công truyền thống	Bình Thuận (xã Phan Hiệp, huyện Bắc Bình)	27/12/2012	
213.	Nghề mộc Kim Bồng	Nghề thủ công truyền thống	Quảng Nam (xã Cẩm Kim, thành phố Hội An)	21/11/2016	
214.	Nghề rèn của người Nùng An	Nghề thủ công truyền thống	Cao Bằng (xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên)	29/01/2019	
215.	Nghề sơn mài Cát Đằng	Nghề thủ công truyền thống	Nam Định (xã Yên Tiến, huyện Ý Yên)	08/5/2017	
216.	Nghề sơn mài ở Tương Bình Hiệp	Nghề thủ công truyền thống	Bình Dương (Phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một)	06/4/2016	
217.	Nghề thêu truyền thống ở Đông Cứu	Nghề thủ công truyền thống	Hà Nội (xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín)	21/11/2016	
218.	Nghề thủ công tre, trúc Xuân Lai	Nghề thủ công truyền thống	Bắc Ninh (xã Xuân Lai, huyện Gia Bình)	10/3/2016	
219.	Nghệ thuật Bài chòi	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bình Định	25/8/2014	
220.	Nghệ thuật Bài chòi	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Quảng Nam	25/8/2014	
221.	Nghệ thuật Bài chòi	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Phú Yên	25/8/2014	
222.	Nghệ thuật Bài chòi	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Đà Nẵng	21/11/2016	
223.	Nghệ thuật <i>Chăm riêng chà pây</i> của người Khmer	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Trà Vinh (xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú)	24/4/2013	
224.	Nghệ thuật Chiêng Mường ở Hòa Bình	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hòa Bình	19/01/2016	
225.	Nghệ thuật Khèn của người Hmông	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Hà Giang	13/10/2015	
226.	Nghệ thuật Khèn của người Hmông	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Lào Cai	13/10/2015	
227.	Nghệ thuật Khèn của người Hmông	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Nguyên (huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ)	08/5/2017	
228.	Nghệ thuật Khèn của người Hmông	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Sơn La (huyện Mộc Châu)	30/01/2018	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
229.	Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm làng Bàu Trúc	Nghề thủ công truyền thống	Ninh Thuận (thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước)	20/6/2017	
230.	Nghệ thuật Múa khèn của người Hmông	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bắc Kạn	08/6/2015	
231.	Nghệ thuật múa rối nước ở Nguyên Xá và Đông Các	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Bình (các xã Nguyên Xá và Đông Các, huyện Đông Hưng)	04/9/2018	
232.	Nghệ thuật <i>Rô-bam</i> của người Khmer	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Trà Vinh	08/5/2017	
233.	Nghệ thuật <i>Rô-băm</i> của người Khmer	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Sóc Trăng (xã Tài Văn, huyện Trần Đề)	29/01/2019	
234.	Nghệ thuật sân khấu <i>dù kê</i> của người Khmer	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Sóc Trăng	25/8/2014	
235.	Nghệ thuật tạo hoa văn trên trang phục truyền thống của người Hmông Hoa	Tri thức dân gian	Điện Biên (xã Sa Lông, huyện Mường Chà)	11/9/2017	
236.	Nghệ thuật <i>The</i> (múa) của người Tày ở Tà Chải	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Lào Cai (xã Tà Chải, huyện Bắc Hà)	19/12/2014	
237.	Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Dao Đỏ	Tri thức dân gian	Bắc Kạn (xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn)	30/01/2018	
238.	Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Xá Phó	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai	19/12/2014	
239.	Nghệ thuật trang trí trên trang phục truyền thống của người Dao Đỏ	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Tuyên Quang (các huyện Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa, Na Hang và Lâm Bình)	29/01/2019	
240.	Nghệ thuật trình diễn Trống đôi, Cồng ba, Chiêng năm ở Xí Thoại	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Phú Yên (xã Xuân Lãnh, huyện Đồng Xuân)	13/10/2015	
241.	Nghệ thuật Tuồng xứ Quảng	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Đà Nẵng	08/6/2015	
242.	Nghệ thuật Xòe Thái	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Điện Biên	31/10/2013	
243.	Nghệ thuật Xòe Thái	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Lai Châu	08/6/2015	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
244.	Nghệ thuật Xòe Thái	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Sơn La	08/6/2015	
245.	Nghệ thuật Xòe Thái ở Mường Lò-Nghĩa Lộ	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Yên Bái (thị xã Nghĩa Lộ)	08/6/2015	
246.	Nghi lễ cấp sắc của người Dao	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Kạn, Hà Giang, Lào Cai và Yên Bái	27/12/2012	
247.	Nghi lễ cấp sắc của người Dao	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Tuyên Quang	31/10/2013	
248.	Nghi lễ cấp sắc của người Dao	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Thái Nguyên	25/8/2014	
249.	Nghi lễ cấp sắc của người Dao	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Sơn La	21/11/2016	
250.	Nghi lễ Cấp sắc của người Nùng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Thái Nguyên (huyện Đồng Hỷ)	08/5/2017	
251.	Nghi lễ Cấp sắc Tào của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Kạn (huyện Na Rì)	21/11/2016	
252.	Nghi lễ Châu văn của người Việt	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Nam và Nam Định	27/12/2012	
253.	Nghi lễ dựng cây nêu và bộ <i>Gu</i> của người Co	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Quảng Nam (xã Trà Kót và Trà Nú, huyện Bắc Trà My)	25/8/2014	
254.	Nghi lễ <i>Hét Khoăn</i> của người Nùng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Thái Nguyên (huyện Đồng Hỷ)	13/10/2015	
255.	Nghi lễ <i>Mo Tham Thát</i> của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn)	29/01/2019	
256.	Nghi lễ mừng sinh nhật (<i>Hắt khoăn</i>) của người Nùng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Kạn (huyện Na Rì)	21/11/2016	
257.	Nghi lễ Tết nhảy (<i>Nhảng chằm đao</i>) của người Dao	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Thái Nguyên (huyện Đại Từ)	21/11/2016	
258.	Nghi lễ Then của người Giáy	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (huyện Bát Xát)	29/01/2019	
259.	Nghi lễ <i>Then</i> của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai, Quảng Ninh và Tuyên Quang	27/12/2012	
260.	Nghi lễ <i>Then</i> của người Tày	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Cao Bằng	25/8/2014	
261.	Nghi lễ <i>Then</i> của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang	08/6/2015	
262.	Nghi lễ <i>Then</i> của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Thái Nguyên (huyện Định Hóa)	13/10/2015	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
263.	Nghi lễ <i>Then</i> của người Tày, người Nùng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Bắc Giang	13/10/2015	
264.	Nghi lễ <i>Then</i> của người Tày, người Nùng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lạng Sơn	13/10/2015	
265.	Ngũ trò Viên Khê (dân ca Đông Anh)	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thanh Hóa (xã Đông Anh, huyện Đông Sơn)	11/9/2017	
266.	Nhã nhạc - âm nhạc cung đình Việt Nam	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thừa Thiên - Huế	27/12/2012	
267.	Nói lý, hát lý của người Cơ Tu	Nghệ thuật trình diễn dân gian; Tiếng nói, chữ viết	Quảng Nam (các huyện Đông Giang, Nam Giang và Tây Giang)	13/10/2015	
268.	<i>Ot Ndong</i> (sử thi) của người M'Nông	Ngữ văn dân gian	Đắk Nông (các huyện Tuy Đức, Đắk Song và Đắk Mil)	19/12/2014	
269.	<i>Pả Dung</i> của người Dao	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Nguyên (xã Phúc Chu, huyện Định Hóa và xã Yên Ninh, huyện Phú Lương)	30/10/2018	
270.	Rối cạn của người Tày ở Thẩm Rộc và Ru Nghệ	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thái Nguyên (các xã Bình Yên và Đồng Thịnh, huyện Định Hóa)	08/6/2015	
271.	Tết cá của người Tày	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (huyện Yên Minh)	16/9/2016	
272.	Tết <i>Khu Cù Tê</i> của người La Chí	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Giang (các huyện Xín Mần và Hoàng Su Phì)	25/8/2014	
273.	Tết <i>Nào Pé Châu</i> của người Hmông đen	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Điện Biên (xã Mường Đăng, huyện Mường Ảng)	08/6/2015	
274.	Tết <i>Sử giề pà</i> của người Bố Y	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (huyện Mường Khương)	19/12/2014	
275.	Tết té nước (<i>Bun huột nặm</i>) của người Lào	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Điện Biên (xã Núa Ngam, huyện Điện Biên)	11/9/2017	
276.	Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Phú Thọ	27/12/2012	
277.	Tín ngưỡng thờ Mẫu Âu Cơ	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Phú Thọ (Đền Mẫu Âu Cơ, xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa)	23/01/2017	
278.	Tranh dân gian Đông Hồ	Nghề thủ công truyền thống	Bắc Ninh (xã Song Hồ, huyện Thuận Thành)	27/12/2012	
279.	Tri thức canh tác hốc đá của cư dân Cao nguyên đá Hà Giang	Thi thức dân gian	Hà Giang (các huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc)	25/8/2014	

TT	Tên di sản	Loại hình	Địa điểm	Ngày công nhận	Ghi chú
280.	Tri thức và kỹ thuật viết chữ trên lá Buông của người Khmer	Tri thức dân gian	An Giang (huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên)	23/01/2017	
281.	Trò diễn <i>Pôôn Pôông</i> của người Mường	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thanh Hóa (xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc)	21/11/2016	
282.	Trò Xuân Phả	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thanh Hóa (xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân)	16/9/2016	
283.	Trống trong nghi lễ của người Hmông	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Lào Cai (huyện Mường Khương)	30/01/2018	
284.	Tục cúng việc lễ	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Long An	19/12/2014	
285.	Tục thờ Tản Viên Sơn Thánh tại Ba Vì	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Hà Nội (huyện Ba Vì)	30/01/2018	
286.	Văn hóa Chợ nổi Cái Răng	Tập quán xã hội và tín ngưỡng	Cần Thơ (quận Cái Răng)	10/3/2016	
287.	Võ cổ truyền Bình Định	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Bình Định	27/12/2012	
288.	<i>Xường</i> giao duyên của người Mường	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Thanh Hóa (các xã Cao Ngọc, Thạch Lập, Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc)	29/01/2019	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barbe, W. B.; Swassing, R. H.; và Milone, M. N. (1979). *Teaching Through Modality Strengths: Concepts and Practices*. Columbus, Ohio: Zaner-Bloser.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Diễn đàn hỗ trợ dạy và học tích cực.
3. <http://giaoducphothong.edu.vn/>
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông mới – Chương trình các môn học* (Bản ban hành chính thức ngày 30/11).
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* (dự thảo tháng 7/2017).
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Sách giáo khoa Ngữ văn 6* (tập 1), NXB Giáo dục.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2013), *Sách giáo khoa Âm nhạc và Mỹ thuật lớp 6* (phần Mỹ thuật), Nxb. Giáo dục.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2013). *Sách GV Mỹ thuật lớp 6*, Nxb. Giáo dục.
9. Phạm Thị Thủy Chung (2014), “Một số đặc điểm trò chơi truyền thống ở Đông Nam Á – Ảnh xạ từ đặc trưng văn hóa bản địa”, Tạp chí *Bảo tàng và Nhân học*, số 3, tr. 25-34.
10. Phạm Thị Thủy Chung (2017), “Rituals of Cầu mùa (Praying for a Fertile Crop) in Vietnam: Similarity in Concept and Diversity in Practice”, SPAFA Journal (Open Access), Vol1, No1.
11. Cục Di sản văn hóa – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
12. <http://dch.gov.vn/pages/news/news.aspx?id=38>
13. Sato, M. (2018). *SDG 4.7 and Quality Education – Effective Linkages between ICH & ESD* (presentation on expert meeting for “Multi-disciplinary on Intangible Cultural Heritage’s Contribution to Sustainable Development: Focusing on Education”. Hanoi.
14. Vũ Phương Nga. (2015), “Vai trò của tư liệu nghe-nhìn trong bảo tàng”, Tạp chí *Bảo tàng & Nhân học*, tr. 147-162.
15. Vũ Hồng Nhi (2015), “Những tiếp cận mới trong công tác giáo dục ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam”, Tạp chí *Bảo tàng và nhân học* số 3 và 4, tr 114 - 128.
16. Vũ Hồng Nhi (2017) “Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa dân gian ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam”, Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 4, tr. 97 – 104.
17. UNESCO. (2018). *Issues and Trends in Education for Sustainable Development*.
18. UNESCO. (2017). *Education for Sustainable Development Goals – Learning Objectives*.
19. UNESCO. (2015). *Learning with Intangible Heritage for a Sustainable Future – Guidelines for Educators in the Asia-Pacific Region*.
20. UNESCO, Ministry of Education and Training of Vietnam, Vietnam Museum of Ethnology. (2014). *Instructions on Preparing a Curricular Lesson Plan with Integration of Intangible Cultural Heritage*.
21. UNESCO Hà Nội. (2010). *Di sản văn hóa phi vật thể và phát triển bền vững*.
22. <https://ich.unesco.org/doc/src/34299-VI.pdf>
23. UNESCO. (2010). *Lăng kính GDVSPTBV – Công cụ rà soát chính sách và thực tiễn*.
24. UNESCO Hà Nội, Viện KHGDVN. (2010). *Giáo dục vì sự phát triển bền vững – Công cụ rà soát chương trình giáo dục*.
25. Viện KHGDVN, UNESCO Hà Nội. (2017). *Tài liệu vận động chính sách Giáo dục vì sự phát triển bền vững trong giáo dục mầm non và phổ thông*.
26. WECD. (1987). *Our common future*.
27. <http://www.un-documents.net/our-common-future.pdf>
28. Walter B. Barbe và Michael N. Milone, Jr. (1981). *What We Know about Modality Strengths, Educational Leadership*, February, Association for Supervision and Curriculum Development, pp. 378-380.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bình Khiêm, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
ĐT: (84-24) 38263070 - (84-24) 39434239 - Fax: (84-24) 39449839
Email: nxbvhdtd@yahoo.com.vn; nxbvandantoc@yahoo.com.vn

Trung tâm xuất bản Văn hóa, Thông tin và Âm nhạc

Số 61 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

ĐT: (84-24) 38256286 - 39341782

Chi nhánh: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84-28) 38222895

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO DỤC VỀ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG HƯỚNG TỚI CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

CÁT THỊ KHÁNH VÂN

Biên tập: Hoàng Thị Thu

Thiết kế bìa: Nguyễn Lê Văn Dung

Trình bày: Nguyễn Như Tiến

Sửa bản in: Nhóm tác giả

Đối tác liên kết: Công ty TNHH In và Thương mại T và L
Số 12, ngách 63, ngõ 406 đường Âu Cơ, Tây Hồ, Hà Nội